



CHU TRỌNG HUYỄN

Người Mẹ của một thiên tài



Nhà xuất bản Thuận Hoá

NGƯỜI MẸ
CỦA MỘT
THIÊN TÀI

CHU TRỌNG HUYẾN

NGƯỜI MẸ
CỦA MỘT
THIÊN TÀI

(Tái bản)

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA
HUẾ - 2006

*

* *

Hồi bé, Gót (Wolfgang Goether, 1749-1832) thường được mẹ ru bằng những tiếng dương cầm.

Bà Trần Thị Tần ru con trai mình là Nguyễn Du (1766-1820) với tiếng hát quan họ và giọng ca trù.

Bà Hoàng Thị Loan ru cậu Nguyễn Sinh Cung sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890-1969) bằng những điệu ví dặm đồ đưa và câu phường vãi...

Cuộc đời và sự nghiệp của các bậc vĩ nhân cũng bắt đầu từ những ngày nằm nôi.

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Khi diễn tả cái khoảnh khắc cuối cùng của cuộc đời bà Hoàng Thị Loan, nhà nghiên cứu – nhà văn Chu Trọng Huyền đã viết những dòng đầy xúc động: “Vào một ngày ẩm đạm cuối năm Canh Tý (1901)... Người đàn bà bình dị và phi thường mới ba mươi hai tuổi đời ấy đã nhẹ nhàng ra đi, giao lại cho người đời tất cả, trước mắt là những dặm đường”.

Thật vậy, bà Hoàng Thị Loan bước vào cuộc đời làm vợ lúc mới 16 tuổi (1883). Sau mười mấy năm chung sống với ông Nguyễn Sinh Sắc, bà đã để lại cho ông một gia tài vô giá là bốn người con, trong đó có cậu bé Nguyễn Sinh Cung – sau này trở thành Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới Hồ Chí Minh.

Trong suốt những năm gần bó thiết tha với chồng, với con, bà đã thể hiện đầy đủ các đức tính cao quý của người phụ nữ Việt Nam: Với tấm lòng cao đẹp của một bà mẹ không cam chịu để con mình quá thiếu thốn; với quyết tâm của một bà vợ không muốn chồng phải ngừng học tập vì thiếu cơm ăn mà bà đã làm tất cả những gì có thể được thuộc thiên chức của một người

mẹ: cần cù chịu đựng, âm thầm gánh lấy những trĩu nặng của hoàn cảnh, hy sinh cho chồng, con với một niềm tin trong sáng như đóa hoa Đại Huệ lặng lẽ tỏa hương thơm trong đêm tối.

Với sự ngưỡng mộ và tôn vinh, với lòng kính trọng những người thân trong gia đình Bác Hồ và với trách nhiệm của người cầm bút, tác giả Chu Trọng Huyền bằng cảm hứng lịch sử của mình đã làm giàu thêm chân dung vĩ đại của giới phụ nữ Việt Nam bằng thiên truyện: Người mẹ của một thiên tài để cống hiến cho độc giả cuộc đời âm thầm cao cả của bà Hoàng Thị Loan mà thước đo của sự hy sinh không phải là thời gian ngắn hay dài, mà điều quan trọng là Ngài đã thấp sáng cho tương lai một ngọn đèn Đại Tuệ.

Để làm phong phú thêm tủ sách về Bác Hồ, Nhà xuất bản Thuận Hóa xin phép được tái bản tập sách Người mẹ của một thiên tài và trân trọng giới thiệu bạn đọc.

Huế tháng 7 năm 2006

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA

Sương trắng đã mơ màng rải trên mặt sông. Tiết trời tuy muộn nhưng sắc màu cũng đủ hiện trong mây gió, cỏ cây. Những bông cúc đại đóa đợi thu cũng đã rực vàng, làm tần ngần bước chân của tuổi hện hồ và gọi những hoài niệm xa xôi trong lòng người đã trải.

Bạch Liên bước theo ông Giải San. Chiều se se lạnh. Đưa tay khép chiếc cổ áo, ông Giải thấy sức mình đã yếu thêm. Sự kém sút diễn ra như trông thấy, không chỉ vì tuổi tác mà còn bởi những gian truân ông từng phải chịu đựng nơi hải ngoại cũng như trong ngục thất. Những ngón tay gầy khẳng, run run, chậm chạp, nhưng cuối cùng, các nốt khuy cũng đã ngoắc náu được với nhau. Gió hất mái tóc ông bạc trắng, trông cũng bỗng bệnh như những mảng sương. Họ bước dè dặt, cẩn trọng như sợ phá mất cảnh tĩnh mịch của khu nghĩa địa mồ côi. Gió lại lùa theo nhau từng đợt trông cũng rầu rĩ như mang theo sự âm đạm từ một miền hoang vắng xa xôi nào. Gặp từng ngọn thông, gió đậu lại nức nở, làm tăng thêm nỗi thâm thiết của cảnh chia biệt không cùng.

Bạch Liên trao nén nhang. Hương bốc khói trên tay ông Giải. Mùi thơm xoáy vào quá khứ, thanh khiết,

linh thiêng. Ông già kính cẩn cắm hương rồi nghiêng mình trước linh hồn người bạn gái. Nhớ lúc người đàn bà ấy từ giã cõi đời thì ông cũng vừa thi đỗ. Sự nghiệp lớn của cả một lớp người như ông còn trong dự định. Chưa ai biết hậu thế sẽ nghĩ về mình ra sao. Song, chuyện đời dun dủi. Ông già lại phải trở về chốn đế đô này trong thân phận bị kẻ thù quản thúc. Rồi cũng vì không chịu từ bỏ cái lẽ lớn mà mình đeo đuổi nên ông vẫn phải sống trong vòng trời buộc. Bởi một khát vọng tốt lành của bản thân và của cả đồng bào mình mà ông phải gánh chịu hy sinh. Ông Giải biết, những kẻ có đức tính ấy ở lớp người như ông không ít và không thuộc riêng khách mây râu. Ông nhớ lại ngày nào khi nghe tin vợ mất, ông đã làm câu đối khóc:

Tráp niên dư cảm sát bất tương văn, cô phong khổ vũ, kiến ảnh vi phu, nhật chiếu sần nhi thùy nhiệt lệ.

Cửu tuyền hạ, lân bằng nhi kiến vấn, diên hải di sơn dĩ thùy tương tá, thiên xai hàn lão bà không quyền.

Nghĩa là:

“Vài mươi năm chẳng chung nhịp sắt cầm, mùa sâu gió thảm, ngắm ảnh biết có chồng, cứ mỗi sáng nhìn đàn con thơ, lệ nồng tuôn nhỏ.

Dưới chín suối nếu có gặp bè bạn, biển lấp non dờn hỏi còn ai cộng sự thì thân già gông trời đã khóa, nghĩa vụ còn lo”.

Như thế đó, trong mỗi cặp bạn đời, khi người đàn bà bất hạnh phải từ biệt thế gian thì sự nghiệp của người đàn ông coi như đã được định rõ nếu chưa phải là đã đến bước cáo chung. Là một chí sĩ kiệt xuất và một văn sĩ biệt tài, ông Giải hiểu rất sâu về điều ấy.

Bạch Liên cảm thêm hương trên mộ mẹ và không quên chia đều số còn lại cho những nấm mộ xung quanh. Chị cảm thấy ấm áp hơn khi tưởng tượng ở nơi âm phần, mẹ mình cũng có xóm giềng, bè bạn. Thế nhưng nước mắt cứ lăn tròn trên hai gò má vì lòng chị xiết đỗi ngậm ngùi.

Mấy con chim chìa vôi nhẩn nha kiếm mồi khi chiều đã muộn. Từ những chấm sáng nhỏ hắt hiu trên các nấm mồ, đôi sợi khói mơ màng bay lên. Không gian u tịch. Những tiếng động rất khẽ mà tưởng như vang xa đến ngàn trùng. Bầy chim-toan bay đi nhưng rồi chúng lại khép đôi cánh mảnh mai và cứ quần quanh nhặt mồi. Như hiểu thấu lòng người, chim cũng muốn giúp vào việc khỏa lấp cái vực thẳm chia cắt không cùng giữa nơi trần thế và cõi hư vô. Khi hai người đã đi xa, chim còn nán lại. Và chắc mỗi ngày, bầy chim chìa vôi kia vẫn tới.

Đường về gần thôi mà sao thăm thẳm. Ông Giải hỏi Bạch Liên:

- Cháu định để mộ của mẹ ở đây mãi sao?

Người con gái chưa kịp tìm ra câu trả lời. Ông Giải cũng lặng im. Hẳn có một điều gì đó ông chưa tiện nói.

*

* *

Nhớ những ngày đã rất xa, ở quê nhà, Bạch Liên thường cùng các bạn lên núi Chung hái củi. Rồi có một buổi chiều, lúc trở về, toán của các chị thấy trên bãi dầm Con Bui có mấy người lố nhố. Đám ma chăng? Sao không có tiếng khóc? Tính tò mò xui các bạn lại đó. Khi họ bước tới thì đám người kia đã đi khỏi. Trên dầm không có thêm mộ mới mà chỉ thấy hai đám đất tuy vẫn bằng bặt nhưng nhìn kỹ thì biết những nơi đó vừa được sửa sang.

Bà ngoại đón cháu từ ngoài ngõ. Bó củi nhẹ tênh nhưng bà vẫn nâng xách ra dáng vất vả dường như nó cũng nặng nặng. Tối đến, Bạch Liên hỏi:

- Bó củi ban chiều chỉ bé tí mà sao bà khiêng ra chiều khó nhọc. Bà của cháu già yếu lắm rồi phải không ạ?

Bà vẫn xoa đầu cháu gái như mọi ngày:

- Không đâu. Hôm nay cháu đi muộn mà bó củi kiếm được cũng chắc lắm.

Thường ngày, bà ngoại của Bạch Liên vẫn nói với xóm giềng rằng, đáng ra cháu mình chưa phải làm

những việc vất vả như vậy. Bố mẹ Bạch Liên đi xa, cháu phải được thương yêu chăm chút. Bà cụ nghĩ vậy rồi dỗ dành:

- Mai kia sẽ có người dẫn cháu vào kinh gặp bố mẹ và hai em.

Tuổi thơ vốn chốc nhớ, chốc quên và hễ nghĩ được điều gì là nói ngay ra điều đó. Bạch Liên không thể không kể với bà ngoại chuyện xảy ra ban chiều. Cô bé tưởng bà sẽ lấy làm lạ nhưng không ngờ, nghe xong, bà chẳng chút ngạc nhiên mà còn nói:

- Trong mấy người ấy có cả ông Giải San nữa đấy. Chắc ông lại sắp đi xa nên phải đem phần mộ của bố mẹ mình cải táng về nơi ấy. Cổ nhân nói, cứ để phần mộ của người quá cố đắm Con Bui này thì kẻ ra đi sẽ chân cứng đá mềm mà phần mộ đã chôn cất cũng được yên ổn.

Lòng vẫn còn hoài nghi nhưng Bạch Liên không dám hỏi thêm. Chôn cất bố mẹ mà sao lại chỉ có hai vạt đất bằng? Hay nhà ai đã tới đó để chôn của?

Không lâu, Bạch Liên được vào Huế thật. Khởi phải nói mẹ đã đón Bạch Liên với tất cả tình thương và niềm vui như thế nào. Trong những chuyện Bạch Liên mang theo có cả việc xảy ra ở đầm Con Bui. Thật lạ, sau khi được nghe Bạch Liên kể, mẹ cũng vẫn điềm tĩnh không khác gì bà ngoại:

- Trong này, mẹ cũng biết - bà đáp. Đúng, đã lâu rồi, ông Giải định cải táng mộ của bố mẹ về nơi đó.

Nhưng phải giữ kín vì việc ấy hệ trọng. Hơn nữa, chỉ mới là phần mộ của cụ bà. Còn phần mộ của cụ ông thì chưa đưa về kịp, vì ngài mới mất. Mà phần mộ ấy hiện ở đâu cũng rất ít người biết.

- Sao vậy thưa mẹ? Chuyện ly kỳ, khó hiểu quá?

- Đơn giản thôi con, vì đó là việc thực mà.

- Con cứ nghĩ, nếu là việc thực thì đối với kẻ đã chết, người ta chôn ở đâu và đắp mộ như thế nào mà chẳng được. Sao lại phải chôn bằng?

- Đừng nói thế. Ai cũng vậy, muốn lo nổi việc lớn thì phải giữ kín nhiều cái, trước hết là mồ mả của mẹ cha.

- Thế có người ăn trộm cả mồ mả hay sao?

- Ừ, nói như vậy cũng không phải là sai. Vì bọn giặc cũng như những kẻ phản bội nguy hiểm, có lúc chúng đã đào mộ các tướng sĩ bị tử trận vừa được an táng, cắt lấy thủ cấp mang về báo với quan thầy là đã hạ sát được kẻ địch để lấy thưởng riêng.

Lại nữa, quân giặc cũng thường chỉ nhằm vào phần mộ của thân nhân những người dám chống lại chúng mà hăm dọa để buộc họ phải hàng phục. Ví như khi giặc Pháp phát hiện ra mộ của người anh ruột cụ Phan Đình Phùng, chúng đòi cụ phải hạ vũ khí, nếu không thì ngôi mộ kia sẽ bị quật lên. Cụ Đình đã trả lời chúng qua nụ cười chua chát nhưng cũng biểu thị một quyết tâm: Nếu có đào mộ của anh ta lên mà nẫu xáo hãy

dành cho ta một bát! Như vậy đó, phần mộ của tiền nhân là rất linh thiêng nhưng khi cần thì người lo việc lớn vẫn phải đặt Tổ quốc mình lên trên. Vì thế mà ở trường hợp ấy, kẻ địch cũng phải chùn tay.

Chuyện bà ngoại và mẹ kể đã lâu lắm mà đến lúc này Bạch Liên vẫn chưa quên.

Thì ra quan hệ giữa kẻ đã khuất và người đang sống có sự gắn bó với nhau nhiều đến thế. Chắc vì vậy mà sau câu hỏi vừa rồi, ông Giải cũng không có lời khuyên bảo cụ thể với Bạch Liên. Hai người vẫn lặng lẽ bước và khi về đến ngôi nhà tranh nhỏ của ông Giải thì trời cũng đã bắt đầu tối. Xứ Huế mộng mơ càng thêm bí ẩn.

*

* *

Làng ở dưới chân núi Chung. người dân Hoàng Trù gọi thôn ổ ấy của mình cái tên ngắn bình dị là làng Chùa. Buổi đầu đất làng không đến nỗi hẹp nhưng con người cứ sinh sôi, đông đúc dần. Cũng như bất cứ nơi nào, trai gái lớn lên thì được dựng vợ, gả chồng rồi khi có điều kiện thì tách ra ở riêng, tức phải tạo vườn, xây nhà. Khu cư dân vì thế cứ nong dần ra thành một hình vành lược khổng lồ. Vùng đất cao ngày một chen chúc, chật chội còn mặt đồng cứ mãi trũng sâu. Dân làng đã tính đến chuyện san núi, lấp lên những khoảnh ruộng

thấp để làm đất ở. Nhiều người cho đó là việc cần nhưng lại cứ sợ sức mình không làm nổi. Ông Phúc, một người cao tuổi đưa tay chỉ về phía đằng Đông của làng mà nói với lớp trai tráng.

- Có người bảo nơi đây xưa kia vốn là biển. Mà phải, trông Hến ở trước mặt kia kìa. Vỏ dất, vỏ sò còn dính kết ở trên vách núi. Đi xuống một thôi nữa là lên Trụ Hải rồi đó. Phù sa từ biển, từ sông cứ bồi tụ, khóa lấp, biến những vùng sâu thành đất bằng.

Có tiếng thốt lên mừng rỡ:

- Phải, cốt nhờ ở tạo hóa chứ sức con người thì làm sao mà bồi đắp nổi.

Như không nghe thấy điều đó, ông Phúc vẫn nói theo sự suy nghĩ của mình:

- Tuy nhiên, ta cứ tưởng như tất cả là do sự bày đặt của biển trời, sông nước nhưng sức của con người cũng vô cùng quan trọng. Không nhờ những bàn tay của tổ tiên từ đời này đến đời khác thì chẳng có cái gì trở thành hữu dụng. Con người vốn biết tiếp sức hoặc sửa đổi, sắp đặt tự nhiên, biến cái của trời đất thành cái của mình.

Một cậu con trai giọng nửa tin, nửa ngờ:

- Đó là chuyện tự đời thuở nào chứ gần đây, ta đâu có thấy sông và biển chở phù sa về bồi đắp cho đồng làng.

Ông Phúc vẫn ôn tồn:

- Là vì, nay biển đã lùi xa do vì nó hạ thấp mực nước xuống. Còn sông thì phải đến những mùa lụt thật lớn nước mới tràn tới đây được.

- Vậy lấy đất ở đâu mà đắp cho đồng - Cậu con trai kia lại hỏi. Núi Chung cao như thế, ta lấy đất đá từ đó mà san xuống có được không?

- Không được đâu - Ông Phúc đáp. Vì ngọn núi kia có nhiều chuyện lạ lắm. Đứng nhìn từ nhiều phía, ta đều thấy núi có dạng chữ *Vuong*. Vốn dĩ: *Chung Sơn tự* có hình *Vuong tự* mà. Người xưa bảo như vậy là điều may, không sớm thì muộn, sẽ có một người ở vùng này được làm vua. Nếu lấy bớt đất và đá đi thì hình thù của núi sẽ đổi khác, tất là điều may ấy sẽ không còn.

Thực ra người dân làng Chùa cũng như các thôn xã trong vùng không ai có mộng làm vua nhưng vì thế gian đã có ấn tượng như vậy thì cũng chẳng dám nở lòng lên núi Chung mà đào đất, phá đá. Như thế cũng phải. Chứ giả dụ, mất cái núi Chung kia đi thì làng sẽ buồn biết mấy. “Chính núi là vua rồi đó”, người làng bảo nhau như vậy.

Thế lấy đất ở đâu mà đắp cho đồng ruộng? Giữa lúc mọi người đang lo nghĩ thì từ dưới hồ nước ở cạnh núi Chung, nàng Thủy Tiên hiện lên và nói: “Ở đây hồ thì nông mà đồng thì ruộng. Hãy làm cho cái gì cần sâu thì thật sâu, cái gì cần cao thì cao cho đủ”. Mọi người thấy lạ nhưng đã làm theo. Thế là nước trong hồ bỗng dung

khô cạn. Mây bạc từ đâu kéo về che bớt ánh nắng chói chang. Và hình như nàng Thủy Tiên cũng đã gọi thêm gió về, làm cho những người đào hồ được mát mẻ. Công việc hoàn thành, hồ đã trở thành một cái bầu lớn. Người ta dựa theo tên nàng Thủy Tiên mà đặt cho bầu là Cự Thủy. Bầu rộng soi cả bóng của ngọn núi Chung. Nhớ ơn nàng Thủy Tiên, dân làng góp tiền thuê thợ đúc chuông. Chuông lớn đúc xong, khi gióng lên, đứng ở triền núi nào cũng nghe tiếng. Tên núi, tên bầu, tên chuông ghép lại thành tên xã, là xã Cung Cự. Chuông được treo trong chùa Quang Sơn, nơi có thờ cả năng tiên đã giúp dân đào bầu Cự Thủy. Chùa đứng nghiêng nghiêng trên triền núi, có cây đa tỏa bóng và giếng nước trong vắt. Chùa là tên gọi của làng, là mảnh hồn của một miền quê yên ả.

*

* *

Buổi lễ xướng danh khoa Mậu năm ấy đã vắng mặt hai sĩ tử giỏi là Nguyễn Văn Giáp ở Kẻ Sía và Hoàng Xuân Cạn người làng Chùa. Họ không tới vì có một vị giám khảo thân tình tin cho biết cả hai lại chỉ trúng Tú tài. chẳng biết có phải học tài thi phận chứ “*Văn chương làm sao thì con người hao hao làm vậy*” thì đã là chuyện rõ ràng. Nhất thiết, từ chương bao giờ cũng thể hiện cái khí chất của con người. Cứ quanh quẩn ở học vị ông Kép (đỗ hai khoa tú tài), ông Mền (ba khoa

trở lên) thì thật khổ tâm cho những con người chữ tốt văn hay mà số mạng khoa trường lại hẩm hiu. Nhưng, những người như ông Giáp, ông Cận thì thà không dính bằng Cử nhân, Tiến sĩ chứ họ không thể viết ra những điều mình không sở đắc.

Đã cùng chung cảnh lận đận nơi trường thi lại gặp nhau ở cái hào khí của người học trò đất Nghệ, hai ông là đôi bạn thân thiết. Vào cái năm Dậu đáng ghi nhớ ấy, khi ông Mền Giáp kéo lều chõng đi thi thì cô con gái Nguyễn Thị Kép của ông lên sáu tuổi. Trong một dịp đến Kẻ Sía thăm bạn, ông Mền Cận đã gặp và để ý đến cô bé kháu khỉnh này. Ông thấy cảnh nhà của bạn cũng hợp với gia phong nhà mình, lượng tính về sau, ông có thể dám hỏi cho đứa con trai của mình khi chúng đến tuổi. Điều dự định của ông Mền Cận được hình thành bởi nhiều lý do, trong đó có câu chuyện được kể từ đời cụ Hoàng Phác Cận, vị tổ sáu đời của ông Cận mà là chuyện thuộc di duệ bên ngoại dòng họ Nguyễn của cô gái.

Nhớ sau khi đã thua trận trong cuộc gây chiến tranh xâm lược Đại Việt vào năm Kỷ Dậu (1789), nhà Thanh vẫn lấy uy thế của nước lớn bắt hoàng đế Quang Trung của ta phải sang mừng thọ vua nước họ là Kiền Long tám mươi tuổi và chịu nhận lễ thụ phong. Triều Thanh ngầm bảo nếu bên ta không chấp thuận thì sẽ phải trở lại chịu cảnh binh đao. Mà ước mong ngàn đời của dân tộc mình, một quốc gia đất không rộng, người

không đông kẻ cận một nước láng giềng mà ở đó, bọn thống trị luôn luôn ôm mộng bành trướng thì không có gì quý hơn là cỡi bờ phẳng lặng để mọi người được yên ổn làm ăn. Quyền vua và vận nước chưa bao giờ gắn bó với nhau như lúc này. Trăm họ sợ nhất là khi Hoàng đế Quang Trung sang bên đó, nếu hành trình gặp trắc trở, nhà vua có mệnh hệ nào thì thật nguy hại cho cơ đồ đất nước. Nhiều vị trọng thần đề nghị triều đình chọn một người thật giống nhà vua để làm thay việc đi sứ. Lúc đầu Hoàng đế Quang Trung không nghe nhưng sau vì nhiều ý kiến bàn luận có lý, có lẽ nên ngài cũng bằng lòng. Thế là chân dung Hoàng đế được vẽ ra nhiều bản. Sau khi tìm khắp đất đế đô không thấy có ai giống được như nhà vua, triều thần bèn chia nhau đi về các tỉnh trấn lân cận. Họ cũng không quên tìm về ấp Tây Sơn. Công lao bỏ ra đã nhiều, càng tìm càng thấy khó.

Trong lúc nhiều người tỏ ra ái ngại, lo lắng thì có một vị bộ lão tìm đến, xin gặp nhà vua đề xuất ý kiến, bảo là hãy cử người về trấn Nghệ An, may chi nơi đó có người mang diễm phúc là có diện mạo giống long nhan. Vị bộ lão nói thêm:

- Đất Châu Hoan thường ngầm chứa những khả năng mà người đời không ngờ tới. Vả lại trong quá trình phân tranh Trịnh - Nguyễn, khi những cuộc chiếm đất, cướp dân diễn ra, nhiều đoàn người ở ngoài đó đã bị đẩy vào trong này, có khi họ bị lừa đến tận

những vùng gần cực Nam của miền Trung. Lúc cho quân Bắc tiến để lấn giành bờ cõi với chúa Trịnh, dòng họ Nguyễn Ánh đã không nghĩ sau này con cháu trong số dân bị bắt hốt vào đây lại có người dám vùng lên quật đổ ngôi chúa của tông tộc mình. Cho nên, vùng đất Hoan - Diên luôn là một trong những chốn hy vọng mà những người dựng nghiệp lớn tìm thấy ở đó sự cứu cánh trong mỗi bước nguy nan.

Triều thần thấy những lời vị bộ lão vừa nói là có lý. Ở vùng Thuận - Quảng, những người na ná như hoàng đế Quang Trung thì cũng có thể kiếm ra. Nhưng muốn có một vị từ dung nhan cho đến phong dạng y hệt được như ngài thì thật là khó. Không ngại hết nhiều của, cũng chẳng sợ tốn kém công, triều đình đã phái quan quân mở rộng nơi tìm kiếm. Công việc như *đáy bể mò kim*, nhưng mọi người vẫn tin là ở dưới đại dương kia, ít nhất cũng có một chiếc kim sáng.

Thế rồi một hôm, trên đất Nghệ, đại diện nhà vua bắt gặp bác dân cày Phạm Công Trị. Bác vừa từ dưới ruộng bước lên. Bác cho cày dựa vào bờ, buông dây thừng để trâu gặm cỏ và lấy lửa trong nùn rom để hút thuốc Lào. Đoạn, bác ngồi chống tay ra phía sau, ngửa mặt mà nhả khói trắng và nhìn lên trời cao. Người của nhà vua dừng chân, luống cuống, lấy bức ảnh ra nhìn một lần nữa rồi thở mạnh, mừng như bắt được vàng: “Đây rồi, con người mà bấy lâu quan quân chia nhau

đi tìm là đây”, viên quan tự nói một mình. Con người này cũng có đôi mắt tinh anh, vầng trán trầm tư, nghiêm nghị và đôi môi sẵn sàng nở nụ cười độ lượng. Về con người bằng da, bằng thịt, giữa bác nông dân này với nhà vua thật như hai giọt nước. Mỗi đường nét, mỗi dáng điệu ở người này không hề khác người kia.

Thanh thần khi vừa cày xong thửa ruộng, lại thêm sáng khoái vì có khói thuốc缭绕, bác thợ cày Phạm Công Trị không hề biết có một viên quan đi lo việc nước đang đứng trước mặt mình. Phạm vốn là một trí thức, từ bé đã thông minh và có tài ứng đối. Sự hấp dẫn ở con người Phạm còn do ở dáng vẻ ung dung và dáng hoàng, một phong thái bẩm sinh, dễ gây lòng tin mến cho mọi người. Phạm cũng đã từng ra làm quan dưới triều chúa Trịnh rồi lại có mặt dưới cờ duyệt binh của vua Quang Trung và theo ngài ra giải phóng Thăng Long vào mùa Xuân năm Kỷ Dậu (1789). Cái buổi vận mạng đất nước như ngàn cân treo sợi tóc ấy, gương mặt mọi người đều nghiêm nghị, cầm thù rồi hân hoan bừng sáng bởi đã quét sạch bóng quân ngoại xâm. Khi đất nước đã tạm thanh bình, để được nuôi dưỡng mẹ già nơi làng quê, Phạm xin nghỉ việc quan trở về làng cũ. Sẵn có phần ruộng của gia đình, Phạm thay chân thợ cày. Còn bây giờ, khi toan đứng lên để vác cày, dẫn trâu trở về thì Phạm nghe tiếng:

- Muôn tâu Hoàng thượng!

Phạm hốt hoảng tưởng mình nằm mơ. Nhưng không, Phạm thấy thừa ruộng, cái quyết định cho kế sinh nhai của nhà mình còn trải rộng trước mắt, cũng như con trâu thân thuộc và chiếc cày mà cái seo còn ấm hơi tay của mình còn đó. Ông nhận ra, quả là mình đang sống thực. Còn viên quan của triều đình, vì đã nhìn thấy Phạm Công Trĩ, được bắt gặp một sự thực quá may mắn thì cứ tưởng mình đã trở về gặp lại nhà vua nên mới bật ra tiếng xưng hô đột ngột như thế. Đợi đến khi hết choáng váng, ông ta mới sửa lại:

- Dạ, xin lỗi, nhìn ngài, tôi cứ tưởng như mình đang đứng trước long nhan.

- Thế ông là người của nhà vua?

- Thưa vâng!

- Có việc gì mà ông phải tìm đến nơi bùn lầy, nước đọng này?

- Thưa ngài, đây là chốn dân quê, thôn dã thật. Nhưng đã là viên ngọc sáng thì dù đặt trong chiếc đĩa vàng hay ném xuống bùn ao, ngọc vẫn là ngọc.

- Quả là ông định nói điều gì, tôi không hiểu.

- Có thể là như vậy. Khi một chiếc hài bị rơi xuống dòng khe, cô Tấm có ngờ đâu về sau mình trở thành Hoàng hậu. Chuyện đời, mỗi việc nhìn riêng tưởng như bất ngờ, nhưng chung quy, chúng đều có nhân, có quả và mang quan hệ với nhau.

Phạm Công Trĩ cười. Viên quan của triều đình bỗng nhớ ra rằng mình đã đến với xứ sở của những người hay chữ, hay nghĩa nhưng nói năng rất bình dị. Họ giấu cái nghĩa lý uyên thâm trong những ngôn từ mộc mạc nên ông ta cũng đã trở lại nông na hơn trong phổ diễn và đem cái khó khăn của triều đình ra giải bày để Phạm Công Trĩ hiểu. Phạm nhận ra *Đương kim chi thế, xá ngã kỳ thủy*, trước tình thế như vậy, bỏ ta thì còn biết dùng ai. Rồi ông bái biệt mẹ già mà ra đi.

Triều đình mừng rỡ. Công việc chuẩn bị cho Đoàn sứ thần Phạm Công Trĩ lên đường sang Bắc Kinh được thực hiện khẩn trương và chu tất.

Cung Nhiệt Hà, ngôi sao tráng lệ của thủ đô Bắc Kinh, nơi tập trung những tinh hoa văn vật của nước Trung Hoa cổ kính hôm đó thêm lộng lẫy cờ hoa. Đón tiếp vị minh quân và cũng là thiên tài của nước Đại Việt là phải như thế. Đó là chủ trương của hoàng đế Kiền Long mà ở đây, quân ý là thiên ý, thần dân chỉ việc bái mạng. Kiền Long còn cho gọi thêm mấy viên tướng sống sót chạy về nước sau cái trận thảm bại Kỷ Dậu (cuộc thất trận mà quân “Thiên triều” phải vứt bỏ cả lá cờ mang hai chữ “Đại Thanh” để chạy tháo thân, đến nỗi hoảng loạn dạt đi như một đàn vịt gặp bão ấy). Họ được gọi đến để nhận diện xem có phải người sang nhận thụ phong chính là Quang Trung, Hoàng đế nước Nam?

Kiên Long phải tự lo chuẩn bị các ý tứ và mọi lễ thuận, nghịch để khi tiếp xúc với Hoàng đế nước Nam thì đối đáp, ứng xử. Ông ta nghĩ:

- Ừ, thì cứ cho Quang Trung là một tài năng xuất chúng, một con người có sức sáng nghĩ, trong nháy mắt có thể thay đổi được tình thế thì đó cũng chỉ là sự việc và con người ở một nước nhỏ, quen với chiến trận đoản đao, sắt cổ và chỉ phải giữ ngôi vua của mình như giữ một chức tù trưởng ở xứ mọi mường. Cũng có lúc họ đã thắng được quân của thiên triều đấy nhưng đó là vì họ chiến đấu trên đất nhà, tiện về hậu cần và quen với thủy thổ mà thôi. Còn nay, khi sang đây, họ bất gặp cảnh vàng son ngoài sức tưởng tượng, lại nhìn những vật quý, của lạ độc nhất vô nhị, rồi trước oai phong của thiên triều như thế này, chắc quốc vương An Nam sẽ bủn rủn cả người và hẳn không còn giữ nổi sức bình tĩnh để đối đáp.

Sự bố trí của triều đình nhà Thanh như vậy là đến nơi, đến chốn nhưng tất cả đều không cần thiết đối với “vị vua” mà đôi bàn chân vốn quen bước nơi sa trường và đồng ruộng, đã chịu ảnh hưởng hết sức sâu sắc của phong cách *áo vải cờ đào*.

Kiên Long hỏi:

- Thế nào, sau nhiều năm binh lửa, hiện tình của quý quốc bây giờ ra sao? Tứ dân nông, công, thương, sĩ có hồ hởi làm ăn? Quý quốc còn có những điều gì phải nhờ đến thiên triều?

- Muôn tâu Đại đế - Phạm Công Trị đáp. - Sau khi thiên triều cho rút quân về, nước Việt chúng tôi liền được yên hàn. Thật là Ôn Đại hoàng đế lắm lắm. Nay thì bốn phương phẳng lặng, ruộng đồng xanh tươi, phố phường tấp nập, trăm họ yên vui.

- Được như thế chắc là nhờ ở sự kinh bang tế thế của ngài, vị Hoàng đế Quang Trung nổi tiếng, con người có một không hai nơi phiên thuộc ấy của thiên triều. Ta sẽ ban thưởng cho ngài thật hậu hĩnh.

Phạm Công Trị đáp lời Kiên Long:

- Muôn tâu đại đế, đất nước chúng tôi có cương vực, xã tắc riêng, là một quốc gia ung dung tự tại. Để gìn giữ và xây đắp một giang sơn như vậy, riêng mình thần thì không làm gì nổi việc. Trên đất nước Đại Việt, những kẻ giỏi như thần, đàn ông cũng như đàn bà có rất nhiều và lắm người còn tài trí hơn nữa. Thần đã được họ bảo ban, chỉ giáo cho hàng ngày. Thế đó, đất nước của thần mau được trở lại yên vui, thịnh đạt sau cơn binh hỏa vừa rồi là do trên dưới cùng lòng, tứ dân đồng đức, bên trong hòa mục, bên ngoài chủ trương hòa hiếu.

Biết là không thể khẩu chiến nổi với những kẻ sĩ và vương tướng người nước Nam, từ các ước muốn cao siêu, Kiên Long đã quay sang những điều thực tiễn. Nhìn những cặp ngà voi, đôi chim trĩ và vàng ngọc do vua Quang Trung cho mang sang, vị Hoàng đế Trung Hoa mắt sáng lên, bèn hỏi:

- Ở bên quý quốc những con vật lạ cũng như các thứ của cải quý thế này chắc còn nhiều?

Phạm Công Trị:

- Thừa Đại đế, ở bản quốc, riêng về các muông thú quý trước kia thật không hiếm. Nhưng vừa rồi vì cảnh binh hỏa, giặc pha nhà cháy, đến cả những con chim nhỏ cũng phải hoảng hồn lưu tán. Nay chúng tôi còn phải lo gây đàn trở lại.

Kiên Long tránh đi và hỏi một câu xã giao có nhiều ý tứ:

- Thế nay quý quốc còn có những việc gì cần được thiên triều giúp?

Phạm Công Trị đáp:

- Muôn tâu Đại đế, việc nội bộ của nước mình thì thần dân chúng tôi đủ sức tự lo lấy. Chỉ mong làm sao đừng có kẻ thù xâm lăng từ bên ngoài để cương thổ Đại Việt được yên hàn cho mọi người làm trọn bổn phận trong việc giao hiếu với nước Trung Hoa vĩ đại.

Khi Phạm Công Trị còn ở Phú Xuân, vua Quang Trung đã dự đoán về những điều Kiên Long sẽ hỏi và chuẩn bị chu đáo để vị “Vương giả” của ta có đủ cơ sở mà tự ý ứng xử khi gặp trạng huống khó khăn. Và sự việc ở cung Nhiệt Hà đã diễn ra đúng như triều Phú Xuân dự tính. Sau buổi đối đáp với Phạm Công Trị, Hoàng đế Kiên Long đã nói với mấy viên cận thân:

- Trước một đất nước và những con người như vậy, dù là uy lực của thiên triều, chúng ta cũng không thể giở trò chinh phục một lần nữa! Chắc cuộc binh đao do chúng ta gây ra với nước họ vừa qua là lần thử sức cuối cùng để rồi kết thúc vĩnh viễn cái mộng xâm lăng của các Hoàng đế Trung Hoa này đối với vương quốc An Nam kiên cường nọ.

Nói xong, vị Thiên tử nổi tiếng Kiền Long của nước Trung Hoa hùng cường nhất Châu Á vén cao tay áo, cầm bút son ký vào đạo sắc phong Hoàng đế Quang Trung làm “An Nam quốc vương”! Xong, ngài tự tay trao Phạm Công Trị bức ảnh *Vua Quang Trung* vừa được tiến hành vẽ tại cung Nhiệt Hà.

Phạm Công Trị cùng các vị Phó sứ: Ngô Văn Sở, Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích đã về đến Phú Xuân. Mọi việc đều tốt lành. Ở Yên Kinh, cho đến lúc chết, Hoàng đế Kiền Long của nước Trung Hoa vẫn tin và giữ mãi niềm cảm khoái là thuở ấy ông ta đã đòi được “Quốc vương An Nam” sang châu và xin thụ phong, nhờ vậy mà đã được gặp vị vua thiên tài về quân sự và ngoại giao của vương quốc đó. Còn đối với Hoàng đế Quang Trung trong lúc đoàn của Phạm Công Trị đi sứ thì tại Phú Xuân, ngài đã dốc sức thảo nhiều đạo luật cần thiết cho việc xây dựng lại đất nước.

Hoàn thành tốt đẹp việc sắm vai vua Quang Trung đi sứ để triều cống mừng thọ Hoàng đế Kiền Long và

xin thụ phong, Phạm Công Trị đã được triều Tây Sơn ban ân thưởng đặc biệt. Lòng ông nghĩ, khi đất nước thực sự cần đến là mình phải góp sức. Còn những công việc sự vụ hàng ngày trong cảnh yên hàn thì ai làm cũng được nên đợi có dịp là ông lại xin trở về quê cũ ở làng Kẻ Sía, phụng dưỡng mẹ già và vui với ruộng vườn.

Phạm Công Trị là người không xa lạ gì mấy với dòng họ Nguyễn Tây Sơn. Ông chính là cháu đàn ngoại của vua Quang Trung. Bà cụ cố của cô gái Nguyễn Thị Kép là người họ Phạm, gọi Phạm Công Trị bằng can. Gia phong ông Mền Giáp được hun đúc bởi miếu duệ của cả hai dòng họ nội ngoại ấy.

*

* *

Đất Kẻ Sía, nơi sinh ra những con người như vậy có cái gì đáng để ý. Vài vùng đồi còn sót lại không ngừng bị xói mòn. Đồng ruộng quanh làng thay đổi sắc hương theo mùa, làm nên cho lũy tre mang màu xanh cổ hữu. Vẫn thế, nơi đó mỗi sớm mai các đàn chim bay đi rồi khi chiều đến, chúng nó lại trở về, cùng ngủ, cùng thức với dân làng. Nơi đó, hạt thóc là cái bao trùm, chi phối lên tất cả. Bao nhiêu đầu thóc thì đổi được một chục vuông vải. Để có một cái nồi đồng đủ nấu cơm cho năm người ăn chẳng hạn, thì số thóc cần bỏ ra phải là bao nhiêu? Tính toán, đo lường, định mức

cho cuộc sống, việc đó tự bao đời đã do hạt thóc, lấy hạt thóc làm bản vị. Cùng với hạt thóc là con ốc, con cua nuôi người ăn học, nuôi người đi lo việc nước, việc dân. Rồi giỗ chạp, cưới hỏi, ma chay, tất cả đều do của cải lấy từ ruộng nương. Trong cái thế giới tự cấp, tự túc ấy, mình được sinh ra như thế nào và lớn lên tự bao giờ, tự mỗi người dân quê không hay. Có khi, những tín hiệu ấy lại do từ bên ngoài đưa tới. Hôm nay, trên đồng làng này, nơi muôn thuở cứ hết đi những ngày ấm êm lại đến những keo nghiệt ngã bỗng vẳng lên câu ca:

Cá rô ăn với com chấm,

Uớc gì đêm lạnh được nằm chung hơi.

Kép nghe, dùng tay liềm nhìn ra tứ phía. Nào có thấy một người đàn ông, cũng chẳng có một bạn gái nào lớn tuổi. Nhìn mãi chỉ thấy một em bé chăn trâu. Tiếng hát ấy là của em. Mà do ai đặt ra thế?

Có biết bao câu ca cô đã nghe, đã hát. Mẹ ru mình rồi mình ru em và biết đâu, sau này, với chúng, mình sẽ ru con. Cô nghĩ như vậy. Những câu ca ấy đã nói biết bao nhiêu về tình yêu trai gái nhưng chưa có âm điệu nào làm rung động lòng cô như vãn thơ dân đã được ngân lên giữa đồng làng hôm nay. Phải chăng có cái gì trong cô đã lớn lên, đã đổi khác? Vãn thơ thật mộc mạc, nó như đất, như cây, như nước mức từ giếng làng nhưng cũng ngộ nghĩnh không khác một chồi non mới tách lớp vỏ dày mà bật ra. Con cá rô của đồng

mình, cây lúa chăm mọc trên đất mình, hiền lành và bình dị quá. *Ước gì đêm lạnh được nằm chung hơi,* điều này thì mạnh bạo quá. Thế mà lại thích nghĩ đến, dù cứ thên thện. Hình như Kép biết đôi má của mình bùng đỏ. Cô tiếc là trong túi không có sẵn chiếc gương soi. Cô nhìn đằng trước, đằng sau. Lần đầu tiên cô tự ngấm nghĩa, nghe rõ tiếng phập phồng của con tim và nhận ra, mình đã bắt đầu nở nang để trở thành một người lớn. Bản thân mình đang lo lắng hay mừng vui, cô cũng không biết nữa, chỉ thấy trong lòng chớm một chút ước ao nho nhỏ, mơ hồ, lằng lằng.

*

* *

Biết Kép định lấy chồng là người học hành ở cách huyện, có kẻ đến tận nhà nói xóc nói xĩa:

- Ôi, người ta:

Con gái mà gả giữa làng

Ví như cục vàng chôn đầu cửa ngõ

Còn ông bà thì:

Con gái mà gả chồng xa,

Cầm bằng con lợn khải () tha lên rừng.*

Tiếng bàn vào không đẹp nổi lời nói ra. Độc địa nhất vẫn là lời của mẹ Ất, kẻ chuyên làm môi cho cả

(*) Khải: Cọp (tiếng địa phương).

một vùng. Cũng chẳng biết nhờ đâu mà mẹ tạo lập được cho mình một cái nghề “làm ăn” như vậy. Miệng luôn luôn nhai trầu. Khi được nhà ai mời thì nhai chưa dập miếng này mẹ đã thay miếng khác mà đôi môi cứ thâm sì.

Tiếng của mẹ không to, cứ lai rai, the thé, có lúc giả vờ như khản hơi, mất tiếng để làm ra vẻ hệ trọng. Mẹ đã ngồi vào đâu là chuyện cứ rí rỉ như mạch nước rịn. Từ đầu làng, cuối xóm, với mẹ, chuyện ba đời, bảy kiếp, hết nhà nọ, đến nhà kia. Giọng của mẹ cứ sắc lạnh, triền miên. Phải tiếp chuyện mẹ thì chẳng khác gì bị tra tấn. Người ta cứ “ừ, à” cho qua chuyện cứ sức đâu mà tranh cãi. Nhưng cũng không vì thế mà mẹ giảm bớt lời lẽ. Cuộc hôn nhân nào mà cần đến mẹ thì cứ là mòn bát, nát đĩa. Nếu không, mẹ tìm cách gièm pha, gây rối.

Đi qua ngõ nhà ông Mền Giáp, mẹ nói, cốt để ai đó dù không chú ý cũng phải nghe:

- Đây thì tài hèn sức mọn nhưng đừng tưởng cứ vượt quyền bà mà êm đẹp được đâu. - Mẹ cố dang hắng một tiếng thật to rồi đọc ra rả:

Muóp cao muóp biết leo giàn,

Gái ngoan, gái trọng người bàn mối manh.

Ông Mền Giáp bảo vợ con:

- Mặc kệ người ta, mình cứ phải như là chiếc kiềng ba chân thì mới trụ nổi với miệng lưỡi thế gian.

Bởi vậy, bà Mền, khi gặp người lăm điều thóc mách thì cứ khẽ khàng:

- Lòng chúng tôi cũng muốn *Trâu đồng nào ăn cỏ đồng ấy*, song cái số của con gái nhà tôi nó như vậy, chẳng biết tính sao?

Rồi bà ra về bực tức, nói những câu hờn dỗi:

- Thôi thì để cho cháu về trên đó. Gặp lúc nó có vụng đại điều chi mà bị người ta chửi bới thì ở đây xa, vợ chồng tôi cũng đỡ phải nghe.

Mềm mỏng và kiên quyết, bà Mền đã giải tỏa được một phần lớn những lời gièm pha, xỉa xối. Mấy chị chàng con gái vốn có ý ghen ty với Kép cũng đã nhận ra cái điều vô duyên của mình nên dần dần lặng im. Duy còn mụ mối. Cái khó là nếu mụ không chịu yên thì sự rút lui của những người khác cũng chỉ là tạm thời. Làm thế nào bây giờ?

Một buổi sáng tốt ngày và trời đẹp, bà Mền đến gặp mụ Át. “Phải biết điều như thế chứ”, mụ ta nghĩ. Mặt mày mụ rạng rỡ hẳn lên vì cho rằng, trong vụ này mình đã thắng. Bà Mền ngỏ ý mời mụ đi bói giúp bà một quẻ để xem việc gả bán con gái nên chăng thế nào. Tất nhiên là mụ nhận lời. Bà Mền đưa mụ vào ngôi quán ven đường. Sau mấy chén rượu và bát bún riêu, mụ càng phấn chấn thêm và hăng hái ra đi.

Ông thầy bói cũng hơn hở không kém gì mụ làm mối. Khói từ bình hương trước mặt thầy như muốn bay

lên đến tận thiên đình. Qua cặp kính đen, đôi mắt trũng sâu của thầy như muốn nhìn thấu cả bốn cõi. Còn mẹ mỗi thì cứ nhăn nhó, khoằm khoằm như muốn nuốt hết cái bụng đầy ắp những “nhâm, cấm, độn, toán” ở con người không còn phân biệt nổi ngày và đêm ấy nữa. Thầy bói trịnh trọng gieo quẻ rồi nói sau khi đằng hắng lấy giọng:

- Tuổi Bính Thìn này là phải lấy chồng cách huyện thì mới mong mở mặt, mở mày. Nếu chưa có khách đằng xa đến thì cứ chờ, chứ không lấy được chồng gần đâu.

Bà Mền cũng làm ra bộ buồn bực không kém gì mẹ mối. Song, thầy bói không thể nói khác. Vì từ một quẻ bói vờ vịt mà thầy đã lấy được hai lần tiền. Hôm trước Kép cũng đã đến bán cau ở chợ Phủ này. Cau đẹp và ngon nhưng cô bán rẻ, người mua có đếm lặn dăm bảy quả cô cũng chẳng hay, cốt mau xong việc để ghé vào chỗ thầy bói, gửi vào tay thầy một ít tiền mà bảo nhỏ: “Khi nào có hai người đàn bà hỏi về tuổi Bính-Thìn thì cứ bảo là tuổi này phải lấy chồng cách huyện thì mới được”. Đoạn, cô vội vã đi ra, cốt đừng để cho người quen nào nhìn vào và nghe thấy.

Kép dám làm như vậy vì cô thấy tình duyên giữa mình và người con trai họ Hoàng là không thể cắt chia dù cách huyện, xa đường. Từ cõi tâm linh, cô còn nhận ra, trong cuộc hội ngộ này có một điều gì đó nó nằm ngoài những cái bình thường ở trên thế gian và điều đó

đang chờ đón mình nếu như bản thân vượt qua được những trở lực trước mắt. Còn mẹ Ất, mẹ thấy số phận và ý chí người ta đã như thế thì mình có lắm mối, nhiều miệng đến bao nhiêu đi nữa cũng là thừa.

Xúc xiểm, gièm pha, loại vũ khí bằng miệng nguy hiểm ấy chỉ phá phách được công việc của những ai không làm chủ nổi bản thân. Còn đối với gia đình ông Mền Giáp, thì những giọng lưỡi đó vẫn là làn gió độc nhưng chúng chỉ bay qua ngoài cửa ngõ.

*

* *

Ở nhà chồng, nhìn cái gì Kép cũng thấy lạ. Đầu tiên là tên gọi. Hôm qua còn là o Kép, hôm nay mình đã là chị Nho đường. Ở đây cũng mái tranh, vách nứa. Trước mảnh sân đất cũng có chiếc bể cạn hứng nước mưa dưới những cây cau. Nhà cũng rộng, cũng nuôi bò, cũng khung cửi, những giá sách, chiếc án thư và mấy cánh phản kê cho lớp học. Thế mà chị thấy cái gì cũng khác biệt, giống như mắt mình mới nhận ra chúng nó lần đầu ở trên đời. Thật là *Quen việc nhà mẹ, lạ việc nhà chồng*. Cái khó nhất của kẻ mới về làm dâu là làm sao hiểu được tính nết của từng người trong gia đình. Ông bố chồng, những lúc ông đến chơi nhà, ngỏ lời cầu hôn cho con, Kép đứng trong buồng nhìn qua lỗ vách, chị thấy ông hiền lành là thế, mà hôm nay trông lại nghiêm nghị, xa cách. Còn bà Cạn, mẹ chồng, khi

có con dâu mới, quả là bà mừng như bắt được vàng. Bà ân cần chỉ dẫn cho chị đủ mọi thứ về thức ăn, đồ dùng, cách xếp đặt các đồ vật từ nơi phụng thờ tiên tổ cho đến các cạnh buồng, góc bếp. Bà mong muốn may chi con dâu của mình sẽ nối được nghiệp nhà. Bà nhớ như in mấy chục năm về trước, trong cái tổ ấm gia đình này, mình cũng đã được mẹ chồng tận tình bày vẽ như vậy. Nay, bà cứ tâm niệm: *Cha mẹ ăn ở hiền lành để đức cho con.*

Chị Nho tin vào bản chất và đức độ của từng người trong gia đình, biết ơn và cảm phục trước sự chỉ vẽ tận tâm của mẹ chồng nhưng lòng vẫn nghĩ, dẫu sao thì mẹ chồng cũng là mẹ gia. Mà đã là mẹ gia thì *Mụ hai tiền rưởi, mụ ba mươi đồng*. Cứ như thế, chị lại tự thấy lẻ loi. Mỗi chiều, Kép thích ra phía cửa sau nhìn về quê mẹ. Theo đường chim bay thì có xa xôi là mấy nhưng nơi đó bây giờ đã bị biết bao nhiêu là xóm làng, mây mù che khuất. Gần gũi nhau nhất là đôi lứa thì cả vợ, cả chồng đều phải dè giữ. Hai người không dám đứng trò chuyện với nhau giữa ban ngày trước bố mẹ và em út. Đêm hợp hôn cũng không dám ở với nhau cho đến tận sáng. Lúc đi ra đồng cũng mỗi người phải đứng một lối ruộng, một đầu nương, vì xung quanh có biết bao nhiêu kẻ cứ nhìn vào mà trâm trồ, chế nhạo!

Sau ngày cưới rất lâu, vào một hôm trời mưa to, việc ruộng đồng chưa có gì bận bịu, cả nhà còn đi vắng họ mới có dịp ngồi cạnh nhau giữa ban ngày. Chị dẹt

lụa và anh ngồi đọc sách. Kép mạnh dạn đem những điều mình suy nghĩ ra hỏi anh Nho, trước hết là về tính tình của bố mẹ. Anh nói:

- Ban đêm có ánh trăng dịu mát thì ban ngày lại cần những tia nắng chói chang. Có như thế muôn loài mới tồn tại và phát triển. Trong một gia đình nếu người mẹ hiền hòa thì người cha phải nghiêm nghị. Hai khí chất ấy bổ sung cho nhau để giáo dục con cái, cũng như mặt trời điều hòa sức ấm cho mặt trăng.

- Thế tại sao các bà mẹ phải vất vả đi hỏi vợ cho con rồi sau về lại cứ bất bẽ, làm khó dễ đối với nàng dâu?

- Đấy lại là một tâm lý truyền kiếp khác. Các bà mẹ đều đã phải trải qua thời kỳ làm dâu, ít nhiều đã bị áp chế. Họ cứ tưởng nếu phải sách hoạch đối với nàng dâu thì đó cũng là một thiên chức của mẹ chồng, là uy quyền cần có của người mẹ gia. Tập tục đó không chỉ làm hư các bà mẹ mà nó còn gây ra nỗi ác cảm từ đầu cho các nàng dâu. Vừa về đến nhà chồng là các chị nghĩ ngay đến việc mình sẽ bắt đầu những ngày bị áp chế nên đã chuẩn bị cách đối phó. Sự mặc cảm ở cả đôi bên dễ dẫn đến cách ăn ở thiếu tình thương, đi truy tìm những khuyết tật của nhau. Chứ bản tâm con người thì có ai muốn sống ác làm gì, nhất là ở trong một nhà, khi người mẹ chồng và cả nàng dâu cùng chung một ý muốn là lo vun đắp gia đạo. Nhưng cái trạng thái tâm lý gần như vô thức nói trên đã gây nên một thông lệ:

Đã là mẹ chồng thì có quyền bắt bẻ nàng dâu. Còn nàng dâu:

Thuong chồng thì khóc mẹ gia,

Ngẫm như tôi với mẹ có bà con chi.

Rốt cuộc, chính họ lại tự làm khổ nhau.

Chị Nho nhận ra, chồng chỉ lớn hơn mình vài tuổi mà sự hiểu biết về tình người, về lẽ đời của anh ấy thì thật là bậc thầy. Chị hỏi:

- Sao mà nhà biết được nhiều chuyện như thế?

- Bố mẹ, sách vở và người đời bày cho anh đó.

Chị Nho tự thấy mình hạnh phúc. Chị cảm ơn bố mẹ chồng, cảm ơn dòng họ Hoàng đã sinh ra một người con trai như thế này để mình được nâng khăn sửa túi. Còn anh Nho Đường, thật chưa bao giờ anh được nhìn Kép giữa ban ngày đến no mắt như lúc ấy.

Mái đầu Kép búi vành khăn nhiễu. Màu đen của vải mới không sao sánh nổi mái tóc ở tuổi thanh xuân. Món seo gà rủ xuống tận vai áo như một nét thủy mặc, tôn thêm vẻ thanh quý của những ngón cổ cao nõn nà. Tầm lưng thon trong vạt áo cánh đồng lắm phác nên những đường cong hoàn mỹ. Những lúc dừng thoi, thay con suốt, Kép lại đưa mắt nhìn chồng và cố đợi cho mắt của anh cùng soi vào mắt mình. Cứ như thế cho mãi đến khi cả hai người như đã nhận ra một cái gì mới ở trong nhau rồi cùng thẹn thùng, cười!

Bỗng chốc, một hút gió lửa tới, gây tiếng xào xạc ở góc mái tranh. Tưởng đã có người về, anh Nho Đường liền đứng dậy và chị Kép cũng trở lại đưa thoi lách cách. Nhưng khi nhìn ra, họ biết là nhầm. Để chồng đỡ thẹn, Kép cứ đưa mắt nhìn ra vườn như tìm kiếm một cái gì. Trong khoảnh khắc, Đường thêm thấy người vợ mình thật dễ thương. Tâm hồn Kép cũng đang tràn ngập những ý niệm tốt lành. Vườn trồng nhiều cây lưu niên. Có cây đã mang đầy quả ngọt. Anh Nho tưởng vào lúc này, mọi cây vườn đều bật trở thêm những chồi biếc để chào mừng hạnh phúc trẻ trung, tròn đầy của con người mình thương.

*

* *

Buổi trưa mùa Hạ trời ong ong, hầm hập. Gió xô từng khối nắng như lửa hắt vào mỗi con người. Mặt đồng nứt rạn, nóng như gạch nung. Những vệt nẻ của đất lột cả bàn chân trâu, ngoằn ngoèo, chia cắt. Gió lách vào cả các khe rãnh, tạo thêm những âm thanh hun hút, man dã đến không cùng. Chị Nho phải hết sức vất vả với gánh rạ. Có lúc chị tưởng gió sẽ nhấc bổng cả người lẫn gánh mà đẩy sang phía bên kia đồng. Vừa khiêng, vừa đẩy, đưa được gánh rạ về đến góc vườn, chị Nho mừng tưởng như đã khuân nổi mà đưa được về nhà cả dãy núi Đại Huệ. Mồ hôi thấm vào mắt, mắt cay; chảy vào miệng, miệng mặn. Khi tắm áo ướt bó

vào da thịt, chị nhận thấy cái bụng dưới của mình đã lung lửng tròn. Có nghén con so, mỗi chút tiến triển của cái thai là một sự lạ lẫm, thú vị, thật khó tả đối với người mẹ. Chị quý trọng, nâng niu và vội lấy nón quạt cho nó nhưng bỗng nhận ra là gió đang thổi. Ở trong vườn gió có phần nhẹ hơn và như lúc này thì vừa đủ mát. Thế là không phải ở đâu và lúc nào gió cũng dữ. Gió còn giúp vào việc sấy khô mấy mớ vỏ bưởi và bồ kết là những thứ cần cho chị sau này.

Lại thêm một cái gì hích nhẹ bên hông. Thế là cái thai trong bụng mình đã được hơn bốn tháng. Hiểu như vậy, chị Nho khắp khởi mừng, quên hết những nỗi nặng nhọc vì công việc và thời tiết. Cuộc sống đời thường không thể tránh khỏi những vất vả, khổ đau nhưng hạnh phúc này thì đã nắm chắc. Nhà mình ăn ở phúc đức, nhất định sẽ gặp những điều tốt lành. Với lòng nhân hậu, tự tin, mẹ chồng vẫn thường nói với chị như vậy. Tốt lành và hạnh phúc là những điều người đàn bà có mang nào cũng hằng nghĩ tới và mong mỏi.

Rồi mùa Thu đến, chuyển đổi hương sắc của đất trời. Nắng mỗi ngày một nhẹ và đượm màu vàng rực. Nắng tụ mật về cho quả. Cây hồng chị Nho vẫn thích nhìn đã trút hết lá, để lại một lớp trái như ai chấp cuống treo lên đó vô số những quả trứng. Từ da lươn, nhiều quả đã sẫm màu nâu đỏ. Từ bên kia vườn ngán lên một giọng ca:

Vội vàng ăn nhãn tháng năm

Thung dung ngồi đợi hồng ngâm tháng mười.

Đối với chị Nho, điều ấy như nhắc bảo, sinh nở vào dịp này là khéo lắm. Ngoài đồng bây giờ, trên các ruộng lúa lóc, những bông thóc đã mẩy. Ở dưới bể, con cá thèn cũng đến mùa mang đầy bụng trứng, đem quạt than, dễ là béo như khúc chả nướng. Đàn bà năm bếp vào cữ này thì cảnh buồn the thật ám cúng. *Com gạo lóc ăn với tróc cá thèn và Than vô bươi sươi chùm bở kết*, người phụ nữ nào khi đã lớn tuổi mà chưa một lần sinh đẻ trong đời thì thật sẽ hết lòng ao ước. Bé Hoàng Thị Loan ra đời vào một ngày như thế, giữa sự chờ mong, đón nhận của mẹ cha, xóm mạc, của nắng vàng, đồng xanh và biển biếc.

*

* *

Giặc Pháp đã cướp trọn Nam Kỳ. Máu chảy ruột mềm. Lửa đạn của quân cướp nước chưa đổ xuống đất Nghệ nhưng ở đây, từng lớp người đã cầm gươm, cầm giáo ra đi. Có nơi nào trên trần gian mà người đàn bà phải chịu nhiều khổ đau bởi chinh chiến như ở nước này. Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh, có triều đại nào lên cầm quyền ở phương Bắc mà lại không cất quân xâm lược nước Nam? Bây giờ lại đến một loại giặc khác, giống người da trắng. Kẻ thù mới

này có chiến thuyền gắn máy hơi nước và thứ súng chỉ bóp cò một phát mà nhả ra được nhiều viên đạn. Muốn đánh đuổi loại giặc đó, đất nước cũng phải trông đợi vào cả những nơi như vùng quê này. Tại đây, mỗi hạt phù sa kim cổ đều có ngấm mồ hôi và nước mắt của các bà mẹ. Họ đã từng lăn lộn, mỗi mòn, cắn chặt môi rồi nức nở sau mỗi lần phải tiễn người thân ra đi. Nhưng dù vật vả, xót đau, mỗi người mẹ, mỗi gia đình vẫn cố dành tạo cho tuổi thơ những ngày êm thấm. Với bé Loan, giọng ru ảm áp lè đời của mẹ và lời giảng sách nông nân nghĩa khí của cha đã quện vào trong mỗi giấc ngủ non thơ.

Lên bốn, rồi lên năm, Loan hỏi mẹ sao mình chưa có em? Mẹ chỉ cười, nói lảng sang chuyện khác. Loan bắt mẹ phải đền bằng cách kể những tích truyện cổ. Mẹ cũng chiều cô hết lòng. Thế là dù đang cùng các bạn săn đuổi một con chuồn chuồn mà thấy mẹ ngồi vào khung cửi là cô chạy ngay đến. *Phù Đổng, Thành Ốc, Vua Đen, Tấm Cám, Lưu Bình - Dương Lễ, Tống Trân - Cúc Hoa, Thoại Khanh - Châu Tuấn...* Mỗi chuyện, mẹ đều kể với trái tim đầy xúc động. Hình ảnh về những anh hùng, nghĩa sĩ, những liệt nữ, anh thư từng tận tụy liều chết vì chồng con, vì nghĩa cả đã kết dệt trong tâm trí cô bé làng Chùa những mỹ cảm và ước mơ. Cô hỏi mẹ:

- Sao lại có được một người đàn bà xinh đẹp và tốt bụng như nàng Cúc Hoa từng sống ở trên đời?

Mẹ bảo:

- Những người như vậy quả không nhiều nhưng cũng phải là có thực thì mới được đưa vào truyện.

- Thế tại sao có truyện chỉ lấy tên một người như *Phù Đổng, Vua Đen*, lại có truyện lấy tên hai người như *Lưu Bình - Dương Lễ, Thoại Khanh - Châu Tuấn...*?

Điều này con hỏi cha chắc sẽ rõ hơn. Mẹ chỉ biết, chuyện về các bậc đế vương thường chỉ lấy tên một người. Còn truyện ca ngợi tình bè bạn, nghĩa vợ chồng, về dân dã thì thường mang tên từng cặp. Đó cũng là cách giải thích của dân gian.

Loan cho là phải và nói:

- Có lẽ vì thế nên khi nói đến Thục An Dương Vương, người ta lấy tên truyện là *Thành Ốc*, còn để kể về một chuyện tình bi đát xảy ra từ nơi đó thì người ta lấy tên truyện là *Trọng Thủy - My Châu*?

Mẹ nhìn Loan đang vừa nói vừa ăn củ khoai nướng. Cô bị sún hai chiếc răng cửa nên cắn khoai một cách khó nhọc, trông thật buồn cười, dễ thương và được mẹ khen:

- Con của mẹ giỏi lắm!

Bà Kép nói, mắt không rời gương mặt đứa con gái. Loan đã bắt đầu biết giữ ý. Ăn xong khoai, cô mím chặt môi để che kín hàm răng rồi mở to đôi mắt, trông

vui vui, ngộ ngộ. Gương mặt cô lúc đó vừa gằn gù như một chồi cây non biếc, vừa lung linh như một vì sao lạ.

Trong nhà chiếc án thư và mấy cánh phân kê làm nơi dạy học của cha, Loan trông cũng gằn gù thân thuộc như chiếc khung cửi của mẹ.

Sách có bao nhiêu chữ, mỗi chữ có bao nhiêu nghĩa, nó còn rậm rịt hơn cả vải mắc trên go và dài hơn triệu con suốt nổi lại. Có thể người ta mới bảo là Thiên kinh, Địa nghĩa. Cha đẩy cày trên ruộng không thạo bằng đưa bút trên sách. Còn cầm liềm hay cầm thoi, cả hai việc đó mẹ đều làm khéo như nhau. Ruộng nương chẳng được là bao, mẹ cố làm luôn thể để cha có thì giờ chăm lo đèn sách.

Có nhiều câu, chữ ít mà lời nhiều, từ dễ đến khó, cứ nghe nhắc đi, nhắc lại, Loan hiểu rồi thuộc. Cái khó là làm sao để hình dung được mặt chữ. Lớn lên ở một vùng quê, Loan cứ tưởng đã là con gái thì không được đi học. Nhưng có bạn cô theo mẹ về chơi bên ngoại rồi xuống Vinh. Mẹ dẫn cô vào thăm một ngôi chùa. Sư bà đang đọc sách, một cuốn sách chữ Hán dày dặn hần hoi. Sư nán đọc thêm mấy dòng nữa rồi mới dừng lại tiếp khách. Chuyện giữa hai người lớn, Loan nghe chỗ hiểu, chỗ không. Cô chỉ cốt chờ để hỏi một câu:

- Thì ra, ở nhà chùa, đàn bà con gái cũng được học chữ?

Sư bà cười, mãi nhìn cô bé với cặp mắt thăm thiết rồi bảo:

- Không riêng ở nhà chùa, nơi nào con gái cũng có thể học chữ được. Vì gái cũng có một bộ óc, một trái tim như trai. Xưa, dưới thời nhà Lý, đã có một phụ nữ cải trang đi thi và đỗ Thái học sinh.

Về nhà, Loan đòi cha bày cho mình học. Không phải cha không muốn cho con gái biết chữ và cũng không phải ông không hiểu về những điều như vị sư bà đã nói với Loan nhưng phong tục địa phương khe khắt quá, ông còn phải hỏi ý kiến của vợ. Vì đã thành như cái lệ của họ Hoàng và cũng là của làng Chùa, việc bày dạy cho con gái là thiên chức của người mẹ. Nghe chồng nói, bà Kép lo sợ đáp:

- Ấy, con nó học mót, học lỏm được chữ nào thì tùy, chứ đừng có dạy bảo theo lối đường đường, chính chính. Như vậy thế gian lại cười cho.

Ông Đường vẫn nhẹ nhàng bảo:

- Điều mong muốn của con cũng chẳng có gì là quá. Hồi nhà Trần luật lệ nghiêm khắc là thế mà quan Tư đồ Trần Nguyên Đán vẫn nuôi thầy ở trong nhà để dạy cho con gái học. Còn bây giờ, mình thấy việc đúng cần làm thì cứ làm, chứ chiều theo lệ thói của thôn quê thì rồi nhiều việc phải bó tay.

Bà Kép rất trọng nề chồng nhưng lòng cứ phân vân. Còn ông Đường, ông vẫn nghĩ mình mà không

dạy chữ cho một đứa con như bé Loan thì cũng là uống. Một người con gái thạo canh củi mà lại biết thêm chữ nghĩa nữa thì càng hay. Vì ở đời, chẳng có sự hiểu biết nào là vô ích, Thế là ông Đường mở thêm trong nhà một lớp học đặc biệt. Cứ mỗi buổi tối, khi nhà đã hết khách khứa và xóm thôn đi vào ban đêm, Loan mới mang sách ra học. Ông bố cũng chỉ kèm được cho con gái vào lúc đó. Ông nghĩ cốt con mình có hiểu biết chữ cần gì thi thố tài năng. Cứ giấu cái chuyện học chữ, học nghĩa của con gái đi thì vẫn hơn.

Chẳng tỏ ra ngập ngừng, lạ lẫm, Loan học ít hiểu nhiều. Bàn tay cô đưa các nét chữ trông mềm như kết những cành hoa. Ông Đường chưa thấy một học trò nào sáng dạ và dẻo tay như con gái mình. Công việc thật âm thầm nhưng cái nghề dạy và học chữ đâu có giữ được sự bí mật hoàn toàn. Ông bác họ đã biết chuyện bèn đi sang và bảo:

- Là đàn ông mà có kẻ đã bỏ ra hàng chục năm, cà nát biết bao nhiêu là đưng quân trên ghế các lớp học mà rồi cũng chẳng đỗ đạt, chẳng vượt nổi những khó khăn ở đời. Trở về cày cuốc, họ cũng chẳng kiếm đủ miếng ăn, huống chi là con gái, đàn bà? Cho nó biết thêm dăm bảy cái chữ, không khéo bọn con trai chúng sợ gái khôn hơn chồng rồi chẳng đứa nào dám đến nhà cũng nên. Chi bằng chú mợ cứ dạy bảo cháu cấm đánh mạ cho hẳn, dẹt vuông vải cho tròn là hay hơn cả.

Biết cái bụng của ông bác là thực tâm chứ chẳng thù ghét chỉ nhà mình. Vả, rồi cũng không dạy cho con được mấy nên ông Đường cứ vâng vâng, dạ dạ để bác được vui lòng.

Đó mới chỉ là tiếng nói của người trong họ. Còn làng nước? Vùng quê nào cũng có những lẽ lối khe khắt mà có khi phép vua cũng phải nhường. Vậy thì đối đầu với những luận điệu nghiệt ngã ấy làm gì cho mệt. Cứ công việc của ai nấy làm, cốt sao đừng phiền lụy đến người khác. Loan nghĩ như vậy rồi nói với bố:

- Có học được hay không là cốt ở bản thân con. Ngày nào mà bố chẳng giảng bài cho các anh học trò. Con cứ nghe đi, nghe lại, tập viết lần này, lần khác là sẽ biết. Các bác, các chú làm sao mà cấm được con!

Quả là cũng chẳng ai ngăn nổi lớp học đặc biệt này. Ông Đường ngày một ngạc nhiên trước trí nhớ của con gái. Các sách *Ấu học*, *Luận ngữ*, Loan chỉ đọc vài lần là hiểu rồi thuộc và nhớ. Từ sách *Mạnh Tử* trở lên, vì có nhiều câu triết lý hơn cô mới phải ngẫm nghĩ nhiều. Các bài tập Hán học đầu tiên là làm câu đối. Khi đã nắm được thể thức, Loan cứ đặt câu ra rồi tự tìm câu đáp. Những buổi ra đồng, cô cứ lẩm nhẩm một mình. Cũng đã nhiều lúc diễn ra sự đối đáp từ chương giữa Loan với mẹ của mình. Thú vị nhất là gặp chỗ cả hai đều chẳng chịu nhau. Lúc đó họ cần có cha làm trọng tài để đánh giá, phân định. Buổi đầu chỉ là sự đối đáp

trong gia đình qua những sự vật quen thuộc hàng ngày rồi rộng ra là đồng ruộng, núi sông, cánh cửa trí tuệ cứ được mở dần. Trong ngôn từ, người đặt câu ra có ý, có ảnh; người đáp cũng xuất khẩu thành chương. Từ đó, trong gia đình không có thời gian để trống, chỉ có thay đổi về hình thức sinh hoạt. Sự sáng tạo thật âm thầm, năng nổ. Thấy Loan vẫn sớm chiều đồng áng, về nhà lại không tránh khỏi bếp núc, lợn gà mà những buổi hội làng cũng chẳng hề thiếu vắng, người ngoài cứ tưởng như thế là cô đã dùng hết thời gian của mình. Nhưng có mấy ai hay, một ngó sen chỉ chọc thủng mặt nước mà vượt lên khi mùa nắng mới lại đến. Bằng không, khó mà biết nổi ở dưới mặt hồ kia có những gì.

*

* *

Hoàng Trù cùng mấy thôn khác quây quần xung quanh núi Chung, cùng ăn một chợ là chợ Cầu, thuộc thôn Ngọc Đình Rú. Tên làng nghe khô khan là vậy mà đời sống ở đây không kém phần phong phú. Đền Thánh Cả nguy nga. Chùa Đạt có gác chuông cao. Khi chuông ngân lên, âm thanh vang xa như giục giã nhiệt tâm, hoài bão của mỗi con người. Mái đôi của thôn Ngọc Đình Rú, nơi có chợ, có chùa, luôn luôn diễn ra những đêm phùng vải. Vào các buổi trăng lên, bờ tre góp gió, hàng cau, gốc bưởi góp hương và trai gái mấy làng thi nhau tiếng hát. Ấy là đêm hội thơ bắt đầu.

Những con người suốt ngày lăm lì, ương ngạnh vật lộn với mưa nắng, cuộc cày, về nhà còn phải lo biết bao nhiêu công việc vất vả nhưng họ vẫn dành cho đêm phùng vài những ý đẹp, lời hay, những giọng ca nghe đến bồi hồi, thổn thức. Đối mặt với các chàng trai thi thư, phong nhã là những cô gái tha thướt, mỹ miều. Họ mang trong tên mình những cây đời, trời biển những: Sim, Đài, Nụ, Son, Mây, Bến... Nếu vắng tiếng ca của những cô nàng như Bến, như Sim thì đêm phùng vài sẽ tẻ nhạt đi trông thấy. Đặc biệt cô gái có giọng hát mê hồn như Sim lại là con người có nhan sắc nổi bật. Nhiều thức giả, văn nhân giành nhau đặt câu hát cho Sim và hãnh diện khi thấy câu chữ của mình đã được cô ả ca lên làm lay động lòng người. Đêm ấy chờ mãi đến khuya, các chàng vẫn không thấy cô gái dong dỏng cao có gương mặt xinh đẹp, sáng tươi ấy đến. Họ bồi hồi ngóng trông. Nhưng chờ mãi mà không được thì đêm phùng vài cũng phải bắt đầu. Như thường lệ, các lời ca cứ đi từ hiền hòa đến dữ dội. Tới khi người ta nghe một giọng hát lăm lì, thách thức. Hẳn là lời của một người đàn ông:

Đầu năm ăn quả thanh yên

Cuối năm ăn bưởi cho nên dèo bông.

Phải phản công lại nhưng lựa cho ra câu đáp thật không dễ. Bỗng từ đằng xa cất lên:

Mặc ai duyên nợ dèo bông

Ta đây vàng đá, một lòng thủy chung

Biết là đã đụng phải một tay không vừa, bọn đàn ông nghịch ngợm bèn tìm cách chọc tức:

*Tay cầm be rượu gói nem,
Mãi vui quên hết lời em dặn dò*

Lời đáp lại vẫn là một giọng ân tình, nhân hậu:

*Thương chồng hạt gạo cắn đôi,
Nửa ăn lấy sức, nửa tôi đợi chàng.*

- Ai đặt những câu kia, nghe lời thật mới và ý thật sắc?

- Còn giọng ca thì không ai khác, hẳn là của Sim.

- Nhưng cô nàng ngồi ở đâu?

Người ta tranh nhau đặt ra những câu hỏi rồi các chàng trai bỏ công đi tìm. Tìm mãi thấy một người lạ, hình dáng như bà già. Váy vải đen tẩm bùn, còn áo và khăn đội đầu thì lụng xụng màu nâu non. Họ phải soi đèn, nhìn kỹ mới nhận ra: “A, Sim”.

Cô nàng ngảnh mặt cười khúc khích. Giọng ca ấy là của Sim, còn lời thì do ai làm?

Kể từ đầu buổi chiều, Sim đã đến nhà Loan, nhờ bạn đặt hộ câu hát. Loan nhận lời nhưng buộc Sim khi vào hội thì phải cải trang và tuyệt không được để lộ tên người đặt lời ca. Sim lớn tuổi hơn rất nhiều nhưng vẫn phải ngoan ngoãn nghe theo Loan. Lúc bọn con trai phát hiện ra Sim thì Loan đã biến mất. Họ tra khảo mãi



Toàn cảnh nhà cụ Hoàng Đường ở làng Hoàng Trù. Nguyễn Sinh Cung đã cất tiếng chào đời ở ngôi nhà ông Nguyễn Sinh Sắc trong khu nhà này.

Ảnh: NGUYỄN ĐĂNG VIỆT

về người vừa đặt ra những câu hát mới, nhưng Sim không hề hé miệng. Luật phùng vãi cũng không cho phép họ làm già hơn. Song đã là một tài năng ở một miền quê nhất định thì không sao mà mai danh, ẩn tích được mãi. Về sau, các đêm phùng vãi khác, trước khi vào đám là cánh đàn ông phải lục lọi xem Hoàng Thị Loan có tới không, cô ấy ngồi ở đâu để họ còn chạy thầy mà đối đáp.

Lại một chiều gặp mưa từ ngoài đồng, Loan về nhà sớm. Cha đi chơi nhà một ông bạn ở làng bên. Tập *Thiên gia thi* đặt trên án thư. Loan nâng nhẹ, mang vào ngồi đọc bên cửa sổ ở nhà trong. Mẹ bắt gặp, Loan vội giấu nhưng bà Kép bảo:

- Ấy đừng gấp vội, để xem con gái mẹ đang đọc thơ của thi sĩ nào?

Trước sự niềm nở đón đợi của mẹ, Loan chỉ vào từng trang sách có cả hình vẽ mà khen:

- Thừa mẹ, thơ hay và họa đẹp, cuốn sách được cả đôi đường.

- Phải rồi - Mẹ đáp. - Tinh hoa về thơ và họa của cả một dân tộc văn hiến vào bậc nhất từ mấy đời được chọn lọc lại. Cuốn sách cũng là một phần sản phẩm văn hóa của loài người đó con.

Thế rồi mẹ cùng ngồi xuống bên cạnh. Cả hai người lần giở từng trang, hết Vương An Thạch đến Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị, Thôi Hiệu, Hoàng Sào... Đọc xong

thơ, Loan lại ra hiệu xin mẹ cho chậm lại để được xem kỹ những bức tranh minh họa. Bà hỏi:

- Ô, con gái của mẹ cũng thích hội họa lắm sao?

Loan chưa trả lời mẹ mà lại nói lên điều mình thắc mắc:

- Hoàng Sào dám tập hợp người nghèo chống lại nhà vua, đồng thời ông lại là một nhà thơ nổi tiếng. Thế sao *Truyện Kiều* lại có câu: *Ngàn năm ai có khen dẫu Hoàng Sào*? Có phải câu thơ ấy có cái gì đó không thỏa đáng đối với họ Hoàng?

Bà mẹ giật mình, nói rất nhỏ như khuyên can:

- Theo mẹ nghĩ đó là lời cụ Nguyễn Du nói thay cho Kiều, một người đàn bà đã trải nhiều gian truân, bất hạnh, nay thiết tha được sống yên ổn. Kiều đang dở dang để Từ Hải về với triều đình.

Loan vẫn thắc mắc:

- Đã thế, sao cụ Nguyễn còn lấy ý trong hai câu thơ của họ Hoàng mà phổ thành thơ mình để phác họa Từ Hải?

Bà Kép chợt nhớ ra hai câu thơ của Hoàng Sào mà Loan vừa nói:

Bán kiên cung kiếm bằng thiên túng,

Nhất trạo giang sơn tận địa duy

(Nửa vai mang đàn gươm, tung trời mà bước;

Một chèo lái giang sơn, dục đất mà đi.

Cụ Nguyễn Du dựa vào đó để phổ thành:

Giương đàn nửa gánh, non sông một chèo.

Lòng bà đầy vui vẻ, và đáp lời:

- Con không nghe cha đã nói đó sao? Tập cổ vốn là cách sáng tác thi ca chung của người xưa. Họ lấy ý thơ của nhiều người khác mà tạo thành thơ mình, đó cũng là một cách sáng tạo. Có mượn ý trong hai câu thơ đó của họ Hoàng, cụ Nguyễn mới vẽ nổi một con người như Từ Hải. Ta biết cụ Nguyễn đã rất quý họ Hoàng về mặt thi phẩm. Thế là đủ rồi.

Loan chưa thật thỏa mãn về lời giải thích của mẹ nhưng điều làm cô sung sướng vô cùng là nhận ra, mẹ của mình cũng có một tâm hồn và một năng lực cảm thụ thi ca thật tinh tế. Loan bỗng cảm thấy đời mình thật giàu có. Cô nói rõ điều mơ ước của mình khi trở lời câu hỏi của mẹ:

- Dạ, mẹ vừa hỏi ý kiến của con về hội họa. Thưa mẹ, giá con là trai và cảnh nhà cho phép, con sẽ xin cha mẹ cho tìm thầy học vẽ. Gửi được ý tứ của mình vào trong các bức họa thì cũng thật là thích mẹ ạ?

Bà Kép nhìn thấy con gái mình khuôn mặt đã rõ hình trái xoan, gò mũi cao thanh thoát, cặp mắt xanh, tròn, mở to, lúc nào cũng như ngạc nhiên và luôn hướng cái nhìn về phía trước, báo hiệu cô bé đã bước qua tuổi ấu thơ để trở thành một thiếu nữ đoan trang, nhã thiệp, cùng với nhan sắc, lấp lánh một vẻ đẹp trí tuệ. Bỗng, bà mẹ này

ra ý cầu mong: Đừng có điều rủi ro nào xảy đến đối với người con gái xinh tươi, thông minh và nhân hậu này. Bà bấm đốt ngón tay lẩm nhẩm: Con gái mình đã bước sang tuổi mười ba.

*

* *

- Cậu ấy là con nuôi.

- Không phải, chỉ là đứa ở thôi. Con nuôi thì phải được nhận về từ lúc còn bé kìa.

- Lớn bé gì cũng được, miễn là người bán đồng ý và người mua ưng thuận. Nhưng cãi nhau mà làm gì? Ở cái đất này, con ở hay con nuôi, chỉ khác nhau mỗi một tiếng gọi.

Vẫn chưa hết những lời chao chat:

- Ôi con đẻ có khi cũng chẳng ăn ai, huống chi con nuôi, khéo về.

- Ai tham công tiếc việc hoặc dừ ăn thừa để thì họ xin hoặc mua người, chứ có gì mà phải mất công bàn cãi cho lắm...

Cứ như thế, tiếng qua rồi lời lại, lấp lửng, độc địa, nói là mặc kệ nhưng lại không chịu buông tha.

Còn trong gia đình của Loan thì đã vui hẳn lên từ khi bố nhận được cậu con trai Nguyễn Sinh Sắc đưa về cùng ăn ở trong nhà.

Sắc người làng Sen. Bố của cậu là Nguyễn Sinh Nhậm. Bà Nhậm đẻ được Nguyễn Sinh Thuyết rồi qua đời lúc ông còn trẻ. Ông Nhậm tập trung sức lực nuôi con. Sau khi lập gia thất cho Thuyết xong, ông mới tục huyền với Hà Thị Hy, người làng Sài. Còn Hy, cô là một thôn nữ xinh tươi, giỏi đồng áng và ham mê nghệ thuật. Những đêm hội làng, người ta thấy Hy nổi trội hẳn lên trong đội múa đèn. Cô gái chân quê là trang nghệ nhân dân dã này thế mà cũng cao số. Rất nhiều chàng trai giàu sang, danh giá ở trong vùng đến cầu hôn, cô đều chôi từ. Nhưng đến khi Nguyễn Sinh Nhậm góa vợ và luống tuổi đến dạm hỏi thì Hy bằng lòng. Biết bao nhiêu người phản đối. Cô chỉ nói: “Lấy chồng để có một cuộc sống bình thường rồi sinh con ra nó cũng là người bình thường thì chẳng khó gì”. Có lẽ bởi người con gái tài hoa này linh cảm được một cái gì cao đẹp ở ngày mai nên đã tự nguyện xây dựng gia thất với một người chồng mà thế gian dè bỉu là “nong nia cạp lại”. Nguyễn Sinh Sắc là kết quả duy nhất của cuộc tình duyên hơi lạ kỳ ấy.

Sinh được bé Sắc, lòng bà Hy vô cùng mãn nguyện. Rồi Sắc lên sáu thì bà qua đời vì một căn bệnh hiểm nghèo. Trước phút giây vĩnh quyết, bà cứ hết nhìn con rồi lại nhìn chồng ý như ký thác. Khi sắp khép bờ mi từ giả cõi đời, đôi mắt người mẹ trẻ vẫn tràn đầy hy vọng. Và khi bị thần chết đến cướp đi, đôi môi bà

vẫn đỏ. Ông Nhậm không vượt nổi sự đau buồn nên chưa đầy năm, ông cũng đã đi theo bà Hy.

Từ đó, Sắc sống với anh chị. Vợ chồng Nguyễn Sinh Thuyết cũng rất thương em nhưng vì nhà nghèo nên khi ông Đường ngỏ ý xin đem Sắc về nuôi thì họ đồng ý vì tin rằng, về dưới đó em mình sẽ có điều kiện để học hành.

Bà con xóm xã ít người thấu hiểu về tình cảnh đó nên đã đàn traỏ một cách không cần thiết và thiếu công bằng. Nhưng điều đó không ảnh hưởng gì đến tình cảm của gia đình ông Hoàng Xuân Đường đối với cậu Nguyễn Sinh Sắc.

Còn vợ chồng ông Đường thì chín năm sau khi có Loan, bà Kép mới đẻ đứa con gái thứ hai và đó cũng là lần sinh nở cuối cùng của bà. Ông Đường lại là tộc trưởng. Trước hoàn cảnh đó, đã biết có bao nhiêu là lời qua, tiếng lại dầy vò bà Kép và làm phiền lòng ông Đường. Họ cho rằng, với ông bà, như thế là “vô hậu”! Ông Đường là người học thức, dòng dõi của một cự tộc mười chín đời gồm hai mươi bảy Quận công, từng giọt máu trong mỗi con người của dòng họ này đều có ngấm chất lễ giáo phong kiến. Các tập tục của tông tộc, của xã hội đã trở thành con đường độc đạo về phép tắc của số mệnh mà con người bằng xương, bằng thịt chỉ có bước tiếp chứ không trở lui. Nhà nho Hoàng Xuân Đường không hề phản bác điều đó nhưng ông cũng

không lấy làm buồn khi mình không đáp ứng được những yêu cầu nghiệt ngã của các luật lệ cổ sơ. *Trai gái là con; nếp lòn là của*, ông Đường không hề băn khoăn về việc vợ chồng mình không có con trai. Điều ông mong muốn là ở chỗ khác. Xin cậu Sắc về nuôi, ông cũng không có ý định để rồi cậu ấy sẽ nối dõi tông đường của nhà họ Hoàng. Ông muốn giúp cho một cậu bé mà vào giữa những ngày Tết vẫn vừa chăn trâu, vừa học chữ ấy nên người có kiến thức, biết đường nhân nghĩa để may chi cậu ta kế tục được cái cơ sở đạo đức của gia đình mà ông bà đã cố công gây dựng. Theo ông, điều đó còn khó hơn cả việc thờ phụng khói hương cho tổ tiên. Bởi thế, trước khi nhận cậu Sắc về nuôi, ông Đường thấy cũng không cần phải hỏi khắp lượt ý kiến của bà con trong họ. Việc chọn người thừa tự sẽ do họ hàng định đoạt vào lúc ông sắp nhắm mắt và chắc bà con sẽ làm một cách cẩn trọng. Ông tin như vậy. Còn cậu con trai Nguyễn Sinh Sắc là người sẽ chịu ơn rất sâu nặng đối với họ Hoàng. Nhưng cậu ấy phải có một cuộc đời riêng.

Về việc đó thì bà Kép không có được một tâm tư thoải mái như chồng. Vì người đời cho rằng, một cặp vợ chồng, sinh con trai hay con gái, hoàn toàn là do tự ở người đàn bà! Nhưng đã khá nhiều năm sau ngày thôn sinh đẻ, chỉ được hai đứa con đều là gái mà ông Đường không hề phàn nàn một lời, kể cả những lúc vắng bà. Vì thế, bà càng thương, càng trọng chồng. Và bà cũng chưa bao giờ làm trái ý ông. Giữ mãi được mối

quan hệ êm đẹp đó, cùng với đức độ của ông là do bà thận trọng trong tâm niệm và chín chắn lúc nói năng. Rồi đến khi ông nhận cậu Sắc về nuôi, bà cũng suy nghĩ rất nhiều. Bà thấy mừng vì trong nhà có thêm một đứa con trai sắp đến tuổi thành niên. Vợ chồng bà rồi cũng bước sang tuổi già. Cậu ấy có thể đỡ đần trong những công việc khó khăn. Nhưng bà cũng có phần lo là liệu đến một lúc nào đó, nhà mình có giải quyết được những yêu cầu do cậu ấy đặt ra? Nhất là rồi đây sẽ ra sao trong quan hệ gia đình? Còn Loan, cô đang sống trong hạnh phúc của một thời vô tư, cái thời chỉ có điều cao quý nhất là tình bạn.

Cô nhớ lại lúc mình còn bé, ở làng này sức hiếu động của tuổi thơ được diễn ra thỏa thích nơi bãi chăn trâu, bến tắm, sân đình, ngõ xóm. Tối đến thì thu hẹp lại trong từng khu vườn và mảnh sân của mỗi nhà. Vào những lúc như vậy, Loan chịu thiệt hơn nhiều bạn là cô muợn có em. Thường thì Loan cứ phải chơi rầ rầm một mình. Vì thế cô càng yêu quý bạn bè và thương mến mọi người. Lòng nhân ái của Loan được ươm mầm từ bé. Những lúc trăng sáng từ đầu hôm thì thỉnh thoảng còn có bạn đến chơi, chứ vào những buổi tối trời hoặc gặp lúc mưa gió thì trong nhà chỉ một mình Loan là con trẻ, buồn ghê. Khi có em gái là An, thì em lại quá nhỏ không hợp với tâm tình lứa tuổi. Rồi đến lúc có Sắc. Tuy cậu ấy lớn hơn và mới từ ở xa đến song ai cũng nghĩ, tuổi trẻ là dễ kết bạn và chơi thân với nhau. Nhưng thực tế đã không đơn giản như vậy. Nam nữ

cùng ở với nhau trong một nhà thì quan hệ tình bạn lại là khác.

Ngay việc xưng hô, trong buổi đầu cũng áp ứng, lộn xộn ra sao ấy. Sắc mười bảy, hơn Loan bốn tuổi. Loan gọi Sắc bằng anh là phải nhưng sao cô vẫn thấy rầy, thấy ngượng. Còn Sắc, cậu gọi Loan bằng gì? Là chị thì không đúng mà bằng cô thì nghe già và xa cách quá. Sắc siêng năng chăm chỉ, làm mọi việc, niềm nở và chu đáo. Loan vốn cũng sẵn tính chịu khó, lúc này cô càng cố thêm vì sợ mang tiếng là ỷ lại vào Sắc. Có lúc cả hai người cùng bắt tay vào một việc làm rất nhỏ. Họ nhìn nhau, bật cười. Lại có những việc đáng giải quyết ngay nhưng rồi cứ bỏ đó vì người này tưởng người kia sẽ làm. Hiểu tâm lý bọn trẻ, bà Kép phân định: “Sắc lớn tuổi hơn, là anh, ngoài giờ học đảm đang những việc nặng nhọc; Còn Loan ít tuổi, là em, phải lo công việc bếp núc và sắp xếp, dọn dẹp trong ngoài”. Lời mẹ là phép nhà. Cách xưng hô từ đó đã tự nhiên hơn. Còn công việc, đại để là như vậy nhưng rồi vì người ít mà nhiều việc vặt vãnh thì nhiều nên lắm lúc, ai thấy cái gì cần xử lý ngay thì cứ tự nguyện làm.

Ở tuổi mười ba, mười bốn, Loan vẫn nguyên vẹn sự hồn nhiên, tóc trái đào tung xỏa, những buổi chơi nghịch thì người bết đất bụi. Có lúc cô vấp ngã, Sắc vội chạy tới định đỡ cô dậy. Nhưng khi đến gần thì anh lại nhớ chuyện vừa xảy ra hôm trước.

Đó là khi Sắc vừa dắt bò về đến ngõ thì mấy bà, mấy chị cứ chỉ chỉ, trỏ trỏ: “Đứa ở của nhà ông Đồ Loan đó kia!” (Ông Đường dạy học. Ở vùng quê này, khi đã có con thì thường được gọi theo tên con nên dân làng gọi ông là ông Đồ Loan). Sắc nhận ra thân phận của mình là vậy rồi bỗng anh mất hết vẻ tự tin, thấy mình xa cách với mọi người trong nhà, nhất là đối với Loan. Cho nên, lúc này anh không dám dang tay đỡ cô dậy. Loan đứng lên, phúi hết đất bụi trên người rồi bỏ đi. Lòng Sắc ái ngại. Anh tự hỏi mình xử sự như thế có vô tình quá không?

Lâu dần, cách cư xử công bằng, nhân ái của gia đình, nhất là thái độ tôn trọng của Loan đối với Sắc đã làm cho anh bớt đi sự mặc cảm về chuyện đứa ở, con nuôi. Nhưng dẫu sao, nó vẫn có một khoảng cách vô hình thường cứ kìm giữ Sắc lại, khiến anh cứ tự ti, rụt rè. Nhớ một hôm, Loan đi cắt cỏ về gặp mưa. Khi cô bước lên cái dốc trơn ở cổng chuồng bò thì Sắc cũng vừa đi tới. Lẽ ra anh đã đưa tay dắt cô nhưng rồi lại cứ đứng im. Loan phải vất vả níu vào mầm vách mà bước nhưng rồi gánh nghiêng, suýt nữa thì cô bị ngã. Lần đó thì Loan nhìn Sắc với vẻ trách móc thực sự. Còn Sắc, cậu vẫn phải suy nghĩ một mình: Biết làm sao được! Cô ấy với mình vẫn là người khác họ, cách làng. Vả, mình chỉ là một đứa bé mồ côi nghèo khổ. Còn Loan, cô có cảnh nhà ấm cúng lại là dòng dõi quyền quý.

Đừng để cho người ta cho là mình không biết thân, biết phận. Sự thực đó đã không khỏi làm cho Sắc phải day dứt.

Đã trải những ngày dài cô đơn, Sắc quen với nếp sống suy tư lặng lẽ. Còn Loan thì khác. Tuổi trẻ của cô như trang sách rộng mở, giàu lòng nhân ái, vị tha. Đặc biệt, nhờ sự truyền thụ của cha mẹ, cô rất quý trọng những tài năng, những tấm lòng đức độ. Cách sống đó đã bồi đắp ở cô cái vốn thông minh, tự chủ. Loan hiểu quá khứ và tâm trạng của Sắc nên chẳng nỡ trách anh nhiều. Hơn nữa, cô còn biết mình phải chủ động trong giao tiếp để anh dễ được tự nhiên. Tuy vậy, thực hiện được ý định đó cũng là việc khó. Cô vẫn tự hỏi, liệu mình làm như thế có vượt quá giới hạn cho phép đối với một người con gái? Phải một thời gian thật lâu cô mới nhớ lại được lời giảng sau đây của bố: *Khi biết tạo được sự an tâm và niềm vui cho người khác thì chính lúc đó ta đã đạt được điều hạnh phúc.* Và cô nghĩ, thế tại sao lúc này mình không thực hiện điều đó đối với những người xung quanh, ít nhất là đối với Sắc, kẻ đang phải chịu nỗi day dứt, mặc cảm. Dẫu lòng cô tự biết *tạo được sự an tâm và niềm vui cho người khác* là điều không phải dễ. Loan thấy khó nghĩ quá. Nhưng dẫu sao, câu sách đó, khi nhớ lại, nó cũng đã làm cho cô hoạt bát, chủ động hơn nhiều. Còn ông Đường thì ông rất tin ở con gái và tin cả ở Sắc, tin rằng họ sẽ giữ được sự hồn nhiên trong trẻo giữa đôi bạn trẻ cũng như trong sinh hoạt gia đình.

Mà tình thương và niềm tin bao giờ cũng là ruộng mới cho mọi quan hệ lớn lao, lâu bền.

Từ ngày có Sắc về ở trong nhà, Loan vẫn tiếp tục giữ nếp đều đặn trong việc học tập. Nhân lúc có việc đến cạnh chồng sách của Loan, Sắc đánh bạo cầm lên một cuốn mở xem và nghĩ, liệu mình có đọc nổi những bài học này không. Nhìn những nét chữ mềm được nung nhẹ trên từng trang giấy, Sắc biết đó là chỗ Loan tập chép. Anh chăm chú nhìn và muốn giữ như thế thật lâu nhưng lại sợ người khác biết được thì xấu hổ nên phải gấp vội. Không ngờ, lúc đó Loan cũng vừa bước về mà Sắc không hay. Đột ngột quá, cô ngoảnh mặt đi. Về sau cô nhớ ra rằng, Sắc ham học lắm nhưng chỉ mới là học một chữ chưa hề được đến lớp. Không thể để Sắc khi đã về đây rồi mà vẫn phải làm một người Thừa Cung. Loan đem việc đó giải bày với bố. Ông Đường bảo:

- Lâu nay ta cũng đang dò sức và để xét xem ý muốn của cậu ấy ra sao.

Trường học của ông Đường có hai lớp cao thấp khác nhau. Sắc nhập vào lớp có trình độ thấp hơn. Thế là vừa.

Lần đầu tiên được ngồi vào một lớp học, được thầy thương, các bạn mến, Sắc thấy nghĩa lý trong từng câu sách cứ sáng ra. Câu nào hay và hợp ý là anh nhớ ngay. Quả rằng, mình không phải là người ở. Có ai thuê trẻ

em đưa về để cho đi học bao giờ. Sắc tự xác định thêm điều đó và anh cảm thấy rất vui. Từ là một cậu con trai cần cỗi, rụt rè, Sắc mau chóng trở thành một thanh niên nho nhã, mang dáng dấp một trí thức trong lớp người trẻ tuổi ở làng Chùa.

*

* *

Trời thu nơi thôn quê xanh cao đến vô tận. Đỉnh trời như muốn níu kéo, bắt những ngọn cây phải nhón mình mà cao theo. Còn cây thì lại muốn bám lấy đất chặt hơn. Cây trút lá vàng làm màu cho đất để đất trở lại giúp cây vất vả. Sắc bước dưới bóng cây vườn, nghe âm tình ấm lên trong từng nhịp đất thở. Chẳng biết có phải số phận đã đưa anh đến đây. Cây đời như nhắc anh về ơn cơm áo, công dưỡng dục. Lâu nay anh lại được gia đình cho theo học với thầy giáo Nguyễn Thúc Tự, một danh sư ở dưới làng Đông Chử thuộc huyện Nghi Lộc để tiếp cận được với bạn xa, thầy giỏi mà mở mang thêm quan hệ và kiến thức. Thỉnh thoảng anh mới có dịp về giúp vào việc đồng áng. Dù ở gần hay xa, cứ mỗi bận bưng bát cơm anh lại nhớ đến chuyện ngày xưa Hàn Tín lúc còn hàn vi đi câu cá, bụng đói, được bà Phiếu Mẫu mang cho bát cơm. Về sau, Hàn làm đến Tể tướng bèn đem ngàn lượng vàng đến tạ ơn. Nợ áo cơm và ơn nhân nghĩa đối với mình nặng lắm rồi. Mình thì sao mà sánh được với

Hàn Tín nhưng bà *Phiếu Mẫu* thánh thiện của mình thì đã rõ. Công đức ấy, mình biết lấy gì và bao giờ thì đủ để đáp đền. Lại còn một cái gì đó, khó nói ở trong anh. Sao trái tim cứ nóng bừng lên mỗi khi anh nghĩ tới và bắt gặp. Thoáng thấy Loan ở đằng kia vườn. Có phải vườn cũng cố mở rộng cho không gian thêm hoành tráng để con người hiểu thế nào là gần, thế nào là xa. Và chẳng biết có phải vì Sắc đang đi tới mà nhịp liềm cắt cỏ của Loan thêm gấp gáp. Nắng chiều chiếu qua lũy cây, in những mảng vàng óng ả trên nền đất của vườn. Sắc cũng mới từ ở ngoài đồng về. Anh vừa cày xong thửa đất để kịp trồng khoai. Sự thoải mái sau những giờ lao động và tiết trời, cảnh vườn đã tạo nên ở trong anh những rung động mới mẻ. Anh đến gặp Loan. Lòng khấp khởi, khó khăn lắm anh mới tìm được câu hỏi:

- À, tối nay bò có thức ăn tươi rồi. Lo... an cắt được sọt cỏ ngon quá.

Loan nghiêng nghiêng mái đầu cười:

- Vì hôm nay bò phải kéo cày khó nhọc mà!

- Loan thật tốt bụng, chăm sóc chu tất cho từng con vật nuôi.

- Nhu cầu của chúng rất giản đơn. Như con bò, nó chỉ cần cỏ ăn và nước uống. Ta phải kiếm đủ cho nó.

Tiếng *ta*, Loan dùng hàng ngày thông thường là thế mà sao lúc này, Sắc nghe thấy ấm áp quá, tưởng như

chỉ để dành riêng cho hai người. Anh bèn gọi chuyện thêm và cố tình lặp lại tiếng xưng hô thân thương đó:

- Còn con người *ta* thì cần nhiều thứ lắm.

- Phải rồi, cái ăn cũng nhiều thứ, cái uống cũng nhiều thứ, cái mặc cũng vậy.

- Chỉ có thể thôi ư?

Loan lại nghiêng nghiêng mái đầu, rồi tiếp:

- Học hành!

- Còn gì nữa?

- Gớm, hỏi mãi, nói sao hết. Loan cúi xuống, giấu một chút then thùng. Vài giọt nắng rất sáng đậu trên mái tóc xanh, trên đôi má trắng mịn. Cứ nhắc đến việc học, Loan lại thấy vui vui. Cô hỏi:

- Sao anh viết chữ đẹp thế?

- Em, em đã nhìn thấy đâu mà biết?

Sắc ngập ngừng vì nhận ra mình đã gọi Loan bằng em. May mà Loan đáp nhanh:

- Có, em nhìn khá kỹ nữa kia!

- Vào lúc nào?

- Từ sau cái ngày anh xem sách của em ấy.

Thì ra, bữa đó Loan đã bắt gặp việc mình nhìn trộm sách của cô. Sắc hiểu ra, lúng túng rồi ngập ngừng đáp lại:

- Thôi thì hòa nhau vậy!

Loan nhìn ra xa. Gương mặt cô rất sáng, đôi mắt đen láy và miệng tươi, viền chỉ đỏ. Cô hỏi một câu tưởng như lơ đãng nhưng lại rất thôi thúc đối với Sắc:

- Nhưng anh chưa trả lời câu em hỏi.

Đó là việc nói về chữ viết của Sắc. Kể thì chữ anh cũng khá đẹp so với thời gian được học. Có kết quả đó là nhờ qua những ngày học lỏm, học mót, Sắc cứ bẻ que vạch chữ lên đất, lên cát. Vạch xong, xóa đi rồi viết lại. Nguồn “Giấy, bút, mực” không mất tiền mua ấy, qua những buổi chăn trâu, Sắc dùng thả cửa, tay đưa lại phóng túng, tự nhiên nên nó đã luyện gân cốt cho anh. Khi chuyển sang cầm bút lông chấm mực vạch trên giấy bản thì Sắc viết mau và nhuần nhàng từng nét. Tuy nhiên, anh vẫn giữ ý khiêm nhường:

- Ô, về chữ viết ấy à? Chữ của anh thì xấu chết đi được. Anh đã học hành được bao nhiêu đâu mà có chữ đẹp.

- Không, em thấy anh viết đẹp lắm. Nhiều người cùng bảo thế. Tại sao hả anh?

Sắc nhìn Loan đắm đuối:

- Thế thì anh cũng không biết nữa, chắc là vì em đẹp.

- Ô, anh ngộ quá. Em đẹp là thế nào sao mà việc đó lại liên quan đến bàn tay cầm bút của anh kia chứ?

Sắc nhìn Loan không rời. Trước mặt anh là một cô gái vừa nhu mì gần gũi, vừa đài các anh thư. Lòng Sắc tràn ngập niềm vui. Anh trả lời ngắn gọn nhưng thấm thiết:

- Thế mà có liên quan đó, em ạ!

Loan ngúng nguẩy, giọng đầy thơ trẻ:

- Không tin được.

- Loan không biết đó thôi. Truyện kể rằng, xưa kia chẳng có loài chim nào chịu hót về đêm cả. Đến một lúc có giống cây dạ hương xuất hiện. Cứ đêm đến thì cây nở hoa và tỏa hương. Mùi thơm rất nhẹ mà lay động đến tận bề sâu của mỗi tâm hồn rồi vừa rạng sáng thì hương nhạt, hoa tàn. Thế là con chim từ quy bắt đầu hót về đêm. Từ đó, trên trần gian suốt năm canh đã bớt đi sự vắng vẻ. Loài người ai cũng thương và quý tiếng hót của từ quy nhưng không được nhìn thấy hình dáng con chim. Còn trong họ nhà cầm thú thì một số chim ngủ về đêm lại đem lòng ghen ghét, muốn hại từ quy. Bởi thế, ban ngày từ quy phải ẩn bóng. Nhưng rõ ràng, vì có mùi thơm ngan ngát của hoa dạ hương mới có tiếng hót nào nùng của chim từ quy.

Nghe xong, Loan ngỡ ngàng thực sự. Cô muốn rõ thêm về con từ quy nên đem chuyện đó hỏi mẹ. Bà Kép bảo:

- Những việc gì sâu xa thì mẹ không biết, còn từ quy chỉ hót về đêm là điều có thực. Bởi thế, người đời mới có câu ca:

Mình em như chim từ quy

Ngày thì ăn bóng, tối đi kêu sầu

Bà Kép giữ ý, không muốn nói rõ cái mục đích kể chuyện của cậu con trai Nguyễn Sinh Sắc.

Còn hôm đó, Loan suy nghĩ rất nhiều.

Thì ra, ở trên đời này, có những con chim vì muốn góp cho nhân quần một tiếng hót mà cũng phải chịu khổ, phải giấu mình. Chuyện về chim từ quy, người kể có muốn gửi vào đó một dự cảm nào không? Loan nghĩ như vậy. Cô đang bắt đầu những ngỡ ngàng, sung sướng và cả với những lo âu của tuổi vào đời. Cô vừa muốn Sắc cứ đứng đó để thêm được chuyện trò, lại muốn anh đừng có mặt ở đây, vì nhớ một ai biết là hai người đang thăm thì cùng nhau. Loan muốn chuyện riêng tư giữa hai người chỉ có trời cao và đất rộng biết thôi. Những nhát cuộc Loan bỏ xuống khi nặng, khi nhẹ trông chẳng chừng vơi vì lòng cô cứ xốn xang, phập phồng. Còn Sắc thì chỉ biết đứng nhìn Loan. Ở cô gái, đôi má trắng mịn chớm chút màu bồ quân và cặp mắt có đuôi dài đen láy cứ sáng lên một màu thông minh và hồn hậu. Sắc ước con người đó là của anh trọn đời.

Bầu trời thôn quê đã ôm trong mình hương vị nồng ấm của mùa màng. Sắc đi rồi, Loan nhìn về phía đằng kia của khu vườn. Có đôi chim đang cùng ở trên luống đất mới vỡ. Đó không phải từ quy mà là chim cu. Cặp

chim bước đi khoan thai và nhún nhảy, chốc chốc chúng lại nhìn nhau. Mùa này giống chim ấy lại bay về ghép đôi làm tổ.

*

* *

Loan đứng lên, nhìn lại chỗ mình vừa ngồi, cặp mắt của cô cẩn thận, kín đáo. Bà Kép giả vờ không nhìn thấy, cốt để con gái được tự nhiên. Bà biết đã mấy tháng nay, về mặt sinh lý, có một cái gì mới đã đến với con mình. Nó lặp lại đều đặn theo mỗi tuần trăng. Chính vì thế mà đêm nay, bà không để cho Loan ngồi dẹt vải khuya.

Loan đã ngủ yên trong buồng. Bước vào tuổi dậy thì, con người đòi hỏi được ngủ ngáy thoải mái và làm việc theo sở thích. Hẳn là cô đang say sưa trong giấc mộng đẹp. Bà Kép trao cái chuỗi đèn cho sát vào bờ vách, gạt thấp sợi bắc cho nhỏ bớt ngọn lửa, rồi cầm chiếc hộp trầu bước ra chỗ ông Đường. Ông thích đọc sách về khuya. Cứ mỗi chiều, bà rót đầy dầu cho cái đĩa đèn và thay vào con bắc khác để ông khỏi bận tâm về những cái đó. Nay nhìn ngọn lửa rực sáng, soi rõ từng hàng chữ trên trang sách, bà cũng thấy kiêu hãnh. Bà ngồi xuống bên cạnh, mở hộp, đặt vào tay ông một miếng trầu. Ông đón lấy, trân trọng, âu yếm. Bà vào chuyện:

- Nhà thầy thế nào? Con Loan nhà mình nó sáng dạ và sớm hiểu biết hơn những người thường. Chẳng hiểu đó là điều lành hay điều dữ?

Miếng trầu được nhai ngấm làm cho người ông Đường ấm hân lên. Ông nhìn vào ngọn đèn và trả lời:

- Sự hiểu biết không bao giờ trở thành điều dữ nếu không bị sử dụng vào những việc ác. Mà đã là con người thì không ai là không thích làm điều thiện.

Ông Đường bao giờ cũng thấu tình, đạt lý. Bà Kép luôn luôn nhìn thấy ở chồng sự an tâm. Nhưng nỗi lo của người mẹ đâu chỉ có một chiều:

- Người ta bảo cái Loan nhà mình có cái thông minh bẩm sinh. Mà con người sẵn có tri thức bẩm sinh thì thường khó tính, khó nết, hoặc dễ gặp điều không may. Vậy bẩm sinh là thế nào?

- Mình đã biết Mạc Đình Chi và Nguyễn Bình Khiêm. Máy ai có tài bẩm sinh như các ông ấy, mà họ có khó tính gì đâu. Họ lại bình dị hơn những người thường. Vả, họ cũng chẳng gặp điều gì là bất hạnh cả. Còn bẩm sinh ấy à? Về mặt trí tuệ, nó cũng như thiên tư, là cái có sẵn, do các bộ óc, trái tim của cha và mẹ kết hợp, gặp nhau mà truyền cho. Người ta cũng gọi đó là cái thần đồng. Con người có sẵn cái đó thì dễ trở thành thông minh, tài trí nếu được nuôi dạy tốt. Còn nếu có bẩm sinh mà không chịu tập rèn thì cũng chẳng trở thành tài năng. Một tài năng thực sự thường là kết quả của một quá trình rèn luyện công phu.

Bà Kép vẫn lo lắng:

- Tôi cứ lo như *Truyện Kiều* nói, tạo hóa vốn ghen ghét với kẻ tài năng mà con bé nhà ta, xem ra, nó cũng là một đứa có tài. Ngoài việc cầm cái liềm hay con thoi là chẳng cần mấy luyện rèn, về thi thư, lễ nghĩa, nhân văn cái gì nó cũng có biết và biết theo một ý của riêng mình.

Giọng ông Đường vẫn ôn tồn:

- Sinh con, nuôi con, tôi hiểu lòng và hiểu sức của nó. Được cái là bé Loan kín đáo. Vả, nó cũng chẳng đem tài trí ra tranh hơn, tranh kém với ai nên lo gì cái việc bị ghen ghét.

Ông Đường nói thế cốt để bà an tâm chứ thực ra, những điều lo nghĩ của bà cũng là tâm sự của ông. Chỉ khác ở chỗ, ông là chỗ dựa tinh thần của cả gia đình nên phải tỏ ra vững vàng, như là người đã nắm chắc được mọi cái sẽ xảy tới.

Bà nói sang chuyện khác:

- Thế nhà có lo nghĩ gì về sự quen biết giữa cái Loan và thằng Sặc?

- Cùng ở trong một nhà thì tất là chúng quen nhau, nhất là đối với bọn trẻ.

- Thế đã lúc nào nhà nghĩ tới chuyện chúng nó quen nhau rồi có thể...

Bà định diễn đạt thật rõ những điều mình đã nghĩ suy nhưng rồi không nói ra được. Ông Đường cũng

thăm hiểu bà định nói những gì. Cả hai cùng yên lặng. Sự yên ắng như khiến con người nghe rõ tiếng của những tấm dầu bị đốt sôi ở đầu ngọn bấc. Đã có biết bao nhiêu những khoảnh khắc như thế xảy ra đối với hai người vì thương yêu, hạnh phúc cũng như bởi trần trở, âu lo. Và lúc này thì, quả là sự yên lặng đã nói nhiều hơn những điều người ta muốn phô diễn, vì cả hai đều ngẫm hiểu tâm trạng của nhau. Mà sự ngẫm hiểu thường có tác dụng bức xúc mạnh mẽ đối với tư duy. Cả hai cùng nhìn vào ngọn đèn và cũng như tâm can con người, ngọn đèn đã không phải là bất động. Nó vừa tỏa niềm vui, vừa làm sáng lên một ý thức về trách nhiệm. Bà Kép tiếp lời:

- Quan hệ của chúng thân tình, trong sáng và rất mực tôn trọng nhau. Nhưng không thể...

Bà đã mạnh dạn gọi lại câu chuyện song vẫn do dự, không biết nên phô diễn thế nào cho tiện nên phải nói ra cái ý sâu xa là nổi băn khoăn:

- Tôi lo cho duyên số của con.

Ông Đường an ủi:

- Đó là nỗi lòng chung của các bà mẹ khi con đã bước đến tuổi trưởng thành. Còn nói đến duyên số. Duyên số hay duyên phận là gì? Theo tôi, đó là điều may hay không may mà con người phải gặp. Còn trai gái gặp gỡ rồi nên lứa, nên đôi thì chuyện đó được người đời gọi là duyên hội ngộ.

Nói đến đó, ông Đường thấy mình đã tìm ra được cái lý để làm yên lòng bà:

- Đối với duyên hội ngộ, nếu đứng ở bên ngoài mà nhìn thì khó có được một sự viên mãn hoàn toàn, vì trong đó bao giờ cũng có cả những cái đã ưng ý và cả những cái chưa vừa lòng. Nên chi, chỉ có cách vun đắp vào là trở nên tốt đẹp.

Vốn đủ sức để hiểu những câu nói chặt chẽ và xa xôi đó của chồng nên bà Kép cũng đã đáp lại với ý vừa như thán phục vừa như trách móc:

- Nhà thì bao giờ cũng đạo nghĩa, cả tin.

Ông cười, không phản đối và nói như để an ủi bà:

- Có người nói duyên hội ngộ của những kẻ mới vào đời giống như bông hoa vừa phong nhụy, rất ngại gió mưa. Hay nói khác đi, nó cũng như một tòa lâu đài bằng pha lê trong suốt, rất sợ động vỡ, cần được chở che, giữ gìn.

Bà Kép hiểu thêm giá trị của chữ nghĩa khi được ngấm đượm vào trong tâm trí của những con người đạo đức. Tình người, nghĩa đời ở trong những bậc đàn ông ấy thật đẹp nhưng cao xa, viễn vông lắm, tuy mát như gió, lành như sương. Biết làm sao mà đo đếm được những thứ đó. Ở trên đời này có ai chỉ thở khí trời và uống sương nội mà sống mãi được đâu. Cuối cùng nói đến tình duyên và cuộc sống là cũng phải nói đến vốn liếng, tư cơ. Tuy nhiên, vì vốn đã rất mực thương yêu

và quý trọng thì lúc này sự kính nể đối với chồng ở trong bà càng tăng lên. Bà biết những lời ông nói vừa rồi không phải là một sự suy nghĩ giản đơn mà là tất cả nỗi an ủi động viên đối với mình. Bà chỉ nói thêm:

- Tôi lo cho con lắm.

Ông Đường thông cảm, sẻ chia:

- Tôi cũng vậy!

Bà bước vào nhà trong. Ông nhìn theo, tấm lưng của bà ngày nào tròn đầy với vẻ đẹp dóng dả, đảm đang, gồng gánh cả gia đạo nhà chồng thì hôm nay đã chững lại để rồi sẽ oằn xuống vì những nỗi lo toan, trong đó có phần thuộc thiên chức của người mẹ. Địa dẫu bà rót ban chiều đã vui quá nửa và con bắc cứ gần dần. Ông ngồi đọc tiếp những trang sách luận về chữ *Tòng* trong Nho giáo.

*

* *

Bước về đến sân, Loan biết mẹ đang cùng một người khách trò chuyện ở trong nhà. Theo linh cảm, cô nhận ra có thể là việc chẳng lành đối với mình. Cô dừng lại đứng im. Lời khách ngon ngọt:

- Bên cụ Cai nghĩ gia đình ta thì lễ, lại dòng dõi của mấy chục đời Quận công nên mới xin đặt mối thông gia. Chữ với con người như cậu ấm Quang và với gia tư ấy thì chắc việc dạm vợ, hỏi dâu cũng không có gì là khó.

Từ bắc bậc, phô trương, người đàn bà nọ cất tiếng cười the thé rồi chuyển sang giọng ban ơn:

- À, kể ra cũng có nhiều nhà có con gái đến thì thăm nhờ tôi dẫn mối nhưng tôi chỉ nhắm vào gia đình ta, vì lòng cũng nghĩ như cụ Cai đã nghĩ.

Loan chưa nghe tiếng mẹ trả lời. Chắc mẹ cũng rất khó chịu trước thái độ xác xược của người đàn bà nọ. Còn ấm Quang, nghe đến tên người con trai ấy, Loan liền giật mình. Nhớ vào một buổi trưa, Loan đang từ ngoài đồng đi về, bỗng dưng một anh chàng chạy ra chặn ngang lối đi. Cặp má đang ửng màu bồ quân của cô bỗng nhiên biến sắc. Anh ta cứ chăm chăm nhìn vào người Loan mà hỏi hết câu này đến câu khác chẳng đầu vào đâu. Loan phải nghiêng người để ngoảnh mặt đi và chỉ đáp: “Dạ, ông nói cái gì con không hiểu!”. Đã không biết ngược vì người ta chẳng thèm trả lời mình, anh chàng lại cứ tăm tắp: “Ôi, người sao mà đẹp mà giòn đến thế!”. May vừa lúc đó có mấy người làng đi tới. Họ vội vã:

- Cậu ạ.

- Chào cậu ạ!

Anh con trai né mình. Loan mừng hú vía, vội bước theo các bà. Anh chàng ấy chính là ấm Quang mà người đàn bà nọ đang khoe. Lúc đó, anh ta vẫn chăm chăm nhìn và ngây người khi ngó thấy gương mặt Loan đang cười và nói chuyện với người làng. Đến một lúc khá lâu anh ta mới thôi bước theo.

Bề ngoài, ấm Quang trông cũng bảnh trai. Nhà thừa thãi tiền của, anh ta lên huyện, xuống tỉnh luôn luôn. Không mặc áo nâu bầm, đính cúc mã não, để tóc búi tó như những thanh niên khá giả khác. Anh ta là người của lối trang điểm tân thời, đầu để rẽ, chải dầu dừa, áo dài lương, quần cát bả, xúng xính chung diện, đổi thay hàng ngày. Là con trai, phải nhà quan mới được gọi bằng cậu ấm. Biết vậy nhưng vì sợ phép nhà tư của Cai Thiết nên một số kẻ ăn người ở phải tôn gọi anh ta là ấm Quang. Cũng có tiếng xì xào to nhỏ, nào là “Ấm sứt vôi”, “Ấm rạn đáy” nhưng đó là chuyện thì thầm của trẻ con. Còn người lớn, vì sợ phạt lòng kẻ đứng đầu tổng mà *lời nói chẳng mất tiền mua* nên cứ là cậu ấm Quang mà gọi cho êm chuyện.

Về phú quý, chức sắc, ở một vùng quê thì như thế cũng là hiển đạt. Cai Thiết chỉ buồn một nỗi, đứa con trai quý của mình cứ học, học mãi mà chẳng thêm được chữ nghĩa. Nhất là khi nhìn vào bộ mặt không mấy sáng sủa của con thì ông ta lại cứ thở dài, thất vọng. Một hôm, anh ta nói với ông:

- Bố làm Cai tổng như vậy là to. Còn con, về sau may lắm chỉ làm đến lý trưởng thì sức học như thế này cũng là đủ. Nghe nói làng mình trước đây có những ông lý chỉ biết mỗi một việc là ký mấy chữ tên.

Cai Thiết quát:

- Tao muốn mày làm nên chức này, chức nọ để rồi có quyền vít cổ bọn lý trưởng xuống mà đánh. Còn chỉ muốn chạy một chân lý quèn thôi thì ăn nhằm gì. Cái cơ nghiệp của nhà này như vậy là suy!

Nói xong, Cai Thiết bỏ đi. Ông ta nghĩ không một ai có thể nhồi nhét thêm được chữ nghĩa vào bộ óc đần độn của một con người có đôi tay đã thối thủ như vậy. Thế nhưng khi đứng trước đông người thì cái ông bố ấy lại không ngớt lời khen con! Và trong ý thức, ông ta cứ đòi là phải có một nàng dâu thật “môn đăng, hộ đối”!.

Loan vẫn đứng nán chờ ở ngoài sân, đợi để nghe tiếng trả lời của mẹ:

- Bà nói cũng phải. Con người như cậu ấm Quang lại với gia thế đẳng nhà cụ Cai thì hỏi dâu ở đâu và chọn người như thế nào, việc đó có gì mà chẳng được. Còn nhà tôi nghèo không thể so sánh được với nhà họ, như vậy là không xứng đôi. Vả, cháu của tôi mới bước sang tuổi mười lăm. Quả là chúng tôi không dám.

Mụ Sạ, kẻ đưa mối cho nhà Cai Thiết đang làm phiền bà Kép vội cướp lời:

- Ấy, mười lăm là ngấp nghé cái tuổi cập kê, mà *nữ thập tam, nam thập lục*, tiền hôn nhân, hậu luyện ái, cốt là cha mẹ đặt chôn con ngồi. Ông bà cứ để đẳng cụ cai bỏ miếng trâu và cho cậu Ấm đi lại. Cô Loan, cô ấy lớn nhanh không mấy chốc. *Gái có hơi trai như khoai có hơi cuốc* mà.

Nghe vậy, Loan hình dung đến một bộ mặt nào đó ranh mãnh, xấu xược. Cô thấy bản thân mình và cả gia đình cùng bị xúc phạm. Cô đành nén lòng trở ra ngoài đồng gặp Sắc, cố tìm cách lảng sang chuyện khác để anh khỏi trở về nhà lúc này.

Mụ Sạ, người mối của nhà Cai Thiết đã xông vào nhà bà Kép như giáng vào cái gia đình đang yên ả này một tai vạ. Nhưng trước tiếng nói the thé, sắc lạnh có thần, có thể của kẻ mượn danh nhà giàu, bà Kép vẫn bình tĩnh, lịch sự để cự tuyệt một cách nhẹ nhàng mà kiên quyết.

Còn mụ Sạ, dù đã thấy rõ sự thất bại từ buổi đầu nhưng mụ vẫn không bớt sự kiêu ngạo. Mụ còn tới lần này, lần khác và lần nào cũng chỉ gặp riêng bà Kép. Về mối manh cho việc cầu hôn thời đó, nếu thuyết phục được người đàn bà thì coi như công việc đã hoàn tất được hơn nửa. Mụ Sạ nghĩ như vậy. Còn bà Kép, bà chưa muốn làm bận lòng chồng và bà cũng tưởng là con gái mình chưa biết gì về chuyện này. Nhưng bà không ngờ, chính sự xuất hiện của mụ Sạ đã gián tiếp thúc đẩy thêm mối quan hệ giữa Loan và Sắc. Một lúc nào đó Loan đã nghĩ, giá có một ai cướp mất cô thì Sắc sẽ đau khổ biết bao nhiêu. Và cô cũng như vậy nếu mình không còn Sắc. Vì thế, những ngày Sắc nghỉ học, họ cứ cố chia sẻ từng công việc dù nhỏ, để luôn luôn được gần nhau. Từ ngoài đồng, họ cũng thích về mượn hơn những người khác.

Hôm nay cũng vậy. Họ muốn giữa cánh đồng bát ngát cỏ cây này chỉ có hai người. Họ bước bên nhau. Những thân cây dấu đất, bạc hà đại mộc ải, bốc mùi ngai ngái và hương thơm từ ruộng ngô trở sớm phùng phúc, hòa quyện, ngây ngất trong nắng chiều. Sắc đưa mắt nhìn lên dãy Đại Vực xanh thẳm, tưởng tượng đến một ngọn Côn Sơn trong truyền thuyết. Anh hỏi Loan:

- Người đời nhắc đến Nguyễn Phi Khanh. Em ghét hay thương người đó?

- Sao lại ghét một con người đã sinh ra bậc anh hùng Nguyễn Trãi!

Loan nói xong, nhìn Sắc thăm dò rồi mỉm cười hỏi thêm:

- Thế anh có chê bà Trần Thị Thái?

Gọi là bà, chứ hồi đó mới là cô học trò Thái thôi - Sắc bảo thế rồi nói tiếp. Không những không chê mà anh còn cảm ơn cô Thái. Vì người đàn bà họ Trần con quan Tể tướng quyền quý và xinh đẹp ấy đã dám yêu một cậu giáo nghèo là Nguyễn Phi Khanh để dân tộc mình có được một Nguyễn Trãi.

Loan ngược mắt nhìn, gương mặt cô ngời lên một vẻ đẹp trí tuệ. Cô lại hỏi Sắc với ý tình nghịch:

- Nguyễn Phi Khanh là ông giáo chứ không phải cậu học trò nghèo, anh nhỉ!

Với dáng then thùng, Sắc không biết nên trả lời

như thế nào. Anh nhìn Loan tha thiết và biết ơn. Nhưng rồi niềm vui trên môi Sắc vụt tắt vì nghĩ tới những lời chỉ trích của mấy người đàn bà thích bòn chuyện ngày nào, khi họ nói về thân phận của anh. Còn Loan, cô mãi nhìn về phía chân trời xa. Nơi đó, những mảng mây chiều đang ngả sang màu tím. Thoáng trong Loan một chút lo sợ về nỗi chia phôi. Rồi như hiểu rõ về nỗi lòng của Sắc lúc này, cô kể cho anh nghe về chuyện nàng Cúc Hoa.

Người con gái ấy yêu Tống Trân từ trong nghèo khó. Nàng làm hết mọi việc để nuôi mẹ già và giúp chồng ăn học. Gặp buổi loạn ly, Tống Trân phải đi chinh chiến. Giặc tràn đến, căn nhà lá của họ cũng bị tàn phá. Cúc Hoa dắt mẹ chồng chạy loạn. Không may bà đã đói lại bị ốm nên mù cả mắt. Nàng cũng kiệt sức. Hết kế sinh nhai, nàng phải đưa mẹ đi ăn xin để tạm qua ngày. Đất nước hết giặc, Tống Trân về tìm mẹ và vợ, dắt dìu nhau trở lại quê cũ. Nghe mẹ kể rõ sự tình, chàng vật vã thương khóc rồi định bỏ học, ở nhà làm thuê để nuôi mẹ và giúp vợ. Cúc Hoa phải ngày đêm khuyên giải, Tống Trân mới chịu nghe. Nàng ra sức mót hái, mò cua, bắt ốc để đủ nuôi mẹ và lo bút nghiên cho chồng. Cảm kích vì nghĩa tao khang, Tống Trân cố công đèn sách và đi thi, đỗ Trạng.

Sắc nhìn Loan, cô gái mang sẵn tấm lòng của một Cúc Hoa. Nhưng anh lại cầu mong cho cô đừng phải chịu những nỗi gian truân như người con gái trong

truyện. Anh nghĩ, có lẽ, trên trần gian này hiếm có một con người thật xứng đáng để kết bạn đời với Loan, “Nàng Cúc Hoa” của làng Chùa. Nhưng chính vào lúc đó, Sắc được đón nghe từ gương mặt thanh tú có miệng viển chỉ đỏ ấy một câu nói hiền hậu:

- Một thời có một Tống Trân, một Trần Thị Thái anh nhĩ!

*

* *

Bà Kép không thể giữ kín mãi với chồng về sự lui tới của mẹ Sạ khi mà có bạn chính mắt ông đã bắt gặp mẹ bước đến nhà mình. Bữa đó, ông còn nghe rõ sự đối đáp giữa hai người.

Hôm nay cũng vậy, đợi khi mẹ ta về khỏi, ông Đường cứ đi đi, lại lại ngẫm nghĩ rồi nói với vợ mà như nói một mình:

- Một đứa con gái như cái Loan mà phải làm vợ một anh chàng ăn của sẵn và vô học? Phải làm dâu một kẻ cường hào vô đạo? Ta không thể cùng ngồi với bọn trọc phú, huống chi đây lại là...

Biết chắc việc cầu hôn ở gia đình ông Đường đã bị cự tuyệt. Cai Thiết lấy làm đáng cay. Ông ta gọi mẹ Sạ và lão Sùng, người chuyên lo viết văn tự và đọc các tờ sức, bản trát ở trong nhà đến bàn bạc. Sau nhiều buổi to nhỏ thăm thì, họ quyết định sẽ cho giấu thuốc phiện

vào nhà ông Đường rồi sai người đi báo quan. Nếu cái việc làm đó của họ mà trót lọt thì gia đình ông Đường, vì mắc tội chứa hàng quốc cấm, nhất định chủ nhà sẽ bị bắt giam. Lúc đó, Cai Thiết sẽ cho người đến bắt ép. Thế là bà Kép phải gả con gái để có bạc nén mà “lo lót” cho chồng ra khỏi nhà lao. Còn chuyện giữa Cai Thiết và quan trên thì họ sẽ thanh toán với nhau sau.

Nhà Cai Thiết nhiều kẻ ăn, người ở, đàn ông có, đàn bà có. Khác với chồng, bà Cai là người nhân hậu, không coi khinh kẻ dưới nên được họ rất mực kính trọng. Chính nhờ một người đầy tớ gái nghe được mưu mô của ông chủ nên đã kịp thời mách với bà Cai. Bà rùng mình nhớ lại bao nhiêu chuyện thất nhân, thất đức do chồng mình gây ra. Bà hiểu vì đâu mà nhà này giàu có. Vì đâu đã ba bốn đám đám hỏi cho con trai mà cuối cùng đều bị trả lễ. Đúng là bằng những sự cướp đoạt tàn nhẫn, con người không thể đi đến hạnh phúc. Bạc vàng không mua nổi nhân phẩm.

Bà ngẫm lại cuộc đời của mình. Là con gái của một vị tú tài, cảnh sống bản bạch nhưng cao thượng. Mẹ bà thương, sợ rồi con gái cũng nghèo khó như mình nên đã gả bà vào nơi có nhiều ruộng sâu, trâu nái. Thế là bà không có tuổi xuân, cũng không có hạnh phúc và hôn nhân luyến ái mà phải chịu một sự gả bán gượng ép. Để chồng bước từ chân hương dịch lên hàm bát phẩm, chánh tổng, có biết bao nhiêu vàng bạc từ nhà này phải ra đi và biết bao nhiêu lợn, bò ở đây bị thí sát.

Khi Thiết lên chức chánh tổng rồi được sắc bát phẩm, đáng ra sẽ được tôn gọi theo phẩm hàm nhưng vì trong gia tộc, có người chú ruột đã quá cố mang tên húy là Bát nên ông ta không thể gọi là Bát Thiết được, như thế sẽ động đến long mạch, mờ mả. Tình thế buộc ông ta phải chọn lấy một danh hiệu giữa hai tiếng là Cai tổng hay Chánh tổng nên phải nhiều đêm trằn trọc, băn khoăn, chẳng biết gọi theo cách nào thì hơn. Ông ta cứ lẩm nhẩm một mình rồi có khi đã buột miệng “Chào thầy cai ạ!”. “Chào cụ chánh ạ!” khiến bà vợ phải thức giấc. Khi biết chồng mình nói sảng thì bà nằm im nhưng rồi chẳng ngủ thêm được nữa. Còn bản thân Thiết, lúc tỉnh ra, ông ta nhận thấy trong tổng đã có biết bao nhiêu người mang tên cụ chánh, ông chánh, kể cả lão chánh đoàn phu cầm đầu mấy tên nậu tuần ở một cái thôn tí tẹo. Cuối cùng, Thiết lấy danh hiệu là cụ cai vì nghe ra như thế là có uy hơn cả. Việc có bấy nhiêu mà cũng phải tốn cơ man nào là cơm rượu, quà cáp để trình tổng, bẩm quan. Mọi việc như thế đều bắt một tay bà lo liệu mà bà có hám gì cái danh hào. Tư cơ nhà này càng giàu sang thì thân bà càng còm cõi.

Bà cũng thương con và tất nhiên là thương cả chồng tuy phải sống trong một gia đình mà người đàn ông chỉ biết có lợi và danh thì người đàn bà không khỏi bị áp chế, tủi nhục. Người ngoài bảo: “May mà ấm Quang còn mang một phần miêu duệ bên dòng họ nhà bài cai”. Bà chết ruột vì câu nói ấy và cũng gắng sống

chính vì có câu nói ấy. Và lúc này cũng vì những điều bàn tán của bà con xóm xã mà bà buộc bà phải tỏ rõ thái độ.

Hôm ấy bà cho mổ gà, dọn rượu, đợi chồng về ăn uống. Khi trong nhà chỉ còn hai người, bà đem chuyện kia ra hỏi. Cai Thiết trả lời ấp úng. Bà nghiêm sắc mặt bảo:

- Muốn lúc chết nhắm nỗi đôi con mắt thì từ nay không được làm hại bất cứ người nào, huống hồ đối với một gia đình học thức, mấy đời ăn ở phúc hậu như nhà ông Đồ Loan.

Cai Thiết cứ ngồi im thin thít. Bà Cai nói nhỏ nhưng rất nghiêm:

- Nếu ông không chịu từ bỏ cái việc làm đầy tội ác đó thì người đi báo quan lại chính là tôi. Sau đấy, chỉ cần một nắm lá ngón là tôi vĩnh biệt được tất cả.

Cai Thiết muốn chuyển yếu thành mạnh, bèn dọa dẫm đến sùi bọt mép rồi thề thốt. Nhìn người chồng đã hàng chục năm chung chăn gối mà chẳng phải là bạn sát cầm, lòng đầy căm giận nhưng cũng không khỏi thương hại, bà Cai bảo:

- Nếu ông cứ khư khư giữ ý làm hại người ta thì hãy giết cả nhà, trước hết là đâm chết tôi đi đã rồi hãy làm, chứ phải sống như thế này thì tôi không thể chịu được nữa.

Đến lúc này Cai Thiết mới ngẩng mặt lên, uể oải uống nốt ngụm rượu, trán vã mồ hôi. Ông ta giục vợ:

- Thôi nhà dọn dẹp nhanh lên mà đi nghỉ. Tất cả là do cái duyên của con và cũng là cái số của tui!

*

* *

Bà Kép ngồi trau lại mẻ gạo mà Loan và Sắc vừa mới xay giã hồi hôm. Mấy con gà cứ bị xua tán loạn rồi lại lò dò bước tới, chen nhau nhặt những hạt tằm, hạt mẩn được đãi loại ra. Khi bà đưa đôi cánh tay mềm mại xoay tròn cái mẹt cho những hạt thóc nhóm lại, cả bọn nhà gà đều nghển cổ đợi chờ, trông chúng ngộ nghĩnh, vui vui. Từ nhà ngoài đưa vào tiếng đọc bài khi suôn chảy, khi ẽ a của bọn con trẻ. Không khí đã trở lại nhịp điệu ngày thường của một gia đình nửa cây, nửa học. Đã khá lâu, mụ Sạ người nhà của Cai Thiết không còn lui tới nữa và nghe nói ảm Quang đã được mụ ta đưa đến coi mắt con gái nhà bá hộ Trần. Cả nhà bà Kép thở phào nhẹ nhõm. Không khí gia đình cũng như vừa được khởi sắc trở lại.

Song bà Kép vẫn nghĩ, khó khăn còn nhiều. Bà mới hiểu đã qua rồi cái thời nhàn tâm của cảnh làm mẹ, cái thời chỉ lo cho con ăn, con lớn và có khi đã cùng con đắm mình trong những thiên truyện, trang sách thần kỳ. Còn nay, trước việc thành kỷ, thành nhân của con cái, lòng mẹ thật lắm lúc tơ vò. Bỗng con chó từ

trong nhà xé tan đàn gà, chạy chồm ra mà sữa ông ổng. Một người nón thúng quai thao đang đi vào. Bà Kép vội dừng tay, tạm thu vén đồ đạc rồi bước ra. Bà Hàn ở bên xóm. Lâu ngày bà mới sang chơi. Sau một lúc hàn huyên, bà ngỏ ý:

- Cái Loan nhà ta coi chừng cũng đã lớn. Ông Tú Long muốn nhắm nó cho đứa con trai thứ hai là thằng Lịch ấy. Loan tuổi Thìn có phải không nhỉ?

- Vâng ạ! - Bà Kép đáp.

- Còn thằng Lịch tuổi Dần - bà Hàn tiếp. Dần hơn Thìn hai tuổi, thế là được. Trên trời thì rồng, dưới đất thì hổ, đều là có thần, có thế. Được cái, thằng Lịch siêng học và chăm làm. Nghe đâu nó hạch ở tổng trúng rồi, ít lâu chi nữa sẽ hạch ở huyện, nếu mà trót lọt nữa là có thể đi thi hương. Chỗ con cháu, tôi gọi nó là thằng, chứ đúng ra phải xưng là anh khóa rồi đấy. Còn gia tư thì như bà đã biết, nhà ông Tú Long không dư ăn, thừa để nhưng cũng đủ no. Tôi thì nghĩ rằng, cả đôi bên đều là thân tình. Cậu Tú Long cậu ấy nhờ đặt lời nói. Chờ hôm nay tốt ngày tôi sang thăm ông bà và ngỏ ý như vậy. Còn nên chăng thế nào là tùy ở đôi bên gia đình và hai đứa, phải không thưa bà.

Bà Kép đã gặp Lịch nhiều bận. Đó là một người con trai sáng sủa, lễ phép. Nhà ông Tú Long vốn siêng năng, bình dị và có tiếng là trọng người, dạy bảo con cái có nền nếp. Chờ lúc ông Đường rảnh rỗi, bà đem chuyện đó ước thử. Ông bảo:

- Lâu nay mình đã chăm sóc lo lắng cho con. Nay mình cứ giúp cho nó thành kỹ, thành nhân. Còn việc thương yêu ai thì tùy nó, cốt là chính đáng và phù hợp.

Bà Kép suy nghĩ nhiều trước câu nói đó. Điều chính đáng thì đã rõ. Còn sự phù hợp? Tuy nhiên, vốn là người nhạy cảm trước những câu nói kín đáo của chồng khi gặp các tình huống khó xử, bà hiểu ngay trong vấn đề này, ông muốn dành quyền quyết định cho con gái. Như thế là phải. Vì một cuộc hôn nhân có được phù hợp hay không là cốt ở đôi bên nam, nữ. Bởi thế, bà muốn sớm biết ý kiến của Loan.

Với tất cả tấm lòng tôn trọng và vị nể, Loan ngồi nghe hết những điều bà Kép thổ lộ và phân giải. Đến lúc đã hiểu rõ ý muốn của mẹ thì cô cắn chặt môi, cúi đầu với vẻ suy nghĩ lao lung. Bà Kép càng nóng lòng. Nhưng rồi bà không phải chờ đợi lâu. Loan đã mở to đôi mắt mênh mông, hiểu thảo, vừa như thú nhận, vừa như dứt khoát một ý chí tự lập mà thừa với mẹ:

- Dạ, mẹ không biết đó thôi. Con đã có người thương rồi.

Lần đầu tiên Loan làm trái ý mẹ. Và cũng là lần đầu tiên bà Kép giận dữ và nổi nóng với con gái:

- Ai? - Tiếng bà như hoảng lên. Mà đã bị đũa con trai nào bỏ bùa? Nó làm cho mày lú lẫn đi rồi hả?

Loan vẫn nhẹ nhàng, lễ phép:

- Thừa mẹ, sao mẹ lại nặng lời với con như thế.

- Thì mày thương ai? Đứa nào bỏ bùa yêu cho mày?

- Chẳng có bùa ngải gì đâu. Không dám giầu mẹ, con và anh Sắc đã hứa là gắn bó cuộc đời với nhau.

Chiếc lược bà đang chải trên tóc rơi xuống. Loan ôm lấy mẹ, khóc:

- Con có tội với mẹ. Mẹ cự tuyệt trước việc cầu hôn của nhà cai Thiết quyền quý. Mẹ cũng không khinh ghét gì anh Sắc. Mẹ thương con. Chỉ nghĩ vì con chân yếu tay mềm nên mẹ muốn con về làm dâu nhà ông Tú Long, nơi cũng hợp cảnh với nhà ta và là một gia đình biết người, biết cửa. Ở đó con sẽ được ấm thân và mát lòng theo như mẹ hiểu. Con đội ơn về tấm lòng nhân hậu của mẹ. Nhưng xin mẹ tha thứ cho chúng con. Con và anh Sắc đã thề sống chết với nhau. Không thể khác được. Con đã không quá mê si khi quyết định gắn bó cuộc đời mình với anh ấy. Xin mẹ hiểu cho những tấm lòng trong trắng của chúng con.

Bà Kép vẫn nhắm nghiền hai con mắt mà nói:

- Con trai cả xã, cả tổng này chết hết sạch rồi hay sao? Tao thà xa lánh mặt mày từ đây chứ không chịu mang tiếng là gả con gái cho một thằng ở.

Loan vừa khóc vừa nói:

- Mẹ vẫn bảo mẹ coi anh Sắc như là con đẻ kia mà!

- Nhưng làng trên, xã dưới người ta cứ bảo nó là thằng ở!

- Mẹ ơi, con nghĩ thân phận của mỗi con người là do bản thân người đó định đoạt. Chuyện xưa đã kể: “Có một gã đầy tớ được chủ nô sai đánh đập một người mà họ coi là nô lệ có phạm tội. Lão kia cứ bỏ rơi xuống đầu người bị xử mà quát chửi: “Đồ nô lệ, mày là thằng nô lệ”. Người bị xử cứ đứng thẳng chịu đòn rồi nói: “Không, Tôi bị chủ phạt vì cái tội không chịu làm nô lệ. Còn ông, chính ông mới là kẻ nô lệ vì ông đang ngoan ngoãn làm việc một cách mù quáng theo sự sai bảo vô lối của chủ. Bỗng, cây roi trên tay của lão kia rơi xuống”. Vậy ai dám bảo người bị xử kia là một nô lệ. Có kẻ bảo anh Sác là người đi ở nhưng ta không đối xử với anh như giữa chủ nhà với đầy tớ là được. Hơn thế, bố mẹ còn chịu tốn kém mà cho anh ấy đi học với thầy giáo giỏi ở nơi xa nhà, để mở mang trí tuệ và có thể theo đòi khoa cử. Rõ ràng anh ấy là một con người có đủ nhân phẩm, tư cách như những người tử tế khác. Anh ấy còn là một thanh niên rất đáng khâm phục, học hay, cày biết, can đảm trước mọi khó khăn, thấu hiểu khá tinh tế về thế sự, nhân tình nên đã sống nhân từ và cao thượng. Với con, con không thể tìm được một người con trai nào hơn thế.

Và sự thật, trước mắt bà Kép lúc này là một cô con gái thông minh, biết quý người và biết trọng mình. Để gì mà sinh ra được một người con như vậy. Niềm tự hào không kìm nổi ấy đã khiến bà phải tự nghĩ: Chắc gì mình đã khôn hơn con. Rõ ràng tình cảm ấy đã lấn

át nổi bực bội ở trong lòng người mẹ. Nhưng dẫu sao, cái chuyện mắc mớ giữa đứa ở với người thường vẫn đầy vò tâm tư của bà mẹ nên bà đành chống chế:

- Không, không mẹ không chiều ý con được. Con không thể bắt đầu cuộc sống bằng hai bàn tay trắng. Con phải có nơi xứng đáng, có cơ nghiệp, trong ấm, ngoài êm.

Loan ở trong hoàn cảnh như con chim non vừa ló ra phía ngoài tổ mà bầu trời thì đầy giông bão. Nhưng hình ảnh Sắc đã kịp hiện lên trong tâm khảm cô với đôi vai rộng, cặp mắt sáng và nhìn xa. Cô nằn nì:

- Thừa mẹ, ngày nào con đã được nghe mẹ hát ru:

Yêu nhau không lấy được nhau,

Trai lên rừng xanh tự vận

Gái xuống vực sâu trầm mình.

Câu ca ấy dành cho nhiều người. Con nghĩ như vậy. Con cũng không thể sống nếu phải chia cắt cuộc đời với anh Sắc. Xin mẹ thấu tình cho con.

Không thể chuyện trò với con gái được nữa, bà Kép lên giường đắp chiếu nằm. Bé An cũng đến khoanh tay trước người mẹ. Lòng bà tràn ngập một niềm thương.

Biết bà Kép ốm o vì chuyện trong nhà, bà Hàn lại sang thăm và bảo:

- Cái Loan không lấy thằng Lịch thì cũng được *Trăm khách anh hùng chẳng thiếu chi vạn gái thuyền duyên*. Nhưng chê thằng Lịch để mà lấy cái thằng Sặc mỗ còi, đi ăn, đi ở thì cả làng người ta đang đàn chào cho âm lên đấy!

Tử tế và rộng lượng như bà Hàn mà còn nói thế, huống chi kẻ khác thì người ta còn dè bủ đến đâu. Bà Kép buồn, càng ốm thêm. Loan và Sặc thay nhau săn sóc mẹ. Bát cháo hành, quả cam, tấm bánh ngọt... mỗi cử chỉ là một ân cần, hiếu thảo. Bà không thể dửng dưng. Ông Đường luôn vào thăm. Mỗi bận bà định phàn nàn một điều gì đó những nghĩ chính ông đã đưa Sặc về nuôi và ông là người rất tin vào lòng tự chủ của con gái nên bà không nỡ. Chưa bao giờ bà làm cho ông phải phiền lòng. Bà muốn mãi mãi giữ được điều quý giá đó.

Lúc đã khỏe, bà cũng không vui thêm. Trong nhà, trước việc hôn nhân của con, bà cảm thấy mình cô độc. Bé An thì còn nhỏ, chưa hiểu gì việc của người lớn. Bà sửa soạn về quê ngoại nghỉ ngơi ít hôm, may chi tìm được sự hỗ trợ.

Ra khỏi ngõ, bà thấy hình như có nhiều người cứ chăm chú nhìn mình với một con mắt khang khác. Có tiếng chèo chệt từ xa:

- Bà Đồ ơi, cho bọn tôi ăn trâu với.

Rồi có tiếng đáp hộ, bà nghe thật chua chát:

- Cau vườn nhà, dạm hỏi cho con nhà, mời làng nước đến mà xơi.

Lại thêm lời độc địa:

Miếng trâu ăn nặng bằng chì

Ăn thì ăn vậy, lấy gì trả ơn.

Bà Kép giận con nhưng cũng thật chán cho những kẻ dư mồm, thừa miệng. Giọng lưỡi gièm pha ngoài đồng, ngoài bãi ai mà nghe cho đủ và hiểu cho hết. Phải đến lúc đã qua cầu Hữu Biệt, bà mới thấy bớt đi những tiếng bác, tiếng chì.

Cụ Mền Giáp lưng còng, tóc trắng như cước. Thấy bà Kép về, cụ rất mừng, vẫn sai người hái quả cây cho con gái như thuở nào. Bà Kép thì cứ đi từ chuyện xa mà nói đến chuyện gần.

Nghe xong, cụ Mền bảo:

- Ta già yếu lắm rồi. Trước đây, công việc của các con, ta đã chẳng đủ sức lo, thì nay sao mà lo nổi cho các cháu? Ta chỉ dặn con là nên giúp cho các cháu có được một cảnh nhà dù có nghèo đói mà ý hợp tâm đầu hơn là cùng nằm chung giường mà mỗi người mơ tưởng một nẻo. Con hãy tin vào người chồng của mình. Khi vợ chồng chỉ được hai đứa con gái, thì đã có tiếng vào, lời ra xỉa xối: *Bất hiếu hữu tam, vô hậu chi đại*. Nghĩa là người đời thường có ba tội bất hiếu, trong đó việc không có con trai nối dõi tông đường là tội nặng nhất. Nhiều người trong họ buộc nhà con phải hỏi vợ

lẽ để có con trai nhưng anh ấy cứ nhất quyết giữ cái đạo *một vợ một chồng*. Bản lĩnh ấy, ở Á Đông này, những kẻ có hoàn cảnh như vậy, không mấy ai giữ được. Một con người như thế chắc là không nòng cạn khi giải quyết những công việc của gia đình.

Bà Kép đỡ lời bố:

- Con thì con nghĩ cái Loan rồi sẽ khổ vì nó quá tin vào sức vóc mảnh mai của mình và tin vào trí tuệ của thằng Sặc.

Cụ Mền trầm ngâm một lúc rồi đáp:

- Nhưng làm thế nào mà thay đổi được niềm tin của một con người trẻ tuổi, nếu niềm tin đó là chính đáng.

Rồi cụ nói với con gái. Những nếp nhăn trên vầng trán cụ như giãn ra:

- Ta biết dưới lớp học của cụ Sơn có nhiều người khen cậu Sặc. Theo ta, thế là được. Có tâm, có lực và nếu là có tài nữa thì chẳng sợ gì khó khăn ở trên đời.

Thế là bà Kép không đạt được điều mình mong muốn trong chuyến đi. Từ nhà, bà định sẽ nghỉ lại mấy ngày nhưng chỉ sau một hôm là đã nhớ chồng, nhớ con đa diết nên vội vã xin phép trở về làng Chùa. Khi đến đầu làng thì bà gặp người chú họ đi cùng. Ông chú hỏi:

- Nghe nói nhà bay sắp gả con gái. Cũng có tiếng này, tiếng khác nhưng choa thì choa mừng. Từ lâu, thấy hai đứa chúng nó đối xử với nhau là choa biết. *Gái yêu bằng tai trai yêu bằng mắt* mà. Kể thì cũng vừa đôi

phải lúa đó. Mà về nhà mày, anh Đồ Loan, anh ấy yên tâm và đạo nghĩa lắm, không ai lung lạc nổi đâu. Tao nói thế chứ công việc của nhà bay thì do bay định đoạt. Bay gả con cho ai thì rồi choa cũng được một bữa rượu đến là say. Chỉ mong uống rượu rồi là vui về mãi mãi. Còn, nếu mùi men ở miệng choa chưa phai mà vợ chồng đôi tân hôn đã ngừng ngẩng thì choa mua rượu choa trả lại ngay. Cho nên, việc dựng vợ gả chồng là cốt ở duyên ưa, phận đẹp. Phúc đức ở đó, mà của cải cũng là từ đó.

Bà Kép bây giờ lại mừng thầm trong bụng. Bà nghĩ, thì ra, không ít người ủng hộ bố con nhà ông Đường.

Hôm bố mẹ định ngày cho đôi lứa làm lễ cưới cũng là hôm tắm lạy trên khung cử vừa dặt xong và con lợn nuôi kèm trong chuồng cũng đã lớn. Đó là vốn liếng Loan để dành đã bấy lâu. Cô bán một phần tám lạng, lấy tiền mua nhiều, the để sắm áo cưới cho vợ chồng. Đám cưới đơn sơ nhưng đủ các tục lệ. Không phải đón dâu xa. Ông Vương Thúc Mậu đỗ Tú tài, sau này là lãnh tụ cuộc khởi nghĩa Cần vương ở Rú Chung (1885), bấy giờ đã là người cao tuổi, vợ chồng song tuyến, trai có, gái có cảnh nhà sum vầy, cấm lên bàn thờ tiên tổ nén hương thơm. Các bạn nhỏ sinh sau này đều đổ đạt như Quỳnh, Song, San, Lương, Quý, Độ... cùng tề tựu đến chúc mừng, nhận Loan là chị dâu.

Đêm hợp hôn, Loan cắm vào chiếc lọ trên án sách một bó hoa huệ trắng nuốt.

*

* *

Trên những sườn núi thoải thoải của dãy Đại Huệ từ lâu đã được khai phá thành các vạt nương trải theo hình bậc thang. Từng trảng dứa ăn quả, chịu sống dưới những tán mít sum suê và nhiều luống chè nương bóng của hàng cây dầu trẩu cao vút. Từ bao đời, con người đã hiểu tính nết và khả năng chung đụng của các loài cây mà xen trồng, chăm bón. Rồi khoai từ, khoai vạc, nếp nài, lúa nương, các loại cây lưu niên cũng như hoa màu theo thời vụ cứ chia nhau phần đất để nảy mầm, đâm rễ mà xanh tốt. Ở vùng lưng đồi ven núi như vậy, sức vun trồng, chăm bón đổ ra phải nhiều nhưng thường cũng dễ chắc ăn. Nhà nào có thêm một vạt nương trên núi thì đỡ lo phần thiếu hụt lúc tháng tám, ngày ba. Nhưng sự phá đất làm nương của con người ở đây cũng rất dè dặt. Phải dành cho sự tồn tại bền lâu của những trảng rừng để còn chỗ mà hái củi, lấy gỗ, đốt than. Phép rừng, phép núi của vùng sơn lâm thuở trước thế mà nghiêm. Con người không chặt phá tùy tiện.

Chiều đã xuống đậm. Mấy chị chàng hái củi vừa gọn gàng quanh gánh. Họ rủ nhau lên thăm chùa trước lúc ra về. Nhìn bó củi của Loan, Mận nhanh miệng hỏi:

- Loan ơi, mày cắt thêm cây rành rành để đợi ngày nằm bếp đấy hả? Mang bụng, mang dạ mà leo núi gánh củi như vậy có mệt lắm không?

Đường lên chùa hơi dốc. Gió lật bay những tà áo. Loan phải đưa tay giữ lại để che cái bụng đã lưng lửng tròn. Trong dáng điệu e ấp, khép nép, trông Loan càng hiền, càng xinh. Quả là lúc có mang, người đàn bà cứ đẹp thêm lên. Sinh ra ở cái đất này, đàn bà con gái gắn với việc hái củi, cắt cỏ thì nay lợi đồng gần, mai trèo núi xa là chuyện nối tiếp không ngừng. Đã cắt công lợi suối, băng trường thì sẵn liềm, bứt thêm một nắm rành rành cũng quý. Loan nghĩ như vậy. Còn lúc có mang, có mẹ mình cũng phải chăm làm lụng để quen nắng gió cho cái thai thêm phần cứng cáp. Cô nhận ra, những lần có mang trước đây, cũng nhờ nắng đi lại, vận động mà mình đã sinh nở dễ dàng và khỏe khoắn, cho nên cô chẳng ngại gì cái chuyện trèo núi, lợi đồng. Loan định nói với các bạn những điều mình vừa suy nghĩ thì cũng vừa lúc họ đã bước tới cổng chùa.

Chanh, một cô gái trẻ trung, vô tư hỏi sư cụ:

- Sao chùa ta lại gọi là chùa Đại Tuệ ạ?

- Bởi chùa này ứng với tên của một vì sao - Nhà sư đáp.

Đến lượt Loan:

- Dạ như vậy ta gọi là chùa Đại Tinh có được không? Vì *Tinh* là tiếng chung nhất để chỉ các vì sao.

Sư tiếp lời:

- Tên chùa Đại Tuệ được xuất xứ bởi một lý do riêng. Chuyện xưa kể rằng, người làm ơn cho nhân dân vùng này là một vị Phật có đức sáng như ngôi sao Chổi. Mà với ngôi sao đó thì ở trần gian rất ít khi nhìn thấy. Nên muốn mãi ghi nhớ dài lâu công đức ấy, nhân dân ở đây phải lập chùa thờ ngài trên núi cao và đặt tên là Đại Tuệ.

Loan hiểu: *Tuệ* là sao Chổi.

Trong khi phải vất vả tìm câu trả lời, nhà sư vẫn không quên để ý đến người đàn bà trẻ vừa nêu lên câu hỏi đó nên đã hỏi lại:

- Thế cô cũng có biết chữ Hán?

Vẫn là Chanh, nói ngay:

- Ôi, nó giỏi lắm đấy. Chồng sắp đi thi để trở thành ông Cống và bố là thầy Đồ uyên thâm ở trong vùng. Đối với nó ấy à, các sách *Minh tâm*, *Luận ngữ* thì cứ coi như là đọc ngược.

- Ấy khê chứ - Một bạn khác thận trọng nói. Người ta sắp bà Cử, lại đã gần có ba con rồi mà cứ mày tao, chỉ tớ mãi.

Loan nghĩ, lạ sao các bạn cứ coi việc thi đậu của chồng mình là chắc như đinh đóng cột. Rồi cô lấy thế làm then. Về vật chất, cái gì chưa nắm chắc trong tay thì cũng chưa phải là của mình, huống hồ việc thi cử. Người đời chẳng bảo *học tài thi phận* đó sao? Mà có mấy sĩ tử dám tự bảo mình là kẻ *học tài*. Loan nghĩ như

vậy nhưng rồi Chanh, cái chị chàng láu táu ấy đã không nhường:

- Ủ, tao biết, cái Loan sắp là bà Cử và có thể sau này sẽ là bà Phủ, bà Án không biết chừng. Lấy chồng thì hưởng lộc chồng. Ta mừng cho cái Loan, có nụ mừng nụ, có hoa mừng hoa, một kẻ nên sang, cả làng được cậy. Nhưng đó là chuyện giữa hàng xã, hàng tổng. Còn đã đến đây, cùng đi củi, đi cỏ thì thượng hạ đều là bình đẳng, mà y tao chỉ tở như nhau.

Loan không phản đối, chỉ cười bẽn lễn. Cô thấy phân lộc chồng và ơn nước của mình, các bạn đã nghĩ cao xa quá. Còn như về tình bạn nơi giữa đồi, giữa núi, khi đứt gánh, trượt chân có nhau, không phân biệt gia thế và tuổi đời thì xưng hô bình dị, chân tình, như vậy là phù hợp và cần thiết. Cô thích có nhiều ngày được sống chung đụng và hồn nhiên như thế này. Còn Chanh, cô ả vẫn cứ táo bạo, lém lỉnh:

- Về đường chồng con, phần đó là do cái duyên. Còn tuổi tác ấy à? Tuy sắp ba con nhưng cái Loan cũng chỉ mới bước sang tuổi hăm ba, hăm bốn. Và dù có hăm tám, ba mươi, thì chuyện đó ở đây coi như cũng nhỏ. Lắm kẻ cũng ngần ấy tuổi mới lấy chồng thì sao? Các bạn thấy đấy, cái Loan sắp ba con mà nó có già đi mấy chút. *Gái một con trông mòn con mắt, gái ba con nhan sắc vẫn ưa*, mà có ba con đi chẳng nữa, vẫn cứ vừa cái bụng anh Nho Sắc nhà ta.

Cả đám bạn gái cùng cười vui. Nhà sư cũng ngỡ ngàng trước cách xuất khẩu thành thi và hay chữ, hay nghĩa của các cô nàng hái củi đất Chung Cự vấn vật có một không hai. Còn Loan thì cứ ngoảnh mặt đi và cúi đầu hổ thẹn. Cặp mắt cô nhấp nháy, có ý trách bạn hơi quá vui. Song Chanh vẫn hồn nhiên tiếp lời:

- Con gái làng Chùa nhà choa thì mẩn dễ và trễ dai phải biết. Cứ nhìn chị Yên ở xóm Trong ấy, con người xinh xẻo đáo để. Cặp mắt với lông mày lá liễu cùng đôi mi kéo dài trông đến là thanh nhã. Còn cái miệng cười như hoa nở của chị ta ấy à, thật dễ làm cho các chàng trai mê hồn. Nhưng tội nghiệp, chị ấy đã hai đời chồng mà duyên phận chẳng ra sao. Thế rồi anh Nho Khoa ở làng Sài đến hỏi. Thấy Khoa phong nhã, tuấn tú, chị Yên cứ tưởng người ta đến thử tình, thử ý cho vui. Không ngờ cái anh chàng trai tân này đeo đuổi thực tâm. Chị Yên khuyên anh đi tìm người khác vì mình đã là rom hai lần đập lại, làm bạn với nhau là không cân xứng. Nhưng anh Nho Khoa cứ khăng khăng:

Rượu ngon cái cặn cũng ngon

Yêu em chẳng kể chồng con mấy đời.

Thế rồi họ cưới nhau và không mấy người đàn ông yêu chiều vợ như anh Nho làng Sài. Đấy, con gái làng Chùa nhà choa là thế đó. Trông cái Loan kia, mẹ sắp ba con mà phải nói là ăn đứt nhiều cô gái cập kê. Thế mới biết anh Nho Sắc, anh ấy có cặp mắt mới tinh tường làm sao!

Lần này thì Loan đâm khế vào lưng bạn với ý bảo: “Góm, vừa vừa ra với chứ”. Tình thực, cô thấy trong lòng mình cũng tràn đầy hạnh phúc. Vì vừa lúc đó, Loan nhận ra, cái thai trong bụng mình đã khế động đây.

Thế là mấy chị chàng hái củi, hái cỏ đã chốc lát làm đổi khác cái không khí u tịch của cảnh chùa. Nhà sư cũng vui lây bởi sức sống trẻ trung, hồn nhiên của những con người trần tục và thấy được thức dậy trong lòng những nhiệt tình, cảm khái đối với quốc gia, thế sự. Lại chính Chanh, người con gái nhanh nhẩu và tốt bụng kia hỏi tiếp:

- Thừa sư cụ, sao tên núi gọi là Đại Huệ?

Nhà sư trả lời:

- Xưa, vùng núi này mọc rất nhiều cây bội lan, nên là nơi các tao nhân mặc khách và các vị đế vương khi xuất ngoại qua đây thường ghé lại. Con trai trưởng Hồ Quý Ly là Hồ Nguyên Trừng làm Tả tướng quốc, được vua cha sai vào đây, định xây lũy đắp thành để chống giặc Minh. Vì thích sắc hương của hoa bội lan, Tả tướng quốc đã vào nghỉ trong chùa. Khi Quý Ly ngự giá vào, ngài cũng đã chọn nơi này làm hành tại. Cả vua và hoàng tử cùng ngồi bàn việc nước.

Thế giặc lúc này rất mạnh. Trương Phụ đã chiếm thành Nghệ An và toan vượt Đèo Ngang để vào lấy đất Thuận Hóa. Bọn giặc ngạo mạn và tham lam vô độ.

“Rượu không pha máu người, Trương không uống. Ngày nào không mổ được bụng của một phụ nữ đang có mang, Trương ăn không ngon”. Chuyện dân gian kể về tên Tống binh giặc Minh này như vậy. Bọn giặc luôn nghênh ngang ngoài đường và giết người như giết ngóe. Lũ chúng hung bạo man rợ như thế, dân mình lâm than như thế mà một ngọn cờ đại nghĩa khả dĩ tập hợp được toàn dân thì chưa đầy lên. Nhà Hồ muốn bình thiên hạ nhưng không quy được nhân tâm về một mối. Khi Quý Ly chạy vào đây cũng là lúc thành Tây Giai ở Thanh Hóa đã bị giặc bức chiếm. Nhận rõ thế nước và lòng người như vậy, Nguyên Trừng đã nói với vua cha: “Con không sợ giặc mạnh, chỉ sợ lòng dân không theo”. Quả là, cũng phải đứng ở một vị trí như chốn này, người muốn lo việc lớn mới nhận chân được thế sự. Hồ Quý Ly cũng không tỏ ra bực mình khi con trai mình nói ra như vậy. Vì qua một đêm đàm đạo rồi nghỉ lại ở chùa Đại Tuệ, nhà vua đã nhận rõ thêm sức giặc, lòng dân và thế nước. Chắc những bông hoa bội lan hôm đó cũng buồn nên có phần kém sắc và nhạt hương.

Bổng, Loạn nhớ đến lời giảng của bố khi người nhắc đến một số loài hoa nên hỏi:

- Dạ thưa sư cụ, có phải bội lan cũng là hoa huệ?

Vừa lúc đó, một chú tiểu vào mở cánh cửa phía sau của chùa. Nhờ đó khách trông rõ thêm được nhiều chậu hoa. Mấy gốc huệ vừa đơm bông, phô một màu trắng tinh khiết. Nhà sư cũng hướng về phía đó mà trả lời:

- Phải, nhà chùa quen gọi là bội lan nhưng chính đó là huệ. Có lẽ vì nơi này được trồng nhiều bội lan nên núi đã mang tên của loài hoa ấy.

Nhà sư cũng không thể không dành riêng một vài câu để tiếp chuyện con người đã nêu lên câu hỏi vừa rồi:

- Cô có chữ nghĩa và sức hiểu biết cũng khá rộng. Các bậc nữ lưu lui tới ở đây cũng đã nhiều nhưng bản tăng chưa khi nào được tiếp kiến một con người như thế này.

Loan vẫn hết sức khiêm nhường:

- Dạ, sư phụ hơi quá lời khen đối với chị em. Như sức hiểu biết của con thì thật chẳng có gì đáng kể. Có được như thế này cũng là nhờ ở chỗ được nghe những buổi, chuyện trò của các bậc thúc giả như việc hôm nay được tiếp kiến ngài tại nơi đây mà thôi.

Rồi thấy nhà sư nhiệt tình và trọng người mà Loan hỏi thêm:

- Dạ, nghe nói vua Quang Trung cũng đã có lần qua đây và người ta cho rằng, nhà vua đã có ý muốn đổi tên chùa thành Đại Huệ.

Bản tăng cũng đã có nghe nói đến tình tiết ấy. Có người còn đi xa hơn, bảo rằng, vua Quang Trung cho đổi tên chùa ra như vậy vì chữ *Huệ* vốn là tên húy của ngài. Nhưng không phải. Một vị vua quảng bác và có tâm văn hóa lớn như Hoàng đế Quang Trung, chắc

chấn ngải không có cái suy nghĩ vụn vặt, vị kỷ như thế. Trong tự phủ của nhà chùa cũng không hề ghi điều đó. Ở đây, Đại Huệ là Đại Huệ, Đại Tuệ là Đại Tuệ. Hai thực thể ấy to nhỏ khác nhau nhưng không hề che lấp nhau. Còn vua Quang Trung đã qua đây là điều có thực. Một phần vì đây là cố hương của nhà Tây Sơn nhưng chính vùng núi Đại Huệ lúc bấy giờ cũng là cái trạm giao lưu giữa các con đường hành quân thượng đạo và duyên hải của chúng ta. Khi vào thăm chùa cũng như lúc dạo thăm núi, nhà vua rất quý những chồi hoa bội lan. Từ đây, nhà vua còn băng sông, ruổi ngựa vào vùng núi Thiên Nhẫn tìm gặp nhà danh sĩ Nguyễn Thiếp và đọc bia ghi công của Lê Lợi:

Nguy nguy Thái Tổ hành dinh tại

Diệt tặc công cao thạch bạt ma.

(Nguy nga Thái Tổ hành dinh đó

Diệt giặc công cao đá chẳng mòn).

Rồi khi xa giá nhà vua trở vào Kinh thì có cả những cành hoa bội lan cùng được gửi theo.

Còn vùng đất này, cũng vì đây là cố hương của Hoàng đế Quang Trung cho nên khi Gia Long thực hiện chính sách trả thù đối với nhà Tây Sơn, cả vùng này đều có xảy ra cảnh tàn phá, chém giết. Làng Mạc Điền nơi ông tổ bốn đời của vua Quang Trung cư ngụ đã bị đào thành chín cái giếng sâu để yểm long mạch, trừ “phản loạn”. Dân thì bị dồn lại một nơi thành khu

Hữu Biệt. Cả Mạc Điền và Hữu Biệt cùng ở dưới chân núi Đại Huệ kia kìa. Chùa Đại Tuệ nơi Quang Trung từng vào thăm và nghỉ trọ cũng đã bị đốt trụi. Sau này chúng ta mới dựng lại. May mà tượng phả và tượng Phật được mang giấu đi từ trước.

Vẫn với tính hiếu động, nhanh nhẩu, Chanh nói:

- Vùng quê này thật có nhiều sự tích bí hùng. Xin sư cụ kể cho chúng con nghe thêm.

Nhà sư cũng vẫn nể lòng mấy người khách có cuộc sống tuy bình dị mà tâm hồn khá rộng mở này:

- Quanh vùng Sa Nam trên chợ dưới đồ xưa kia có những vườn nhãn sum suê. Cả một vùng, gồm nhiều cánh đồng đều trồng nhãn. Trong đó quý nhất là thứ nhãn mọc trên hòn rú Nậy của dãy Đại Huệ này. Quả nhãn ở đây cùi dày, mọng nước. Không chỉ ngon ngọt mà theo lời tương truyền, nếu đem thứ cùi nhãn ấy ép lấy nước cho đàn bà tắm thì da dẻ sẽ trắng trẻo, thơm tho nên người trên dễ hóa thành tiên. Do đó, người nhà Đường, kể đồ hộ nước ta thuở bấy giờ rất chuộng quả vải lấy từ đất Hoan Châu. Vua Đường Minh Hoàng có người vợ yêu là Dương Quý Phi cứ đòi mỗi ngày tắm cho được một lần thứ nước ép trong cùi quả vải đem về từ nước Nam. Bởi thế, bọn đồ hộ nhà Đường bắt trai tráng nước ta phải vai trần gánh bộ, có lính phi ngựa áp tải theo. Họ phải chịu nhiều mệt nhọc, đói rách truyền nhau chở vải về tận Tràng An. Còn Dương Quý Phi,

nàng cũng ngày ngày đứng từ cung cấm trông ra. Cảnh đó đã được một nhà thơ của nước họ miêu tả:

Vó ngựa mù trời phi từ cười

Mọi người đều biết vãi về rồi.

Như vậy, vãi khi về đến Trảng An phải làm sao cho nó cứ xanh tươi như vừa mới lấy xuống từ trên cây. Các cô có biết, thi hào Tô Đông Pha đã từ cảnh đó mà viết bài thơ *Lệ chi thán*, tức “Than về quả vãi”:

Mười dặm một trạm chạy tung bụi

Năm dặm một chòi, lính canh vội.

Ngã hang, sa hố chết chồng nhau

Để cho vãi quý được mang tới

Như cắt qua khơi, xe vượt núi

Lá mượt cành tươi tuồng mới hái...

Tất cả những khổ ải đó chỉ để vua Đường Minh Hoàng nhìn thấy:

Người đẹp trong cung một tiếng cười

Và nước Nam mình:

Nghìn năm máu bụi còn tung mãi

Có thể cho rằng, bài thơ của Tô Thức, hiệu là Đông Pha ấy từng nói lên cái lý do mà vua Mai Hắc Đế đã lãnh đạo các đoàn phu gánh vãi đứng lên dùng đòn gánh khiêng vãi đánh lại bọn đồ hộ nhà Đường. Đã một thời gian quân của ngài đuổi chúng ra khỏi Tống Bình mà dựng nên triều đình gồm cả hai ban Văn, Võ.

Di tích hiện ở trên núi Vệ Sơn và đền thờ ngài còn sừng sững kia kìa!

Buổi là cô gái khéo tay nhất trong việc bó củi, hỏi thêm:

- Bạch sư cụ, còn ngôi đền ở mãi đằng phía Đông chân núi này, sao lại có tên là Độc Lôi?

- Chuyện xưa kể rằng, một danh tướng hiệu là Công Tích đi đánh giặc, không may bị chém đứt đầu ở giữa trận nhưng ngài không chịu chết, vẫn thúc ngựa chạy ra khỏi vòng vây. Ngựa phi được một chặng, Công Tích tướng quân gặp một bà lão có đôi mắt rất sáng, ngài hỏi: “Liệu ta còn sống được bao lâu?”. Bà lão trả lời: “Số mệnh của ngài là do trời định. Chưa có sự phán bảo từ trên không trung thì ngài vẫn còn hơi thở, nên hãy đi nhanh cho thật xa vòng lửa đạn của quân thù”. Thế rồi ngựa tung vó phi nước đại. Nó đưa Công Tích tướng quân về đến dưới chân rú* Mượu ấy thì một tiếng sấm nổ vang trời. Lúc đó tướng quân nhớ lại lời bà 'lão mà nói: “Đây là mệnh lệnh phán bảo từ trên không trung”. Nói xong câu đó ngài mới chịu buông cương.

Bởi sự oai hùng và linh thiêng ấy, nhân dân địa phương đã lập đền thờ ngài ngay tại đấy và lấy sự tích *Một tiếng sấm* mà đặt tên đền là đền Độc Lôi.

Loan nói với các bạn:

* Rú: Núi (tiếng địa phương)

- Nhà sư quả là một vị chân tu thật thông thái.

Mặn từ lâu vẫn yên lặng, ngồi nghe, nay bỗng nhìn mặt trời rồi thưa:

- Dạ, rất cảm ơn sư cụ.

Đoạn, cô nói với các bạn:

- Chuyện của vùng quê mình thì nghe biết đến bao giờ cho chán, nên để bữa khác. Giờ xin phép sư cụ ta về thôi. Chiều muộn lắm rồi.

Những người con gái lại loi thôi bước xuống núi. Nắng chiều in dài bóng họ trên nền đất nghiêng. Họ để Loan đi vào giữa. Ai cũng để ý đến cô, cùng gìn giữ cho người mẹ giàu hiểu biết và đang mang thai. Sau lưng họ, hồi chuông thu không cũng đã ngân dài tiền đưa, quyến luyến.

Lúc ra đồng hay lên núi, Loan là một tay cắt cỏ, hái củi nhanh nhẹn, thành thạo. Về nhà, cô đưa thoi nhíp nhàng, khéo léo. Từ bàn đập khung cửi cũng có một sợi dây buộc vào cánh võng để cô có thể vừa làm vừa ru con. Khi ngồi dệt vải, cô thường vừa đưa thoi vừa dỗ dành bày bảo cho trẻ. Khi nấu cơm, Loan thường kết hợp cả các việc thái rau hoặc sàng gạo. Cảnh nhà neo đơn, bận bịu, công việc thường phải làm kèm, làm cặp và cái gì cũng phải chất lót, dành dụm. Những mẫu cửi đã cháy đỏ mà không cần dùng đến lửa, cô gấp bỏ vào trong chiếc nồi đất đập kín vung để chúng biến thành các hòn than đen, dành để quạt lồng ấp cho chồng lúc

ngồi đọc sách vào đêm khuya lạnh. Năm tấm, năm mảnh cho gà, mớ rau bèo cho lợn, giờ nào việc ấy Loan sắp xếp hợp lý để tiết kiệm thời gian. Dù cảnh bản bạch mà trong nhà có vài trẻ nhỏ thì thường đồ đạc cũng để linh kinh, cho nên Loan đã luôn tay thu xếp. Nhà riêng của vợ chồng Loan dựng ngay trong khu vườn của bố mẹ, cũng phân làm ba gian nhưng nhỏ gọn, vách nửa đơn sơ. Cột kèo bằng tre gỗ đốn ở trong vườn và mái lợp tranh mía lấy từ ngoài ruộng. Tuy nhiên với cách sắp đặt, bài trí của Loan, gian trong, phòng ngoài lúc nào cũng ngăn nắp, sáng sủa. Loan cứ luôn luôn thiết tha, mong giữ được bầu không khí dễ chịu, thoải mái trong gia đình nhằm vui lòng bố mẹ và để chồng an tâm phát triển trí lực. Cô hiểu rằng, trong mỗi thành quả lao động của mình đều có sự góp phần nhất định của những người thân nên cô đã gắng gỏi với tất cả nỗi lòng biết ơn. Ai cũng ngạc nhiên khi thấy người phụ nữ thân hình mảnh mai đó lo mọi việc trong nhà, ngoài ruộng chu tất, mỹ mãn, thật không ai chê trách được điều gì. Thời gian không có nhiều nên mọi nỗ lực đối với những công việc cần làm thì bao giờ cũng là quý giá. Nghĩ như vậy nên Loan đã cố gắng không ngừng

*

* *

Rời chiếc án thư xếp cao những chồng sách, Sắc đến ngồi bên cạnh và mãi nhìn Loan. Cứ mỗi ngày anh

lại tìm thấy ở con người có gương mặt không chịu khuất phục thời gian này một nét gì mới, thật đáng yêu cả về tâm hồn và trí tuệ. Sau sáu năm lấy chồng và nuôi con, tần tảo sớm hôm mà Loan vẫn mang dáng thơ trẻ giống như buổi ban đầu. Dầu vậy, Sắc mãi hình dung, lúc này Loan như một chiếc cành mảnh mai trĩu nặng nhưng quả và hoa. Lòng ái ngại, anh nói:

- Chúng mình sắp có con thứ ba. Gánh nặng gia đình cứ mỗi ngày lại ấn thêm trên đôi vai nhỏ gầy của em mà anh thì vẫn mãi đèn sách!

Loan cười với đôi môi thắm:

- Anh thấy có những con chim mẹ nhỏ nhoi là thế mà vẫn đủ sức nuôi nấng ba, bốn chim non. Bên cạnh ta có bố mẹ, dì và bà con xóm thôn đùm bọc. Họ hàng cứ mỗi ngày một quý mến anh đó. Anh đã trúng kỳ tuyển sinh ở huyện. Sang năm là kỳ nhà vua mở khoa thi. Mong anh cứ dành tâm lực cho sách đèn.

Loan luôn luôn là nguồn an ủi, động viên và là niềm hy vọng của Sắc. Anh hỏi trong niềm tự hào:

- Em đoán con của chúng ta sắp ra đời là...

Không đợi chồng nói hết câu, Loan cười cả bằng đôi mắt:

- Anh thích trai hay gái?

- Anh mong con trai.

- Sao lúc có mang lần đầu, em hỏi câu đó thì anh bảo trai hay gái đều quý mà nay ta đã có gái, có trai.

Vợ chồng anh có cô con gái đầu là Thanh, ông ngoại đặt cho hiệu là Bạch Liên, còn bé nhưng đã biểu lộ rõ vẻ vẻ đoan trang và con trai là Khiêm, kháu khỉnh có sức nhận biết, phát triển sớm hơn nhiều so với tuổi. Bây giờ thì quả là vợ sinh *trai hay gái đều quý* nhưng anh vẫn trả lời Loan:

- Không hiểu vì sao, lần này anh ước con trai.

Loan lại mỉm cười, vành môi viên chỉ đỏ trông thanh quý, hiền từ. Cô kéo bàn tay chồng đặt lên cái bụng bầu bầu, phập phồng nhịp thở:

- Anh xem nó đập có dữ không, còn nghịch hơn cả thằng anh nữa kia. Hẳn là một ông tướng.

Khi mùa gặt chiêm đã rộ, nụ hoa giẻ vừa gửi vào trong gió những thoảng hương tinh khôi và búp sen đầu tiên ở dưới đầm mở cánh thì cũng là lúc cậu con trai mà họ hằng ao ước ra đời. Ông ngoại đặt tên cho cháu là Nguyễn Sinh Cung. Vì anh trai của cháu đã được ông đặt tên là Nguyễn Sinh Khiêm.

Tuy Loan còn khá trẻ nhưng vì đã là một người mẹ ba con nên từ đó dân làng gọi “cô bằng bà”. Bà Loan, cứ nhìn đứa con trai mới sinh là lòng thêm khấp khởi và tự thấy mình được sáng dạ thêm lên. Bà đặt ra những câu ca mới để ru con:

Nước Lam Giang tuôn dài ra bể

Non Hồng Lĩnh giữ thế cao xanh

Làm trai trả nghĩa sinh thành:

Giang sơn gánh vác, xứng danh với đời.

Không xa thẳm như tiếng ca trên sông Nhị, không man mác như giọng hò sông Hương, điệu ví dặm đồ đưa của bà Loan cứ ngân mãi một nỗi niềm mong ước, làm xốn xang tâm hồn trẻ thơ. Ở cái xứ sở đất đai cỗi cằn và lắm hạn hán, bão lụt này, để có củ khoai, hạt thóc phải chịu vất vả là thế nhưng làm cha, làm mẹ, ai cũng muốn cho con mình được học hành, thêm chữ nào hay chữ ấy, mong để rồi con sẽ nên người hữu dụng. Điều đó cứ thấm vào cốt tủy của mỗi con người ở đây mà việc dạy trẻ trong buổi ấu thơ là thiên chức của những bà mẹ.

Bà Loan có một ước muốn thiết tha là mong vào buổi khai tâm, đưa con thứ ba của mình được học với ông ngoại. Nhưng rồi người ông sống trọn đời với những nghĩa cử ấy đã khuất bóng khi bé Cung chưa đầy ba tuổi.

Cụ Đường mất rồi, người ta khó mà kéo bà Loan đi hát phường vải được nữa vì thế mà nhiều đêm hội có phần kém vui. Câu ca bà đặt ngày nào:

Dờ dang nên phải đào sông

Ngày làm công nhật, đêm trông dạ chàng.

Vẫn chưa ai đáp nổi. *Giang* là sông, *Nhật* là ngày, *Dạ* là đêm, chữ nào nghĩa ấy đi kèm với nhau, người đặt đã khảm ngọc, cài châu vào trong mỗi cung, mỗi

nhịp, khiến câu ca khi cất lên nghe ngọt lịm như hương đồng mà sự thâm thúy về chữ nghĩa, sự tế nhị về tâm lý thì người đời không biết đối làm sao cho xứng. Thật dễ gì mà có được một trái tim giàu cảm xúc và một khả năng diễn đạt tinh tế như vậy trong các bà, các chị ở nơi dân dã.

Cuộc sống luôn có nỗi buồn xen lẫn với những niềm vui. Bà Loan nghĩ, ngay khi gặp phải cảnh không vui thì con người cũng phải vươn lên để mà vững vàng đi tới. Ông Sắc phải tiếp tục công việc dạy học của nhạc phụ và mong để cùng vợ làm khóa lớp đi nổi trống trải của gia đình. Vì thế mỗi người con phải làm việc để báo hiếu, mỗi người cháu phải là niềm an ủi và nổi tự hào đối với bà ngoại.

Rồi ông Sắc đỗ Hương giải, bà Loan rất mừng. Không mừng sao được vì đó là nỗi mong ước của biết bao nhiêu người. Khoa thi Giáp Ngọ năm ấy, Trường Nghệ có trên hai ngàn sĩ tử kéo lều chõng đi thi mà chỉ lấy hai mươi hai người đỗ Cử nhân. Với học vị ấy là có thể được bổ đi làm Huấn đạo hay Giáo thụ là chức quan trông coi việc học ở huyện, ở phủ. Nếu là gia đình có thể lực thì còn có xuất chính, ra chức Tri huyện, Tri phủ hay lên cao hơn nữa. Kể từ buổi sân đình nổi lên nhịp trống đăng khoa, người làng đã gọi Loan là bà Cử. Đó là sự chia sẻ niềm vui và cũng là lòng quý trọng, tự hào. Thế nhưng bà Loan cứ ngại ngùng. Còn ông Sắc, từ buổi nghe lời xướng danh, ông bỗng nhớ đến câu sách:

Thụ dục tịnh nhi phong bất đình;

Tử dục dưỡng nhi thân bất cập.

(Cây muốn lặng mà gió chẳng dừng;

Con muốn nuôi mà đấng thân chẳng kịp).

Tức là ông tiếc vị nhạc phụ tôn kính của mình đã không còn để biết con rể, người học trò của ngài đã có được một bước thành đạt. Ông Cử Sắc chưa hề nghĩ đến công danh, hoạn lộ. Ông vẫn muốn tiếp tục được học, được trải qua những kỳ thi cao hơn nữa để có thêm sự hiểu biết. Theo ông, đó cũng là cách đền đáp có ý nghĩa đối với công ơn của những người thân trong gia đình. Về phần bà Kép, khi con gái sinh thêm đứa cháu thứ ba là trai, rồi thấy con rể khi đã thi đỗ lại càng khiêm tốn hiếu thảo, lòng bà đã ấm lên những niềm vui nhưng cũng không khỏi buồn ngùi. Trong những ngày này, bà càng nhận ra, ông Đường nhà mình trước đây đã thật chín chắn trong điều nghĩ. Lòng thống thiết, bà ngồi lặng, hình dung lại gương mặt với vẻ thông thái, đức độ của người chồng đã quá cố. Bà mong tưởng đến một điều không thể có: “Ước gì bố của cái Loan, cái An được sống lại!”.

“Chị Cử”, “bà Cử”, Loan cũng phải quen dần với tiếng gọi của bè bạn, của người làng, dù với tính cách bình dị của mình thì những lời xưng hô ấy là không phù hợp, nó cao sang quá. Tính vốn thế, điều mừng bà thường giấu trong bụng. Bà luôn thấy mình còn phải

gắng gỏi thêm thật nhiều vì nhu cầu chi tiêu ngày càng lớn, cuộc sống ngày một khó khăn. Quả vậy, gia đình bà Cử vẫn hàn vi như ngày nào. Kẻ lo học hành, người chăm canh cửi và các trẻ nhỏ thì phải được nuôi dạy tận tình.

*

* *

Từ Kinh đô Huế trở về, lòng ông Cử Sặc nặng những buồn lo. Tuy cảnh khoáng đạt của quê hương, tình đầm ấm của gia đình có đem lại nhiều phần thư thái nhưng không sao xóa đi được nỗi phần chí trong con người ông. Bà Cử thì vẫn dịu dàng, đơn đả.

Trước người chồng là một ông Cử nghèo, qua bao ngày đã dốc hết tâm lực vào việc thi cử rồi trải mấy trăm dặm đường cát bụi trở về, bà tự thấy mình phải ra sức chăm sóc, an ủi. Bà chỉ mong sao mọi người trong nhà được mạnh khỏe, tin vui. Còn thi cử là việc gạn đục khơi trong từ rừng Nho bể Thánh, trường qui lại ngặt nghèo rồi lại *học tài thi phận*, mấy ai mà nhất cử, nhất trúng. Trong mỗi ý nghĩa, mỗi việc làm, bao giờ bà Cử cũng nghĩ đến phần khó khăn nên khi kết quả chẳng theo ý mình thì bà vẫn giữ được sự bình tĩnh, tự nhiên. Vì vậy, bà không chỉ là nguồn an ủi mà còn là nơi để ông Cử giải bày tâm sự. Bây giờ, trước người vợ giàu đức hy sinh và bao giờ cũng sẵn sàng chia sẻ cùng chồng mọi khúc nhô, nỗi niềm, ông Cử không thể không thổ lộ những băn khoăn của mình:



Toàn cảnh khu mộ bà Hoàng Thị Loan trên núi Động Tranh thuộc dãy Đại Huệ, xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Ảnh: NGUYỄN ĐĂNG VIỆT

- Bước đường khoa cử của anh nay có hai ngã: Về nhà tìm chỗ ngồi nơi thì phải gõ đầu trẻ, không có nhiều bề bạn để đưa đòi; trở lại vào Kinh để xin học ở trường Quốc Tử Giám, việc này anh được chấp nhận vì là Cử nhân đã trúng một kỳ thi Hội nhưng tiền do Trường phụ cấp chỉ được rất ít mà đường sá lại xa xôi. Riêng mình anh cũng không đủ ăn, nói chi đến phí tổn đi về.

Bà Cử nhìn. Ông Sắc thấy đôi mắt đen mênh mông của vợ đượm nỗi xót xa như mắt mẹ thuở nào. Đôi mắt ấy đã ấp iu, vỗ về, nâng đỡ những ước vọng cao quý của ông. Thêm vào, cùng với đôi mắt ấy, là tấm lòng với những ý quyết rắn rỏi:

- Em sẽ cùng đi vào Kinh.
- Sao, em nói sao?
- Em sẽ đi cùng anh, vào Kinh.
- Em cùng vào Kinh đô Huế?
- Phải!
- Ai nuôi các con?
- Em, chúng ta và cả bọn trẻ sẽ đi cùng.
- Cả ba đứa?
- Bạch Liên đã mười một tuổi. Nó sẽ ở nhà với bà ngoại.

Bà Cử ngẫm nghĩ một lúc rồi trả lời như vậy. Còn ông Cử ông vẫn không hết ngạc nhiên:

- Thế chúng ta sống sao nổi ở đất đế đô khi chỉ có số phụ cấp rất ít ỏi của anh và sức làm việc từ đôi tay mảnh gầy của em?

Vẫn với nụ cười đôn hậu nở ra từ đôi môi viên chỉ đỏ, bà Cử nói:

- Cái thuở còn hồng hoang, vợ chồng Lạc Long và Âu Cơ có đến một trăm con. Họ phải chia nhau đi tìm đất sống. Thế mà tất cả đã tồn tại để phát triển thành một dân tộc hùng cường như bây giờ. Ta chỉ có ba đứa con mà lại luôn luôn được gần nhau. Ta sẽ nuôi nấng. Như anh đã biết người họ Hoàng chúng em gốc tích có phải ở trong này đâu, vốn từ đất Kim Động, ngoài trấn Sơn Nam Thượng kia. Đời nào dòng họ Hoàng chúng em cũng có những con người say mê khám phá và ham thích một cuộc sống tự lập. Là phận gái, không biết em có chịu ảnh hưởng ít nhiều về những niềm khát vọng ấy? Chứ cái việc phải tay xách nách mang, đi xa làng, xa tỉnh vì việc học tập của chồng thì em chẳng ngại.

Ông Cử thấy rất sung sướng nhưng lòng vẫn băn khoăn: Các con còn nhỏ quá mà đường xá thì xa xôi.

- Phải rồi, đường xa dặm thẳng mà tiền lưng chúng mình thì lại ít ỏi, nhưng nghèo thì ta có cách đi đường của người nghèo. Chỉ có điều là anh thấy chúng mình để cái Thanh ở lại nhà với bà ngoại có được không?

- Chỉ sợ nó nhớ bố mẹ và các em thôi, chứ có gì bằng cháu ở với bà. Còn bà thì có đứa cháu ở bên cạnh, bà cũng bớt nhớ thương đối với những đứa đi xa.

Sẽ đưa hai con trai vào kinh tìm cách sinh sống để góp sức nuôi chồng ăn học. Không ai thay đổi được ý

định đó của bà Cử trẻ tuổi cũng như trước kia không ai thay đổi được ý nguyện của bà trong việc chọn bạn trăm năm. Dịu dàng và kiên quyết, hai đức tính ấy đã hòa hợp với nhau tạo nên ở trong bà, người phụ nữ họ Hoàng vốn giàu trí thông minh và khiếu thẩm mỹ những phẩm giá tuyệt vời. Ở bậc anh thư này, với một nghị lực rắn rỏi, một nhân cách cao thượng, một tâm hồn giàu mỹ cảm, bà đã khiến những người gần gũi, thân tình nhất cũng phải ngạc nhiên.

Khó mà hình dung được là họ đã vượt qua hàng trăm dặm đường từ Nghệ vô Kinh như thế nào. Với khoảng cách ngót ba trăm tám mươi cây số ấy, đã một thời có những cặp bạn tình tuy yêu nhau đến cháy bỏng nhưng rồi cũng đành chịu chia xa vì họ không vượt qua nổi:

*Yêu em anh cũng muốn vô,
Sợ trường nhà Hồ, sợ phá Tam Giang...*

Thế mà nay, gia đình ông Cử với những đôi chân trần, gồng gánh cả gia tài và diu dặt, bế bồng hai đứa con nhỏ, lớn nhất mới có bảy tuổi. Đường đi thật muôn trùng mà sức con người thì có hạn. Trước những khó khăn tưởng như không vượt qua nổi ấy, có lúc bà Cử tự hỏi: đây có phải là con đường do số phận định sẵn cho mình? Rồi bà lại nghĩ: Chắc là không phải. Vì những khó khăn như thế này là chuyện mình đã lường tính từ buổi sơ tâm, cho nên việc vợ chồng mình đang làm không có gì là liều lĩnh. Bởi thế, dù đường đi có trắc

trở, trập trùng thì theo người mẹ trẻ, cả gia đình vẫn bền gan vững bước.

Can trường và nhẫn nại là hai đức tính tối cần thiết để con người làm nên những việc phi thường. Khi lòng đã quyết thì trên dặm trường Thiên lý, gói cơm nắm với bát nước trong cũng thành một bữa ăn mát lòng, mát dạ. Đường xa bỗng hóa gần và cứ mỗi chặng, họ lại có thêm những con người để làm quen.

Đến ngang trường Nhà Hồ thì họ gặp một vị khách đang ngồi nghỉ chân. Biết đó là bậc sang trọng vì theo khách có hai phu cáng và một lính hầu. Cậu con trai nhỏ cứ chú ý nhìn vì thấy ông khách không khác gì những người bình thường dù có tới tứ phục dịch. Trong khi đó, các ông lý trưởng, hương kiểm ở làng thì hể động một tí là quát nạt om sòm. Nhưng rồi lời người cha đã làm chuyển hướng sự suy nghĩ của cậu con:

- Thế là ta đã đi được hai phần ba đường rồi đó.

Cậu bé hỏi:

- Mẹ có mỏi chân lắm không?

- Ủ, đôi chân của mẹ hôm vừa rồi cũng mỏi lắm nhưng nó cứ quen dần, nên bây giờ đã đỡ hơn - Bà mẹ trả lời như vậy, mắt vẫn không rời đứa con nhỏ.

Cậu bé lại hỏi:

- Thế cha, chân của cha có mỏi như chân mẹ? Cả anh Khiêm nữa?

Cậu Khiêm trả lời:

- Anh chỉ phải đi có đôi chạng thôi nên không mỏi là mấy.

Đến lượt ông Cử:

- Còn cha ấy à? Mỗi ngày cha phải đi nhiều gấp đôi như thế này thì mới đã sức của đôi chân.

Nói vậy để động viên vợ và các con chứ thực tình ông Cử thấy đôi chân mình cũng khá nhức. Bà mẹ và hai người con nhìn ông với những nụ cười cảm động, biết ơn. Cậu con trai nhỏ lại đưa đôi bàn tay bé xíu nắm vào mắt cá chân người mẹ và ngược nhìn lên. Cặp mắt của bà ở mí dưới đã hơi có dấu hiệu thâm quầng, chắc vì những ngày qua bà phải lo nghĩ và đổ ra nhiều sức lực. Thấy người con nhỏ của mình tỏ ra xúc động mạnh, bà Cử liền cười và nói như để thay lời cho cả chồng:

- Chắc ngôi nhà mà cha con đã làm quen cũng ở gần đây. Gắng thêm một quãng nữa thì sẽ được nghỉ chân và mai kia khi vào đến nơi, chỉ vài hôm sau là ta lấy lại được sức thôi mà.

Qua nhưng sự săn sóc, động viên lẫn nhau của cái gia đình nho nhỏ, vui vui nọ, ông khách biết được phần nào quê quán, những đoạn đường họ đã bước qua cũng như phần còn lại mà họ phải đi tiếp. Nhất là khi nhìn thấy hành trang giản đơn và mỗi gương mặt đều hồn hậu, ngời ngời quyết tâm, ông khách càng có cảm tình và hỏi:

- Chắc ông bà và hai cháu ở ngoài Nghệ đi vào?

Ông Cử kính cẩn đáp:

- Thưa ngài, vâng ạ!

- Vậy quý quán thuộc huyện nào tá?

- Thưa ngài, chúng tôi ở huyện Nam Đàn.

- Thế có gần nhà ông Đầu xứ San?

- Dạ, ngài có biết ông Đầu xứ ấy ở huyện chúng tôi?

- Vâng, cũng mới nghe tiếng thôi.

- Tuy khác tổng nhưng làng chúng tôi với làng của ông Đầu xứ chỉ cách nhau vài quãng đồng. Ông ấy vẫn đi xuống làng chúng tôi hát phường vải luôn mà.

- Vùng Nam Đàn, Thanh Chương ngoài đó nhiều người hay chữ và thích thơ phú lắm. Còn nay, chắc ông bà sẽ đi vào Kinh?

- Vâng ạ!

- Có lẽ ông đã thi đỗ, nay vào để nhậm chức?

- Dạ không phải, tôi chỉ là một học trò nghèo.

Khách không hoàn toàn tin vào câu trả lời khiêm tốn đó nên đã cặn kẽ hỏi thêm.

Khi đã biết qua về hoàn cảnh gia đình ông Cử Nghệ, khách bảo:

- Từ đây tôi sẽ đi xe ngựa và chắc là vào Kinh sớm hơn. Khi ông bà vào đó. Hãy tìm đến chỗ tôi. Tôi sẽ cho sắp xếp nơi nghỉ tạm cho gia đình ta.

Khách là Nguyễn Thượng Hiền, một vị quan Toàn tu ở Quốc Sử quán. Ông quê ở Hà Đông, đỗ Hoàng giáp. Khoa thi Đình trước đó ông cũng đã trúng Đệ nhị giáp Tiến sĩ nhưng triều đình chưa kịp làm lễ Xướng danh thì giặc Pháp tràn vào cướp Kinh đô. Kết quả kỳ thi bị hủy bỏ. Nguyễn Thượng Hiền buồn vì việc thi cử dở dang thì ít mà xót xa bởi cảnh tình của đất nước thì nhiều. Đã bao lần đi về trên hàng trăm dặm đường nơi sông Lam, núi Hồng và tiếp xúc với biết bao đồng khoa, đồng liêu là dân đất Nghệ, vị Hoàng giáp họ Nguyễn có biết phần nào về cảnh trí và con người ở đất Hoan - Diễn. Thời tiết, khí hậu khắc nghiệt, thiên tai luôn rình rập, buộc họ đã sống là phải tất lực và nghĩa khí. Trau dồi vốn hiểu biết của cá nhân để trở nên kẻ hữu dụng là một ý chí có tính chất truyền thống của cộng đồng người Nghệ. Ông nhận ra, không phải đơn giản mà ở đây đã sản sinh ra những con người như: Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Hoàng Phan Thái, Phan Đình Phùng, Nguyễn Xuân Ôn. Nay lại nổi lên một Phan Văn San... Và ai nữa, những con người kế tiếp mà thế hệ sau bao giờ cũng đứng trên vai thế hệ trước. Lòng vị Hoàng giáp cứ nghĩ đến một điều gì đó không hình dung nổi nhưng thật đẹp đẽ.

Tiếng vó ngựa lộc cộc đưa cỗ xe về Nam cách đã khá xa, khách còn ngoái lại nhìn và nhớ mãi cậu con trai nhỏ có cặp mắt thật sáng.

*
* *

Quốc Sử quán đặt ở phường Trung Hậu. Một vài lần ông Cử Sắc đã đi qua. Đó vốn là đất của các làng Diễn Thái và Phú Văn. Một phần kinh thành Huế được xây cất trên địa phận của các làng ấy. Quốc Sử quán có tường bao bọc tứ phía. Đối với người ngoài, đó là một chốn thâm nghiêm. Thế mà mai kia, gia đình ông Cử Sắc sẽ được vào đây nương náu? Nếu điều đó thành sự thực thì cuộc gặp gỡ này, đối với ông quả là một điều may.

Hoàng giáp Nguyễn Thượng Hiền đã cho đón gia đình ông Cử Nghệ từ ngoài ngõ Quốc Sử quán và cho thu xếp để gia đình ông nghỉ tạm tại một căn buồng dự trữ cạnh kho mộc bản. Nhân lúc Quốc Sử quán còn thiếu nhân viên đăng lục, ông Cử tạm thời được giao ghi chép một số tài liệu để có chút ít tiền công. Vì quan Tổng tài, người đứng đầu Quốc Sử quán quê cũng ở ngoài Nghệ nên việc sắp xếp nói trên của quan Toàn tu Nguyễn Thượng Hiền không gặp khó khăn gì. Nhờ có chỗ trú chân tạm thời đó, ông Cử Sắc đã vững tâm để đi tìm nơi ở mới khả dĩ có thể lâu dài hơn. Cũng nhờ sự giúp đỡ của một số quan chức người đồng hương, sau một thời gian, ông Sắc tìm được một căn nhà nhỏ ở ngay trong thành nội, vốn là căn kho cũ của đội lính Tuyên phong, là đơn vị làm nhiệm vụ bảo vệ Kinh đô. Vào năm Ất Dậu, khi giặc Pháp từ Trấn Bình Đài tràn qua để chiếm Hoàng thành, đội Tuyên phong đã chống trả khá quyết liệt. Sau ngày Kinh đô thất thủ, giặc Pháp

buộc triều Huế phải giải tán đội quân này và biến doanh trại của họ thành những cơ sở dân sự. Riêng căn kho lẻ của đội lính kia vì ở trong thành nội, người ta ít để ý, nên người ta đã qua nhiều cách được sử dụng nó vào nhiều việc khác nhau, để hôm nay thì dung nạp những chủ nhân mới.

Với số tiền ít ỏi, dành dụm được từ nhà mang theo, cộng thêm sự tích góp mới, bà Cử đã mua đặt vào đó chiếc khung cửi, công cụ để kiếm sống chính của gia đình ở nơi đây. Là một căn phòng nhỏ cho bốn người ở với những tiện nghi không thể thiếu, sự chật hẹp là tất nhiên. Nhưng với khiếu thẩm mỹ và đôi bàn tay khéo léo của người mẹ, nơi ở của họ vẫn gọn gàng, đẹp mắt... Hôm bà làm xong công việc cần thiết cuối cùng, cả nhà vui hẳn lên. Ông Cử vừa ở Trường Giám về, nơi ấy cách nhà đến sáu dặm. Thường ngày thì lúc đó bà để ông nghỉ ngơi cho thư thái nhưng hôm ấy bà đang chờ sẵn để nhờ ông một việc. Bà cắt từ trong tờ báo cũ một bức tranh vẽ đoàn người qua Cửa quan Đèo Ngang vào một buổi sáng rồi lấy dải giấy trắng dán chồng lên dòng chữ chú thích tranh bằng tiếng Pháp ở phía dưới. Nay bà nhờ ông đề chồng lên đó mấy chữ: *Nhật tảo quá Hoàn Sơn Quan* để bà có thể đính bức tranh lên vách nhà. Lòng đầy vị nể, ông Cử đã làm theo yêu cầu của bà. Nhìn bức tranh mới treo rồi lại nhìn vợ, ông Cử gật đầu cười và hỏi:

- Hay lắm, nhưng sao nhà không tự điển lấy dòng chữ đó cho trọn vẹn cái công của mình?

Bà e then, vẫn nghiêng nghiêng mái đầu duyên dáng như thuở nào. Từ vành môi viền chỉ đỏ, bà nói rất khẽ:

- Bàn tay đàn bà con gái viết ra, chữ nó cứ nghiêng nghiêng, nhạt nhạt như thế nào ấy sợ không xứng với cảnh trí và nét vẽ của bức tranh.

Vách nhà tuy xô rập nhưng khi bức tranh được treo lên, hợp màu, đúng chỗ, nó đã làm cho căn buồng thêm nên thơ. Quả là một bàn tay có tài xếp đặt, tạo dựng. Ông Cử cứ thán phục trong bụng nhưng cũng không thể không hỏi thêm:

- Sao nhà lại thích chọn bức tranh phác họa cảnh trí cửa quan vào một buổi mai?

- Thì đó là cảnh hợp ý của em nhất. Nó ở trong một tờ báo mà cô Linh Phụng cho xem và được cô ấy giải thích cho như vậy, chữ với loại chữ mới ấy, mình có đọc được đâu. Bà Huyện Thanh Quan đã đề thơ Đèo Ngang vào một xế chiều thì nay ta treo tranh Hoàng Sơn vào buổi mai cũng là hợp.

Ông Cử không giấu được nổi tự hào:

- Thì ra bây giờ tôi mới hiểu rõ ý tứ của người chọn tranh.

*

* *

Bé Nguyệt Minh tưởng Linh Phụng chưa biết gì về gia đình bà Cử Nghệ nên đã mách:

- Cô Linh Phụng ạ, cái gia đình mới chuyển đến ở sau Tòa Đô sát ấy có hai con trai còn nhỏ mà đã biết chữ. Còn bà mẹ thì bày được cho các con học và kể chuyện thật hay. Cô tới đó mà chơi thì biết.

Linh Phụng nhìn bé Nguyệt Minh bằng cái nhìn biết ơn. Cô gật đầu. Linh Phụng là con gái của một viên quan người họ Trần, đã từng sống ở Nghệ An trong thời gian thân phụ nhậm chức ở ngoài đó. Đã lớn tuổi nhưng Linh Phụng vẫn còn ở vậy vì chưa gặp được người mình chờ mong. Cô có tâm hồn của một nữ sĩ. Sinh trưởng trong một gia đình quyền quý nhưng Linh Phụng lại thích gần với cuộc sống dân dã. Cô đã nhiều lần sang thăm bà Cử Nghệ, thấy đó quả là gia đình của một nhà nho nghèo mà có một cuộc sống tinh thần rất phong phú.

Phần học bổng Trường Giám cấp cho ông Cử mỗi tháng chỉ có hai phượng gạo và hai quan tiền, quả là khó mà đủ cho riêng ông ăn ngày hai bữa dù kham khổ. Tuy vậy, ông Cử cũng không thể tự hưởng trọn cái tiêu chuẩn ít ỏi đó của mình mà còn phải san sẻ cho các con. Vì thế, đêm nào bà Cử cũng phải dệt vải đến tận khuya để có thêm thu nhập. Mà loại hàng như vải bà dệt thì ở đất đế đô, nơi cần nhiều nhưng lụa, gấm vóc này không mấy người dùng, nên dễ ế ẩm. Thành ra gia đình không thể tránh khỏi cái cảnh ăn thiếu, mặc đơn. Linh Phụng chú ý thấy bà Cử chỉ có hai chiếc áo, một vải, một sồi để thay đổi. Nhiều lần Linh Phụng gọi đến

chuyện đó và ngỏ ý muốn tư giúp nhưng bà Cử đã từ chối. Bà nói:

- May mà vào đây mùa Đông có bớt rét hơn ở ngoài Nghệ nên có mặc mỏng một chút cũng được, cô Linh Phụng ạ?

Bà định nói thêm: Chỉ thương ông Cử phải luôn luôn đi đến chỗ đông người và thương các con nhưng lại nghĩ là không tiện. *Già miếng canh, trẻ manh áo mới*, tuy vậy hai cậu con không mấy khi được may thêm mà cái mặc đối với trẻ nhỏ thì thường chóng rách hơn người lớn. Vì thế, áo của mỗi cậu con cũng không quá hai chiếc. Có lúc áo của Cung liên tiếp bị ướt. Cậu phải mặc nhờ của anh, chân áo dài đến chấm gối, cả nhà phải nín cười. Biết ý, Cung nói vui:

- Mặc vào thế này mới rõ là mình còn thấp lắm, phải lo ăn no, chóng lớn để mau cao kịp bằng anh! Ông Cử nhìn bà nói:

- Con của mình còn nhỏ thế mà đã biết pha trò.

Bà Cử cười sung sướng nhưng nhìn kỹ thì thấy những khóe mắt của bà có ngân ngấn nước.

Ở Huế thuở đó đã có các thứ gạo ngon như tám thơm, gạo de, gạo tếp, lại là đất có nhiều người thích ăn của sang nên các loại gạo chiêm, gạo ba giăng giá có rẻ hơn ở các chợ nhà quê một vài giá. Với những gia đình hàng ngày đang phải tính đến từng lẽ gạo như nhà bà Cử thì dùng các loại lương thực rẻ tiền ấy là hợp. Tuy nhiên không vì thế mà hết đi cái cảnh nhiều bữa

ăn trong gia đình phải nhường nhau từng thìa cơm. Lâu lắm mới đến một dịp có thức ăn ngon, đó là đĩa tôm kho mặn. Khi còn lại mấy con trên đĩa, mọi người cứ nhìn nhau hoài. Buộc lòng, bà Cử phải gấp bỏ cho chồng và các con. Hai cậu bé trở mặt nhìn và ông Cử hỏi:

- Thế không còn phần cho mẹ nữa à?

- Không sao - Bà Cử đáp. Đang còn dành lại trong niêu. Mẹ sẽ lấy cho mình phần hơn so với mọi người. Vì mẹ được cả nhà dành cho cái quyền cấp phát mà!

Nhưng rồi bà Cử không làm như vậy. Nhìn chồng và các con ăn ngon miệng là bà mát lòng. Ông Cử và hai người con cũng không chịu nhường. Bận sau, cả nhà buộc bà phải ăn bù cho bằng được. Bà Cử vừa ăn, vừa cười ứa cả nước mắt nhưng bà cũng chỉ ăn hơn một con tôm để chồng và các con vui lòng.

Cơm nước xong, cậu Cung hỏi:

- Sao cái gì mẹ cũng chỉ dành cho mình phần ít nhất. Mẹ mà gây yếu thì các con cũng gây yếu theo đó thôi!

Bà Cử an ủi:

- Mẹ không sao, các con cần được ăn khá hơn để chóng lớn. Còn mẹ, mẹ dùng như vậy là đủ rồi. Đạo này người mẹ đã béo hơn lên rồi đấy.

Bà nói vậy thôi chứ trong mắt ông Cử thì ngược lại, ông thấy người vợ của mình cứ ngày một mảnh gầy thêm. Còn bà, tuy đã luôn luôn nhường nhịn cho chồng con nhưng bà vẫn thấy chưa đủ. Bà nói với ông Cử:

- Làm một người mẹ mà thấy chồng và các con ăn đói, mặc đơn, lòng nghĩ thật xót xa.

Rồi bà ngược mắt lên hỏi ông:

- Cứ nhường bớt phần cơm của mình cho các con, nhà ăn uống thiếu thốn như thế thì sao đủ sức để mà đọc sách, làm bài?

Đôi mắt bà Cử đã hơi ngả màu nâu nhưng vẫn minh mông và vô cùng ấm áp. Nhìn vào đó, ông Cử lại hình dung đến đôi mắt mẹ, đôi mắt của một người đã một thời nổi tiếng xuân sắc. Nhưng rồi người đã ra đi quá sớm khi ông mới lên sáu và hình ảnh đậm nhất để lại trong ông cũng là đôi mắt. Rồi trong hạnh phúc của cuộc sống vật chất đơn sơ hôm nay, ông đã gặp được người bạn đời cũng có đôi mắt tuyệt diệu, mãi trẻ trung, ẩn chứa trong đó một lòng nhân hậu như cốt để đền bù cho ông cả phần tình thương của mẹ mà ở tuổi còn thơ, tạo hóa đã không cho ông hưởng trọn. Được âu yếm trong cái nhìn đắm đuối như vậy, lòng ông Cử vui hẳn lên. Ông nói dí dỏm:

- Phải dành bụng để đựng chữ. Nếu cứ luôn luôn được ăn no và ăn ngon thì sẽ không còn chỗ cho chữ nghĩa vào nữa, cũng nguy!

Bà Cử nghĩ, các con của mình còn bé mà đã biết nói pha trò, chắc là chúng đã chịu ảnh hưởng ít nhiều về cái khiếu riêng đó của bố. Tuy nhiên, niềm vui đã nhanh chóng qua đi. Còn lại trên môi bà vẫn là nụ cười

nhưng là một nụ cười lộ vẻ chua chát vì nỗi bần bạc của cảnh nhà, vì lòng thương chồng thương con quá đổi mà sức lực của mình thì rất có hạn. Thấu hiểu và cảm phục trước tấm lòng của vợ, ông Cử đã động viên, lời ông vẫn pha chút triết lý hài hước. Ông nói với vợ:

- Ngày xưa, thầy Mạnh Tử dạy:

Sinh ư đài các chi trung, sở cư bất quá dung tấ;

Thực phương trượng ư tiên, sở dụng bất quá thích khẩu.

Nghĩa là:

“Có cả một lâu đài lớn nhưng chủ nhân khi nằm cũng chỉ cần một nơi duỗi được đầu gối;

Ngồi trước một bữa tiệc thức ăn bày ra hàng trượng nhưng thực khách cũng chỉ cần một mức ăn vừa bụng”.

Nếu lấy vậy mà so thì mình cũng đã có được điều đáng tự hào. Chỉ tự làm lấy để nuôi nhau mà chúng ta vẫn đủ đáp đối và sống cũng khá vui. Về cái ăn, anh thấy lúc nào cũng ngon miệng dù chỉ là rau dưa, tương cà nhưng đã chiên, muối thơm ngon, đậm đà, hợp khẩu vị. Về việc mặc và ở, nhà mình tuy đơn sơ nhưng tinh tươm, dễ chịu. Nhà đừng quá ái ngại đối với chồng con mà phải lo cho cả bản thân nữa. Đối với gia đình ta, về dài lâu, nhà vẫn cứ vừa là cột trụ, vừa là nguồn vui lớn nhất.

Bà Cử biết, chồng mình là con người bền bỉ trong ý chí, dám chấp nhận mọi gian truân để có một tri thức

vững vàng và nên người hữu dụng. Mà đã là một con người mang trong mình nhiệt tâm đó thì dù có đồ đại khoa rồi cuộc sống cũng vẫn bình dị nên bà cũng vừa sướng bụng và cũng vừa lo. Để bù lại phần nào sự thiếu hụt trong chi tiêu của gia đình, bà lại càng phải lo thức khuya dậy sớm. Nhiều hôm, nhà thiếu dầu thắp, lúc các con đã đi ngủ, cả việc đọc sách của ông và việc dệt củi của bà phải cùng chung một ngọn đèn.

Càng hiểu rõ hoàn cảnh nhà bà Cừ, Linh Phụng càng quý mến nhiều hơn đối với người đàn bà mãi trẻ trung và giàu nghị lực này. Cô lấy làm vinh dự khi được ngồi trò chuyện với người phụ nữ đã được sinh ra và lớn lên trên lưu vực Lam Giang và mang trong tâm hồn mình những nét trong xanh, dạt dào của dòng sông xứ sở. Cứ như thế, sau nhiều buổi tiếp xúc trò chuyện, Linh Phụng đã phần nào tự xóa đi được sự ngạc nhiên rằng, làm sao một người đàn bà chỉ dệt củi và làm nội trợ mà lại có được một trí tuệ và một tâm hồn như thế. Cô vui mừng bảo:

- Được gặp chị là điều may. Em là Phụng, Linh Phụng. Chị là Loan. Chị phải gọi là Kim Loan. Và Loan bao giờ cũng cùng đi với Phụng.

Rồi Linh Phụng nói tiếp:

- Chị Kim Loan này, đã vào đây là phải đi thăm các lăng tẩm, chùa tháp, Hoàng thành cho biết thế nào là xứ Huế. Em sẽ dẫn chị đi. Về phần em, chị đừng ngại là em mất thì giờ.

Bà Cử chối khéo:

- Cảm ơn cô Linh Phụng. Chị là con người của thôn dã. Vì muốn giúp chồng mà chị phải mang các cháu vào nương náu ở chốn đô này. Chị không có thời gian và cũng không muốn bước đến những nơi linh thiêng và quyền quý.

Linh Phụng buồn và phàn nàn:

- Ô, đàn bà trong nội kinh dễ có mấy người sánh nổi chị về ý tứ, chữ nghĩa. Thế mà chị dè giữ quá. Cảnh phụ nữ chúng mình thường tự ti đến mức hạ mình quá đáng. Linh Phụng này muốn chị em mình không phải là những con người như thế. Chị sáng dạ và giàu cảm xúc lắm. Chị phải có nhiều hiểu biết hơn nữa để dạy bảo các cháu và giúp đỡ những người khác. Sẽ rất buồn nếu trong cuộc sống, chúng ta nghèo về cảm xúc mà ở chị thì khỏi phải lo về điều đó. Tuy nhiên, cảm xúc của con người cũng phải được bồi bổ. Mà ở đây, cảnh trí thiên nhiên và các công trình kiến trúc nghệ thuật có khả năng giúp cho ta tăng thêm cảm xúc. Em nghe nói, trong sự hình thành nhân cách của con người, những yếu tố cảm xúc là đáng kể hơn những yếu tố trí tuệ. Em muốn chị phải tuyệt vời hơn nữa. Bởi thế, dù có phải mất chút ít thời gian, em vẫn cứ muốn mời chị đi thăm đây đó về sông Hương, núi Ngự. Thêm những ý tưởng đẹp vào trong những con người như chị là sẽ có ích cho xã hội nhiều lắm.

Loan ngược đôi mắt trong, sâu thẳm nhìn cô gái rồi nói lên những điều cảm ơn:

- Chị rất hiểu, rất quý mến tấm lòng nhân hậu và nhiệt tình của em. Nhưng hiện chị phải lo làm việc để nuôi các cháu. Thực tế cuộc sống thật ngặt nghèo. Và, khả năng về cảm xúc ở trong chị cũng đã chai sạn đi nhiều rồi.

Linh Phụng nghĩ, không đâu, một con người như chị Cử Nghệ sẽ không để cho thời gian và nỗi vất vả về cuộc sống bào mòn tâm hồn chị có mà ngược lại, cho nên mình phải tạo thêm điều kiện cho chị ấy. Muốn thế, mình cũng phải góp phần giúp người đàn bà này giảm bớt những khó khăn trong cuộc sống vật chất. Cô có bà di là Thúy Ngọc giỏi về nghề dệt gấm. Cô đến nhờ di mình tập cho bà Cử Nghệ làm việc đó. Vốn sáng dạ và khéo tay, lại chuyển từ khung cửi dệt vải sang, bà Cử học nghề không chậm lắm và sản phẩm của bà làm ra dần dần cũng khá tinh tế và bảo đảm mỹ thuật. Trọng về cái tài nữ xảo của bà Cử Nghệ, di Thúy Ngọc đã cho bà mượn luôn cả bộ đồ dệt gấm là công cụ dự trữ của mình. Từ đó bà Cử đỡ phải căng thẳng về thời gian mà thu nhập lại có phần tăng lên.

Linh Phụng lại đến chơi và hỏi:

- Thế nào, chùng rồi chị Kim Loan của em có phải dệt một bức gấm như loại *Chức cấm hồi văn* không đấy?

Bà Cử nhớ đến tích truyện cổ: Xưa, nàng Tô Huệ trẻ tuổi và tài năng là vợ của Vương Thao. Chồng nàng vì chống lại bề trên mà bị bắt đi thú phương xa. Nàng làm một bài phú rồi dặt nổi lên trên bức gấm, tức là bài *Chúc cấm hồi văn* đem dâng lên vua để xin xóa án cho chồng. Vua trọng tài của nàng, tha cho Vương Thao về. Rồi bà nở nụ cười ấm áp trong vành môi viền chỉ đỏ mà đáp lời Linh Phụng:

- Ôi, chắc chắn là chồng của chị chẳng bị vua bắt đi thú như chuyện của chàng Vương Thao bên nước Tàu thời xưa. Mà nếu có gặp cảnh ngộ ấy thì chị cũng không có được cái tài như nàng Tô Huệ.

Vâng, không dặt chữ trên gấm cũng được. Còn đi thăm cảnh trí đất đế đô thì hôm nay chị phải nhận lời chứ?

Linh Phụng đã mời được bà Cử về chốn phòng riêng của nhà mình. Với tấm lòng hết sức quý trọng, cô nài ép mãi, nài ép đến mức như cầu khẩn, buộc bà vừa thương vừa nể cô mà nhận mặc bộ quần áo mới. Linh Phụng nhìn, đôi mắt cô sáng thêm nỗi vui mừng mà nói:

- Có chị tới đây, với bộ quần áo này, nơi ở của em trong phút chốc trở thành Cung Quảng rồi đó!

Đoạn, cô nói tiếp:

- Chị thấy không, bản thân bức tranh đã đẹp nhưng khi được đặt vào một cái khung thích hợp thì giá trị nghệ thuật của nó được tăng lên rất nhiều.

Cô lại nhìn, ngắm nghía bà Cử trong lúc bà thì cố ý tránh đi:

- Ôi, trông chị diễm lệ quá chừng. Đến em là gái mà cũng phải mê hồn.

- Khẽ chứ cô - Bà Cử nói. Vì quá thương nên cô thấy ở chị có chút nào để coi đó thôi. Còn chị thì vì quá nể bạn, chứ mặc như thế này, nếu ra đường mà gặp người quen thì thẹn chết đi được, vì con người chị vốn đã quen áo vải, dải nâu, không hợp với những áo quần quá sang trọng. Hay Linh Phụng cứ để chị mặc như thường ngày ấy vậy.

- Kìa, chị lại tự ti quá rồi. Nếu vậy thì em chẳng nói chuyện với chị nữa đâu. Nhưng thôi, chuyện đó để sau. Bây giờ thì chị phải mặc áo quần mới mà đi với em đã. Nhanh lên kéo chiều chị ới!

Họ đi ra ngõ, Linh Phụng bước theo bà Cử như người ta dẫn đón một nàng dâu mới. Cô trân trọng như đếm được từng nhịp bước từ đôi chân vốn quen đi trần, cuộc bộ mà rất đổi thanh quý của bà.

Huế điện ngọc, đèn rồng, trùng thiềm điệp ốc, Huế với những mảnh đời xơ xác, than bụi. Bà Cử nói với Linh Phụng:

- Sông Hương chỉ một luồng xanh biếc. Còn Huế thì có hai dòng trong đục khác nhau.

Linh Phụng nhìn người bạn gái vong niên tưởng như mình mới được gặp lần đầu:

- Bây giờ thì rõ quá rồi. Sẽ thiệt thòi biết mấy nếu nơi đây thiếu đi sự ghé thăm của những con người có cái nhìn tinh tế và tâm hồn dễ rung cảm như chị.

- Ấy cô Linh Phụng lại cứ quá lời. Chị vẫn là một con người dân dã, từng quen với ruộng đồng, xóm mạc, nhiều lắm chỉ biết đến ngôi chùa, mái đình đơn giản của thôn làng. Nay nhìn vào những cung điện, lăng tẩm, lắm lúc tưởng như mình nằm mơ, thế mới biết tài nghệ của ông cha ta thật là trác việt. Vì thế, chị không thể không nghĩ đến những con người cày ruộng và làm thợ.

Linh Phụng nói:

- Đức nhân hậu của chị không những thể hiện bằng lời nói, cử chỉ mà nó còn bộc lộ qua ánh mắt và nụ cười. Điều đó em nhận biết từ đầu. Nay em muốn được nghe một nhận xét cũng từ tấm lòng nhân hậu của chị về Huế vàng son là một xứ Huế, nơi đến của khách mọi miền.

Nhìn dòng sông Hương uốn khúc lững lờ, nhìn các cô gái tân thời giấu những nụ cười kín đáo dưới chiếc nón bài thơ, bay phấp phới những tà áo bông bèo, nguyệt bạch, cảnh trí vừa như đốn đả chào mời lại vừa như vẫy tay đưa tiễn, bà Cử đáp:

- Ở hoàn cảnh của chị, chị thấy hình như Huế là mảnh đất của những cuộc gặp gỡ, hẹn ước mà khách tha hương cũng ít lưu lại ở đây lâu. Con người như chốc đến, chốc đi, gặp gỡ để rồi chia xa.

Lời bà Cử như ghen lại. Bà mãi nhìn những con thuyền xuôi ngược trên dòng sông khi phía chân trời đằng Tây đã hiện lên những sợi ráng hồng. Còn Linh Phụng, cô thấy con người nói những lời thâm trầm kia có cặp mắt đen thật ám áp. Ở trang nữ lưu này chỉ trang điểm thêm tí chút là nổi ngay lên những nét tuyệt trần. Hôm nay trong bộ quần áo thị thành, con người bà mới hợp với phong cách Huế làm sao. Khi cả hai cùng đứng trên cầu Tràng Tiền, bà Cử vô tình nhìn thấy bóng mình ở dưới mặt nước sông Hương. Không mấy khi soi gương nên bà ít biết là mình xinh đẹp. Bấy giờ, từ mặt nước Hương Giang trong suốt là tấm gương thật trung thành nó đã làm cho bà nhận ra rằng, sự trầm trồ của Linh Phụng về mình cũng là điều có lý. Bà muốn ngó xuống mặt nước sông kia thêm chút nữa nhưng chợt thấy Linh Phụng cũng đang nhìn vào một chỗ như mình nên bà thẹn quá, vội quay đi. Linh Phụng cười thách thức:

- Đố chị giấu nổi bóng của mình đấy. Dù là đứng ở tư thế nào thì chị vẫn phải để cho mặt nước nó in bóng của mình. *Mà người xinh cái bóng cũng xinh* đó nghe! Từ đây chị phải năng đến thăm các danh thắng của Huế cho đủ, cho nhiều, để những nơi đó cũng vui. Vì được đón chị đó, chị Kim Loan ạ!

Linh Phụng nói vậy nhưng cô đã không hiểu rằng, đối với người mẹ trẻ xứ Nghệ này, trong cuộc đời của mình, bà ít có được những niềm vui bình thường như

vậy. Cả hai người cùng nghe từ xa đưa đến một điệu hò:

Thuyền về Đại Lược

Duyên ngược Kim Long

Tới đây chỗ rẽ của lòng,

Gặp nhau còn biết trên sông bên nào.

Như người đàn bà xứ Nghệ đã nói. Giữa hai người mới quen nhau này sau đó một thời gian không lâu là họ phải chia xa. Linh Phụng phải từ giã Huế vì quan Thị lang họ Trần lại được thăng làm Tổng đốc một tỉnh ở ngoài Bắc. Vắng Linh Phụng, bà Hoàng Thị Loan thấy như mình phải xa mãi một người bà con thân thiết.

*

* *

Từ Trường Giám trở về, đường xa chân mỏi nhưng hình dung đến cái gia đình nho nhỏ của mình là ông Cử Sắc lại thấy vui vui. Hai cậu bé ra đón bố từ ngõ. Ông hỏi:

- Thế nào, các con đều vui vẻ, không có gì phải cãi cọ tranh giành nhau chứ?

Bao giờ cũng vậy, điều đầu tiên ông mong muốn là có sự hòa thuận giữa các con.

Khiêm trả lời:

- Vâng ạ! Em Cung có làm hỏng đồ chơi nhưng chúng con đã sửa chữa lại rồi.

Cung nói rõ thêm:

- Con định ghép thêm vỏ ốc, vỏ hến cho chùa đẹp hơn nhưng không may nó đổ và con cũng đã giúp anh sửa sang lại.

Đó là trò chơi dựng chùa tháp rồi làm khách đến viếng thăm của hai cậu con trai. Họ tập làm việc đó sau khi được bố dẫn đi xem chùa Thiên Mụ. Ông Cử nhìn kỹ cái công trình tí hon của các con. Nó được tạo dựng bằng những mảnh sành, mảnh sứ trông cũng hao hao giống một ngôi tháp. Cái tuổi hay bắt chước, cứ để cho các ông tướng ấy nghịch. Ông Cử tự bảo vậy rồi nói tiếp:

- Đó là đồ chơi. Còn việc học, hai con đều ngoan và giỏi cả chứ?

Khiêm đáp:

- Dạ, nhưng khó lắm. Mẹ bắt học thuộc và viết đến những hai chữ *Minh*.

Ông Cử nói:

- Phải rồi, học trò thì thường cho bài mới là khó. Nhưng có khó mới phải học. Vả lại, một bài học mà chỉ viết hai chữ thì đã lấy gì làm nhiều!

Cậu Cung hỏi:

- Dạ, sao đã có chữ *Minh* là sáng rồi lại có chữ *Minh* là mờ thừa bố?

Ông Cử gật đầu rồi cười:

- Như vậy là đồng âm, nghịch nghĩa. Thế các con đã phân biệt được hai chữ ấy chưa?

Bé Cung viết lên nền nhà cả hai chữ rồi hỏi:

- Viết như thế này có đúng không ạ!

- Ừ giỏi, đúng cả.

Mẹ đứng nép mình sau tấm màn. Nhìn những nét chữ do bàn tay bé nhỏ của Cung vẽ nên, mềm mềm đến là dễ thương, bà nở nụ cười. Vành môi của bà viền chỉ đỏ trông thật trẻ trung. Không biết có mẹ đang đứng đó và đã theo dõi từng cử chỉ của mình với lòng trông đợi như thế nào, nên bé Cung vẫn hỏi bố:

- Thế còn có chữ Minh nào nữa không?

- Phần đó các con phải hỏi mẹ. Bố chỉ muốn biết về những điều mẹ đã bày mà thôi.

Ông Cử vừa trả lời con vừa che giấu cái nhìn kèm theo một nụ cười. Còn bà Cử thì khi nghe chồng nhắc đến mình, bà liền bước trở lại đằng bếp.

Cung lại hỏi:

- Thế sao bố không bày tiếp cho các con?

- Đó là phần việc của mẹ. Bố bận những công khác.

Giữa hai người, tự nhiên đã có một sự phân công. Dạy bảo cho các con ở nhà là việc của bà Cử. Khi vui chuyện, ông Cử chỉ thích nghe các con kể lại những việc trong ngày. Như lúc này, ông cũng hỏi thêm cho biết để mừng. Chứ tuyệt nhiên, ông không làm thay,

cũng như không sửa đổi lại trình tự công việc mà bà đã sắp đặt.

Hôm sau, bà Cử vẫn bắt bé Cung đọc lại cả chữ và nghĩa, bắt viết lại phần đã học rồi mới dạy thêm các chữ khác.

Bài học mới cũng có hai chữ: *Minh* là kêu và *Minh* là thể.

Bé Cung hỏi:

- Còn bao nhiêu chữ *Minh* nữa, thưa mẹ?
- Có khoảng ngót mười chữ *Minh* nữa con ạ!
- Ôi, chỉ mới một chữ *Minh* thôi mà càng học càng thấy khó anh Khiêm nhỉ!

Khiêm ngược mắt nhìn, ý muốn nhờ mẹ giải thích hộ. Bà Cử ôn tồn nói:

- Cũng có phần khó đấy. Nhưng phải như thế mới giải thích được cái này, cái nọ và càng thú vị thêm trong việc học tập.

Cung lại hỏi:

- Vậy có trường hợp nào chỉ một chữ, một nghĩa thôi không, thưa mẹ?
- Có, như chữ *Nhất* chẳng hạn.
- *Nhất* là một ấy à?
- Đúng nó có hai cách viết, đơn và kép nhưng đều cùng một nghĩa.

- Ô, lạ nhỉ!

- Đúng rồi, lớn lên, con hãy tìm xem có chữ *Nhất* nào khác với *Nhất* là một nữa không.

- Vậy, ngoài ra, còn có những chữ nào đọc âm, đọc nghĩa như chữ *Nhất*?

- Còn, ví như chữ *Nhị* và chữ *Tam*. Đó là những chữ đơn giản nhất, không học cũng biết.

- Thế tại sao chú Lân ở gần nhà ta đây, chú cứ tự phàn nàn: “Chữ *Nhất* là một cũng không biết”?

- Người ta cứ nói như vậy cho chí lý. Chữ trong lời nói ấy, chính chú Lân cũng đã tự nhận là mình có biết chữ *Nhất*. Cũng như để nói mình đã hết sạch tiền thì người ta bảo đến “Nửa đồng kềm cũng không còn”, Mặc dù với nửa chữ tiền kềm thì chỉ có cách là cho nó vào mớ đồng nát.

- Thế còn chữ *Tứ*?

- Ấy, chữ *Tứ* lại khác. Có đến tám, chín chữ *Tứ* kia.

- Thế đã hết các loại chữ như chữ *Nhất*?

- Đó là những từ chỉ số đếm. Ngoài ra, chắc cũng còn một số từ như thế nhưng có lẽ không nhiều lắm. Lớn lên học nhiều rồi con sẽ rõ. Về phần mẹ, mẹ cũng không biết hết được.

- Thế sao mẹ không học cho hết tất cả mọi chữ?

- Ô, con phải dành câu đó để hỏi các vị Trạng

nguyên, Bảg nhấn. Con không nghe người ta nói chữ nghĩa, kinh truyện là rừng Nho, bể Thánh à! Về phần mẹ, mẹ chỉ được ông ngoại bày cho học vào những lúc nhàn rỗi. Và nay, lúc các con nhàn rỗi thì mẹ bày lại cho, như là góp thêm dăm bảy hạt bột để rồi mong có được tấm bánh tròn đầy. Thực ra, cái vốn về chữ nghĩa của mẹ nó ít ỏi lắm. Trước bể Thánh, rừng Nho, mẹ chỉ như là con chim rất nhỏ lấp ló nơi cửa ngán và chân sóng mà thôi.

Những câu nói như vậy, người nghe dù còn nhỏ tuổi cũng không dễ gì mà quên. Đức khiêm tốn và lòng nhiệt tình của người mẹ đã thôi thúc các con mình suy nghĩ nhiều hơn về những ý tưởng đẹp, những việc làm hay. Nhiều bà mẹ đối với các con mình, họ không chỉ nuôi nấng dạy bảo những điều thông thường mà còn là người thầy giáo mô phạm về chữ nghĩa ở buổi khai tâm. Đối với bà Cử, bà cứ luôn luôn muốn chuyển trao cho con tất cả vốn hiểu biết của mình và gửi vào họ những ý tưởng thật tốt lành.

*

* *

Người khách ấy còn trẻ và trông cũng ra dáng phong lưu. Cô ta đứng khá lâu, nói với bà Cử những điều gì đó. Lúc khách đã ra về, cậu Cung hỏi mẹ:

- Sao cô ấy vào nhà mà không ngồi chơi như những người khác?

Bà Cử biết Cung tinh ý trong sự nhận xét. Còn khách thì vì mặc cảm tự thân về một lễ nào đó nên không dám ngồi đường hoàng như những người khác. Bà không biết nói với con như thế nào nên đành trả lời:

- Cô ta đứng nói chuyện một lúc cũng được, không sao!

Cung vẫn nghĩ, khách đã đến nhà, kể cả những người nghèo từ bên phố sang trao đổi, vay mượn và kẻ lạ như bà thợ khâu hôm trước đều được mẹ mời ngồi uống nước, nói chuyện thoải mái kia mà. Đẳng này, người khách vừa rồi trông cũng sang trọng. Cậu hỏi tiếp:

- Hay cô ấy chê nhà mình bẩn?

Bà Cử chưa kịp trả lời con vì đang hình dung lại, người khách trẻ tuổi ấy mặc tấm áo tím dài hợp với màu da trắng và có dáng người thon thả của mình. Nhớ khi cô ta ra về, bà Cử cứ nhìn theo ra chiều ái ngại. Và cho đến lúc này, bà vẫn trầm tư. Thấy thế, Cung lại hỏi thêm:

- Mẹ nghĩ điều gì vậy?

- Không, chẳng có việc gì đâu.

- Con thấy cô ấy có vật gì giấu trong miếng vải mà cứ mở ra rồi lại gói vào?

Biết đưa con trai nhỏ của mình thích quan sát, tìm hiểu, bà Sắc nói thêm:

- Cô ấy bảo là muốn bán đôi khuyên tai bằng vàng.
- Mẹ không mua à?

Bà Cử cười:

- Nhà mình không cần những đồ quý giá đó. Vả, nếu cần thì ta cũng không có tiền mua.

- Sao mẹ không mời cô ấy ngồi uống nước. Hay mẹ biết là cô ấy có ý chê bàn ghế nhà ta.

- Không đâu, mẹ có mời nhưng cô ấy vội.

- Thế nhưng con thấy cô ta chẳng có một cử chỉ nào tỏ ra là lật đật cả.

Thật khó mà giấu được một điều gì đối với người con trai nhỏ sáng dạ này. Bà Cử biết thế. Điều bà không muốn nói ra, người đàn bà ấy là một cô gái giang hồ. Lần bà Cử cùng Linh Phụng đi thăm cảnh Huế, hai người đã gặp cô ta và Linh Phụng cho bà biết như vậy. Hôm nay chỉ một lúc sau khi gặp bà, cô ấy liền nhớ ra nên mặt vẻ tự nhiên rồi không dám ngồi lên ghế. Biết thế, bà Cử vẫn niềm nở, chân tình. Nhưng chính cách đối xử tốt của bà đã khiến cô ấy biết tự nghĩ thêm về thân phận của mình khi mà nhiều người cứ cho nếu nhà có đàn bà là khách làng chơi đến thì ngại nhất là sự gieo rắc bệnh tật.

Còn cô gái nọ, nhìn bà mẹ trẻ dật cũi và nuôi con với dáng bộ thanh thản thì không thể không nghĩ đến những cuộc sống bình dị mà ấm áp. Người mẹ trẻ đến từ sông Lam này, lặn vào trong vẻ duyên dáng, đoan trang là những nét đẹp về trí tuệ, tâm hồn. Thấy vậy, trong cô bỗng nảy ra một ước mơ là muốn được sống cảnh đời lành mạnh của một con người lao động bình thường.

Không hiểu hết những điều suy nghĩ của mẹ, càng không rõ tâm trạng của khách nên cậu Cung vẫn hỏi:

- Sao cô ấy ăn mặc sang trọng như vậy mà lại phải mang vàng đi bán?

- Mẹ cô ấy ốm nặng, nhà cần nhiều tiền để mua thuốc con ạ!

Dù đã biết không dễ gì mà đánh lừa nổi một cậu bé tinh ý. Kiếp hồng nhan đã sa chân vào vòng giang hồ thì cần lựa là che thân và cần tiền bạc, rượu ngon và có khi cả thuốc phiện nữa để khóa lấp những nỗi trống trải, cô đơn vô nghĩa. Bà Cử chưa muốn cho con trai mình biết nhiều về những mảnh đời hoen ố cũng như những số phận bất hạnh trên trần gian.

Trẻ em là thiên thần trắng trong. Hãy để cho tuổi thơ giữ được những ý niệm tốt lành về con người và cuộc sống. Lớn lên với một tấm lòng biết thương yêu rộng lớn, một sức lực mạnh mẽ sẵn sàng cống hiến, hy sinh cho lẽ phải thì rồi các con sẽ biết quý trọng, biết

khinh ghét, biết giữ mình và biết góp phần dựng xây thêm những cái đẹp cho đời. Bà Cử nghĩ như vậy.

Càng trọng chồng, thương con và mến yêu cuộc sống bà Cử càng ý thức rõ thêm trách nhiệm của mình trước những việc cần làm. Những chữ nghĩa bà dạy cho các con đều lấp lánh vẻ đẹp của cuộc sống con người và của thiên nhiên. Những tấm lụa, tấm gấm tự tay bà dệt đều mịn màng, tinh tế. Bà giằng níu với thời gian, vật lộn với nhiều trở lực để hình thành và tạo nên những ý niệm, những vật phẩm tuy đơn giản nhỏ nhoi nhưng thật cần thiết. Thấy bà gắng gỏi quá nhiều, nhất là đêm nào cũng đến tận gà gáy sang canh mới chịu đi ngủ, ông Cử thường nhắc nhở và có khi đã tỏ ý phản nản. Với tấm lòng biết ơn về sự quan tâm của chồng, bà nói:

- Dệt cử là việc làm giản đơn, không phải bận lòng và nhọc trí như là làm phú, làm kinh nghĩa, văn sách của các sĩ tử khi sắp đến kỳ thi. Vì ban ngày bận nhiều việc nên về đêm em thức thêm một tí cũng chẳng sao. Đã ngắn buổi mai thì phải kéo dài buổi hôm mới kịp thời gian đó mà.

*

* *

Thế là đã ba năm, cái gia đình học thức bản bạch mà phong phú ấy đậu lại trên đất đế đô và cũng đã đến lượt nhà vua lại mở khoa thi Hội. Bà Cử sắm đủ cho

chồng những thứ cần thiết: Chiếc bút lông hiệu Ngọc thư hương nét mềm và sắc, thỏi mực Hàng Châu nháng đen và mọi tiên nghi, đồ đạc khác, cái gì cũng tươm tất. Không xin quẻ bói, cũng không đến cầu phúc ở các chùa, ông Cử bước vào lều thi với tất cả lòng tự tin ở sức học của mình. Các bạn đồng học, đồng hương đều nghĩ, khoa này thế nào ông Cử Nghệ cũng đỗ đại khoa.

Với trí lực thông tuệ của mình, các kỳ đầu, ông đều làm bài trôi chảy, tinh tế. Đến bài kinh nghĩa, trong đề ra có một câu đại để là: Người Phú-lăng-sa đã bình định được nước Đại Nam. Là một kẻ sĩ, trò có tin rằng sự bảo hộ của chính quốc đối với đất nước này sẽ được thuận lợi và có kết quả lớn lao không? Ông Cử ngẫm nghĩ rất lâu rồi viết với ý như thế này: Chưa hết những dấu hiệu tỏ rằng, người Phú-lăng-sa không bình định nổi nước Đại Việt. Và nếu có làm được điều đó, thì họ cũng không dễ dàng đạt được mục đích bảo hộ mà họ mong muốn.

Sau tiếng trống thu quyển, ông Sắc trở lại nhà. Gặp bà Cử, ông liền kể ngay về việc làm bài kinh nghĩa của mình và tỏ ý lo lắng. Bà nói:

- Nhà viết như thế là đã nói đúng cái lòng thực của mình rồi, không còn phải băn khoăn gì nữa. Em nghe nói vua Thành Thái cũng là một người yêu nước. Thế nào rồi các bài thi cũng được vua xem, nên nhà chẳng phải lo làm gì.

Ông Cử nhìn vợ với cái nhìn cảm ơn nhưng rồi ông nói:

- Mình nghĩ thật đẹp nhưng cũng thật đơn giản. Chỉ sau khi chấm thi Đình, chủ khảo mới dâng một số quyển nào đó để vua ngự lãm. Nghe nói thời Tự Đức, ông vua này ham học và hay làm thơ nên việc đó có được coi trọng. Còn nói chung, ngự lãm hay châu phê chỉ là chuyện hình thức. Mà đây tôi lại đang ở phần thi Hội thì việc chấm quyển và lấy đậu hoàn toàn là thuộc quyền của các giám khảo. Vì bồng lộc của mình, các vị đó đâu có dám làm trái ý của nhà vua và tòa khâm.

Bà Cử nhớ lại rồi nói:

- Ừ nhỉ, nhưng đối với bài kinh nghĩa, nhà biết như thế là không nên nhưng rồi vẫn cứ viết có phải không?

- Phải rồi, rất cảm ơn là mình đã hiểu cho tôi.

- Em đã biết, cái khí chất của chồng mình là như vậy mà. Nhưng không sao, đó chỉ là một phần rất nhỏ trong một bài thi. Còn các bài khác thì nhà đã làm rất tốt. Thế là chắc chắn em sẽ được tự tay dọn rượu để đón ngày vinh quy của chồng.

Ông Cử nhìn vợ, mỉm cười một nụ cười thấu hiểu trước con người đã từng quen chịu đựng. Còn bà Loan, bà nghĩ việc thi cử của chồng là chuyện đã qua rồi, nhắc lại chỉ thêm băn khoăn, bứt rứt nên bà nói vậy để chồng được an tâm phần nào, chứ thực tình, bà cũng lo. Bà biết đoạn văn trong bài kinh nghĩa của chồng mình

sẽ khó mà lọt qua mắt các vị giám khảo. Phần ông Cử, ông cũng không quên đây là lần thứ hai ông dự thi Hội. Ôn cơm áo và nợ sách đèn nặng lắm rồi. Hiểu lòng chồng, bà Cử nói:

- Đã nhiều lần nhà bảo em, nhà lo học, lo thi là để có thêm vốn hiểu biết. Em cũng chỉ mong thế. Điều hạnh phúc nhất của một gia đình là người cha có nhiều hiểu biết để giúp đỡ người mẹ và bày bảo cho các con.

Ngày nhà vua cho tổ chức xướng danh và yến tiệc, cả Kinh thành dăng dăng mũ áo biển cờ của những người đỗ đại khoa. Lòng thương chồng vô hạn bà Cử lấy tấm áo đã dành sẵn do bà tự cắt may từ tấm gấm đẹp nhất, cũng là tấm gấm do tự tay bà dệt mà trao cho chồng. Ông Cử ngạc nhiên. Bà nói:

- Kỳ thi sau, nhà sẽ mặc áo gấm của vua ban, còn bây giờ thì mặc tạm tấm áo gấm do tự tay vợ mình dệt và may. Em cứ coi là nhà đã đỗ ông Nghè rồi. Sức học và khí chất của nhà thì cứ để là *Thám hoa hữu dư, Phó bảng bất túc*.

Sự vững tâm và tế nhị trong ý chí, tình cảm của bà đã khiến ông Cử vơi đi phần lớn nỗi buồn của người hỏng thi. Và sau này nhớ lại ông thấy rằng, không ngờ người vợ của mình, bằng một linh cảm nào đó mà lúc bấy giờ đã chủ trương chia sẻ trước niềm vui đỗ đạt của chồng.

Tuy còn phải lận đận ở vòng thi Hội nhưng giữa đất Kinh kỳ, ông Cử Nghệ vẫn nổi tiếng là người học

rộng. Nhiều nơi muốn mời ông về để mở trường. Sau khoa thi Hội Mậu Tuất ấy, ông Cử cũng chỉ xin đến Trường Giám vào những buổi bình văn. Nhà trường đã chấp nhận đề nghị đó, vì ở kỳ thi vừa qua, ông Cử chỉ còn bài kinh nghĩa là chưa đủ điểm. Bà con làng Dương Nỗ, huyện Phú Vang đón ông về dạy học. Bấy giờ Khiêm và Cung cũng đòi hỏi một mức độ giảng dạy cao hơn. Ông đưa cả hai cậu về dưới đó để kèm cặp. Mỗi tuần lễ vài bận, bà Cử lại tiếp tế xuống cho các con. Để bù vào những quãng thời gian phải đi, về và nghỉ lại ở dưới đó, về nhà bà Cử lại phải thức đêm nhiều hơn, đưa tay thoi nhanh hơn để có thêm thu nhập mà nuôi cho các cậu ấy chóng lớn, nên người.

Rồi bà Cử có mang. Đến gần ngày sinh của bà, Khiêm và Cung lại phải trở về căn nhà nhỏ ở Kinh thành để cùng giúp đỡ mẹ và săn sóc em nhỏ. Gần mười năm sau ngày bé Cung ra đời, vợ chồng ông Cử mới có thêm con, cảnh nhà lại như vậy nên sau ngày sinh nở, sức khỏe của bà có phần kém sút, không đủ sữa trong cho cậu con mới sinh, tên là Xin. Dù còn ít ngày bà cũng phải cho bé ăn thêm nước cháo loãng. Trong tháng mẹ ở cữ, Khiêm lo phần bếp núc, giặt giũ, còn Cung thì săn sóc em. Thấy các con phải gồng người lên để cáng đáng những công việc quá sức so với lứa tuổi mà đúng ra đó là thiên chức của đàn bà con gái, nhiều lúc bà Cử phải ngoảnh đi mà chấm nước mắt. Sau tháng nằm bếp, dù sức còn yếu, bà Cử vẫn

phải ngồi lên khung cửi. Thường thì khi đã quá nửa đêm, trong căn nhà nhỏ này vẫn còn le lói ngọn đèn. Nó thức với tiếng lách cách của con thoi giữa đôi cánh tay gầy yếu, xanh xao mà nhịp nhàng, tài nghệ. Mấy ai biết được ý nghĩa của cái chấm sáng trong khuya khoắt ấy giữa đất Kinh kỳ đầy những đèn nến phù phiếm sáng choang trong Hoàng thành vàng son cũng như trong các dinh thất sang trọng. Riêng cái chấm sáng trong căn nhà nhỏ của bà Cử thì mãi không mất đi vì nó vẫn còn thức qua trí tưởng tượng của nhiều lớp người, thức để đợi đến một chân trời hừng rạng.

Vua lại mở khoa thi. Năm nay thi Hương, ông Cử Sắc được phái đi làm Sơ khảo ở Trường Thanh. Sang năm thi Hội ông lại trở về làm một sĩ tử. Bà Cử lại đã chuẩn bị chu tất. Để cha con nương dựa nhau trên quãng đường trường, bà cho người con trai lớn đi theo bố. Ông Sắc không muốn thế nhưng bà nói:

- Đường từ đây ra đến tỉnh Thanh xa gần gấp rưỡi về nhà mình, dặm dài vất vả, nhà phải để cho thằng anh nó đi cùng, phòng khi chân son, bóng đá. Nơi đây tuy cư trú tạm thời nhưng cũng là nhà mình. Em đã quen rồi, lại có bà con xóm phố đỡ đần nhau, xin nhà đừng ngại gì cả.

Ngày tiễn chồng và con trai lớn lên đường, bà mặc tấm áo tím, đậm một màu thủy chung, tấm áo sang trọng nhất bà may theo sự ước ao, nài ép của cô Linh

Phụng. Màu áo vừa hợp với nước da ngân trắng của bà vừa hợp với đất trời xứ Huế. Ông Cử ra đi, bà bế con nhỏ ra tiễn chồng bằng cách đứng nhìn nhiều hơn lời nói. gương mặt người vợ có sức trẻ dai với đôi môi viền chỉ đỏ, chút duyên màu trời phú, trước giờ chia phôi như là tất cả: hy vọng, hạnh phúc và đất nước. Ngày về chắc đẹp hơn. Họ cùng nghĩ như vậy. Các con sẽ thêm khôn biết, những tấm gương cứ dẹt dài thêm ước mơ và khoa danh rồi rạn vỡ.

Lòng bà mẹ bao la như vậy nhưng sức con người là có hạn. Sự gắng gỏi của bà chẳng được tạo hóa đền bù mà lại làm cho cái vóc dáng liều bỏ ấy ngày một hao sút. Cậu Cung gắng gỏi trong mọi việc để giúp đỡ mẹ và chăm sóc em, khéo tay như một người con gái. Cậu hy vọng sức khỏe của mẹ rồi sẽ được bình phục. Lúc đó mẹ lại có đôi bầu sữa ngọt lành cho em mình được ôm lấy mà bú thỏa thích như những đứa bé khác cùng tháng tuổi. Thấy vậy, bà Cử càng thương các con ở cạnh mình, thương và lo cho những người thân ở xa. Rồi bà thiếp đi. Bà mơ thấy bé Xin đã hồng hào, cứng cáp. Bà đang bế con nhỏ và cùng con lớn về thăm lại làng Chùa, gặp mẹ cùng con gái. Bố con ông Cử từ Thanh cũng đã về tới đó, gia đình được sum họp, hân hoan. Nhưng tỉnh dậy, liền nghe tiếng bé Xin khóc ré lên vì khát sữa và tiếng ru em với giọng mệt mỏi, buồn ngủ của Cung, ruột bà thắt lại. Người bà càng mệt hơn. Từ đó không mấy khi bà gượng dậy nổi. Cậu Cung

càng lo lắng nên ngày đêm quên ăn, quên ngủ để săn sóc mẹ và chăm nuôi em. Các bạn bè của Cung và bà con xóm phố cũng từng quả chuối, từng bát cháo hành, lọ dầu cao bạc hà mang sang giúp đỡ. Họ thay nhau ở lại trực đêm, mời cả thầy lang đến bốc thuốc, sắc lên cho bà uống. Bà Cử chào họ bằng những cái gật đầu cảm ơn. Về phần mình, bà cũng đã gắng gượng hết sức nhưng rồi vẫn không qua khỏi.

Trong giây phút còn lại quá hiếm hoi khi thần Chết chưa ập đến, bà mẹ trẻ vẫn bình thản. Cặp mắt vốn mênh mông và nguyên vẹn sự ấm áp của bà vẫn không rời đứa con nhỏ quá thơ dại, yếu ớt cùng người con trai mười tuổi với lòng hy vọng lớn lao. Vẫn đủ thời gian để bà ôn lại những nỗ lực và nuôi giữ những ước muốn.

Chắc khoa thi Hội sắp tới chồng mình sẽ đỗ cao. Mình sẽ không còn nữa nhưng những ước muốn tốt lành thì đã hòa nhập vào trong con cái. Bà lại đi vào giấc mơ mới. Trong đó, bà nhận ra mình là một người mẹ vinh hạnh nhất trần gian vì vợ chồng bà đã sản sinh ra một thiên tài.

Rồi vào một ngày ẩm đậm cuối năm Canh Tý, ngày hai mươi tháng Chạp, tức mồng mười tháng Hai năm 1901, người đàn bà bình dị mà phi thường mới ba mươi ba tuổi đời ấy đã nhẹ nhàng ra đi, giao lại cho người đời tất cả, trước mắt là những dặm đường.

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA

33 - Chu Văn An - Huế

ĐT: 821228 - 823847

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN DUY TÒ

Biên tập: LÊ VĂN

Trình bày: QUANG MINH

Sửa bản in: THANH HUONG

In 1000 cuốn, khổ 13 x 19 cm, tại CÔNG TY CP IN HÀ TĨNH.
Số đăng ký KHXB: 334-2006/CXB/1-13/XBTH/NXBThuH của
Cục xuất bản cấp ngày 28-4-2006. Quyết định XB số: 2863/QĐ-ThuH
cấp ngày 21-7-2006. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2006.

CÔNG TY VĂN HÓA CẦU VỒNG KÝ HỢP ĐỒNG
VỚI TÁC GIẢ QUYỀN SỬ DỤNG TÁC PHẨM NÀY
HẾT NĂM 2011

Người Mẹ của một thiên tài

“Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với Cụ, Người đã có công sinh thành và nuôi dưỡng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người đã mang lại vinh quang cho đất nước Việt Nam, Người mà mọi người Việt Nam từ thế hệ này đến thế hệ khác sẽ mãi mãi ghi ơn”.



PHẠM VĂN ĐỒNG

CÔNG TY TNHH VĂN HOÁ CẦU VỒNG PHÁT HÀNH

Địa chỉ: 211 Nguyễn Trãi, thành phố Vinh, Nghệ An

Tel: 038.851127 - Fax: 038.851127



8234876851127

Giá: 18.000đ